

CHƯƠNG TIẾP NỐI

■ ■ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019



CHƯƠNG TIẾP NỐI

Năm 2019 được đánh dấu là một năm chuyển đổi mang tính chiến lược và toàn diện từ con người, sản phẩm đến quy trình vận hành, hệ thống công nghệ nhằm thích nghi với sự thay đổi của môi trường bên ngoài, đồng thời nâng cao năng lực nội tại để đưa HSC phát triển mạnh và bền vững hơn trong tương lai.



NỘI DUNG

Báo cáo thường niên
2019

PDF TƯƠNG TÁC

Báo cáo được trình bày bằng định dạng PDF tương tác: Người đọc có thể di chuyển đến các Chương trong báo cáo nhanh chóng hoặc di chuyển đến các trang web liên quan.



Website link:
www.hsc.com.vn/vn/investor/annual-report

ĐỊNH DẠNG

Báo cáo này được xuất bản ở định dạng in và PDF



Bạn có thể tải báo cáo
này trên trang web của chúng tôi.

04 THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

07 TỔNG QUAN HSC

- 08 Các chỉ số tài chính nổi bật
- 10 Tổng quan về HSC
- 11 Ngành nghề kinh doanh
- 12 Chặng đường phát triển
- 14 Danh hiệu và giải thưởng
- 16 Hội đồng Quản trị
- 18 Ban Kiểm soát
- 19 Cơ cấu công ty
- 20 Ban Điều hành
- 22 Thông tin cổ đông

27 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- 28 Tổng quan thị trường chứng khoán Việt Nam 2019
- 31 Kết quả hoạt động kinh doanh
- 42 Tình hình tài chính và các chỉ số tài chính

44 VẬN HÀNH

48 QUẢN TRỊ RỦI RO

54 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 56 Phát triển bền vững
- 63 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 82 Báo cáo của Ban Kiểm soát

86 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

167 MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2019 là năm tôi và Ban Điều hành HSC chính thức chuyển đổi từ mô hình “Lấy sản phẩm làm trung tâm” sang “Lấy khách hàng làm trung tâm” một cách toàn diện trên tất cả các mảng kinh doanh.

Ông TRỊNH HOÀI GIANG
Tổng Giám đốc

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2019 đối với HSC là một năm chuyển đổi để chuẩn bị cho những bước tiến xa hơn. Tôi rất vinh dự được Hội đồng Quản trị giao trọng trách chèo lái con thuyền HSC trong “Chương Tiếp nối”, và trên cương vị mới, tôi xin chia sẻ với Quý vị về hiệu quả hoạt động của HSC trong năm 2019, cùng những chiến lược kinh doanh trọng điểm trong năm 2020.

Nền kinh tế Việt Nam năm qua đã có các kết quả tích cực, khẳng định nỗ lực của chính phủ trong việc điều hành kinh tế vĩ mô nhằm tiếp tục đưa Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Tuy vậy, thị trường chứng khoán ghi nhận kết quả không khả quan với thanh khoản sụt giảm mạnh. Cũng trong năm Bộ Tài chính bãi bỏ mức sàn giá dịch vụ môi giới, HSC đã chính thức đối diện với cuộc cạnh tranh cắt giảm giá từ các công ty chứng khoán trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh đó, kết thúc năm 2019, thị phần môi giới của HSC giảm nhẹ và giữ vững vị trí số 2 trên thị trường, đặc biệt thị phần môi giới cho khách hàng tổ chức tiếp tục khẳng định vị thế đứng đầu. Tổng doanh thu giảm 26% và cơ cấu doanh thu có sự dịch chuyển với mảng đóng góp lớn nhất đến từ lãi cho vay ký quỹ. Sự thiếu hụt các thương vụ IPO, M&A ảnh hưởng đến hoạt động tư vấn của toàn ngành nói chung và HSC nói riêng. Hoạt động tự doanh cũng sụt giảm. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận mức 432 tỷ đồng, hoàn thành 64% kế hoạch. Tuy nhiên, thu nhập trên vốn cổ đông (ROE) vẫn nằm trong số các công ty chứng khoán đứng đầu ngành.

“Chúng tôi sẽ tiếp tục đưa HSC phát triển bền vững, khẳng định vị thế hàng đầu, mang lại những giá trị cao nhất cho khách hàng, Quý cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng nơi chúng tôi hoạt động.”

Mặc dù không đạt kỳ vọng, tôi vẫn đánh giá tích cực các kết quả đạt được trong năm, đặc biệt là các hoạt động nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững của HSC những năm kế tiếp.

Đầu tiên tôi nhắc đến là nỗ lực thực hiện tăng vốn chủ sở hữu lên 4.304 tỷ đồng và ký kết thành công Hợp đồng vay hợp vốn tín chấp trị giá 50 triệu đô la Mỹ với nhóm 10 định chế tài chính nước ngoài đứng đầu là ngân hàng SinoPac của Đài loan. Việc huy động vốn thành công chứng minh uy tín thương hiệu và niềm tin của các nhà đầu tư và định chế tài chính trong nước cũng như quốc tế đặt vào HSC.

Tiếp đến là việc cải thiện hệ thống quản trị rủi ro. HSC luôn được ghi nhận là công ty chứng khoán có hệ thống quản trị rủi ro tốt nhất, tuy nhiên chúng tôi vẫn cấu trúc lại danh mục ký quỹ, lựa chọn những tài sản an toàn cao. Chính vì vậy, khi các công ty trong ngành vướng phải những thiệt hại tài chính liên quan đến tài sản rủi ro, HSC vẫn luôn đảm bảo an toàn vốn của nhà đầu tư.

Cũng trong năm, chúng tôi triển khai thành công sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp do HSC cấu trúc và phân phối. Điểm khác biệt ở sản phẩm này là sự lựa chọn trái phiếu từ những doanh nghiệp hàng đầu, gói thanh khoản hỗ trợ các nhà đầu tư tối ưu dòng vốn, và trải nghiệm khách hàng khác biệt trên nền tảng giao dịch số nhiều tiện ích.

Lợi nhuận sau thuế

432 TỶ VNĐ

Chiến lược “Lấy khách hàng làm trung tâm” sẽ tạo nên sự khác biệt cho HSC

Năm 2019 là năm tôi và Ban Điều hành HSC chính thức chuyển đổi từ mô hình “Lấy sản phẩm làm trung tâm” sang “Lấy khách hàng làm trung tâm” một cách toàn diện trên tất cả các mảng kinh doanh.

Với khách hàng cá nhân: chúng tôi số hóa dịch vụ chứng khoán giúp tối ưu chi phí hoạt động thông qua tự động hóa các quy trình vận hành, giúp xây dựng mức phí cạnh tranh hơn, tăng trưởng quy mô khách hàng nhanh hơn. Nền tảng giao dịch số của HSC sẽ được ra mắt trong năm 2020 với giao diện đơn giản, thân thiện, ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất. Bên cạnh đó việc đa dạng hóa sản phẩm đầu tư, ra mắt giải pháp quản lý tài sản toàn diện cho khách hàng cá nhân cũng được đặt ưu tiên trong năm kế tiếp.

Với khách hàng tổ chức: HSC luôn là lựa chọn hàng đầu khi khách hàng muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Nhận định Việt Nam tiếp tục là điểm thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài, chúng tôi đã nâng cấp hệ thống giao dịch đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, cải thiện tốc độ giao dịch. Song song, chúng tôi xây dựng bộ phận vận hành chuyên biệt cho nhà đầu tư tổ chức nhằm phục vụ hiệu quả, chuyên nghiệp.

Với khách hàng doanh nghiệp: chúng tôi luôn coi doanh nghiệp là đối tác đồng hành dài hạn trong lĩnh vực tư vấn huy động vốn (DCM và ECM), phát hành (IPO) và sáp nhập, mua bán (M&A). HSC tiếp tục nỗ lực đóng vai trò là cầu nối giữa các nhà đầu tư tiềm năng đến với các doanh nghiệp.

Với khách hàng nội bộ: hoạt động đầu tư tự doanh với vai trò tạo lập thị trường cho các quỹ ETFs, các sản phẩm chứng quyền tiếp tục được phát huy. Sự thành công của quỹ VFMVN30 khẳng định uy tín và tiếp tục mở ra cơ hội cho các quỹ ETFs mới đi vào hoạt động trong năm 2020.

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chiến lược “Lấy khách hàng làm trung tâm” đã tạo nên sự kết nối, hợp tác vững chắc cho các mảng kinh doanh của chúng tôi, mang đến cơ hội cung cấp những giải pháp tư vấn tài chính toàn diện cho khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt của HSC.

Hòa hợp các yếu tố phát triển bền vững

Chúng tôi hiểu rằng hài hòa lợi ích của các bên liên quan ngày càng trở nên quan trọng hướng tới sự phát triển bền vững.

- Trách nhiệm phát triển nguồn nhân lực:** Con người luôn là yếu tố tiên quyết cho thành công của HSC. Chúng tôi tạo môi trường làm việc sáng tạo, thân thiện, thúc đẩy tiềm năng phát triển của mỗi nhân viên. Việc xây dựng và trao quyền lãnh đạo cho các thế hệ tiếp nối sẽ tiếp tục phát huy trong những năm kế tiếp. Công tác đào tạo luôn được chú trọng thông qua việc áp dụng hệ thống E-learning nhằm mở rộng năng lực và quy mô đào tạo. Xây dựng và duy trì chế độ đãi ngộ tốt với các quyền lợi minh bạch, công bằng sẽ tạo nên sự gắn kết lâu dài ở mỗi nhân viên đối với HSC.
- Xây dựng cơ chế quản trị minh bạch:** chuẩn hóa cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, theo các chức năng chuyên trách trong đó vai trò và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận, được mô tả rõ ràng; thể chế hóa các hoạt động trong tổ chức; minh bạch các thông tin quản trị, đó là những công việc chúng tôi sẽ tiếp tục hoàn thiện trong năm 2020.
- Đóng góp vào cộng đồng, cải thiện môi trường hoạt động:** HSC luôn tích cực đóng góp cho sự phát triển của ngành chứng khoán Việt Nam trong suốt thời gian vừa qua và chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục đóng góp nhiều hơn cho ngành trong giai đoạn sắp tới.

ROAE

11,7%

VỐN CHỦ SỞ HỮU

4.304^{Tỷ}VNĐ

TỔNG TÀI SẢN

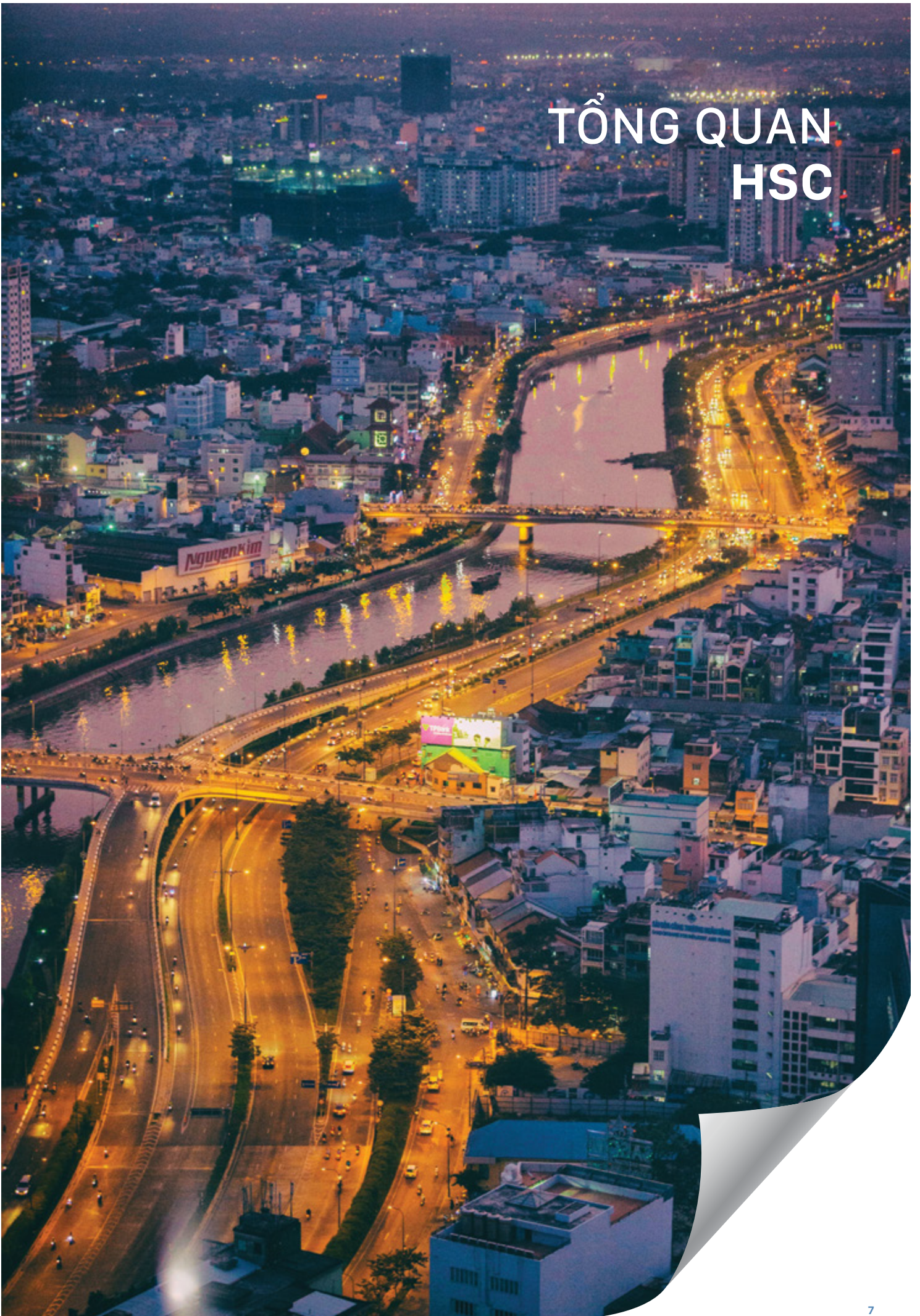
7.489^{Tỷ}VNĐ

Năm 2020 được dự báo là năm đầy thử thách đối với nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung, và với HSC nói riêng, đòi hỏi những nỗ lực lớn nhất từ cá nhân tôi và toàn thể nhân viên HSC. Tôi vững tin vào chiến lược chuyển đổi toàn diện và năng lực đội ngũ cộng sự của mình. Chúng tôi sẽ tiếp tục đưa HSC phát triển bền vững, khẳng định vị thế hàng đầu, mang lại những giá trị cao nhất cho khách hàng, Quý cổ đông và đóng góp tích cực cho cộng đồng nơi chúng tôi hoạt động.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian vừa qua và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý vị trong những năm kế tiếp.

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

TỔNG QUAN HSC

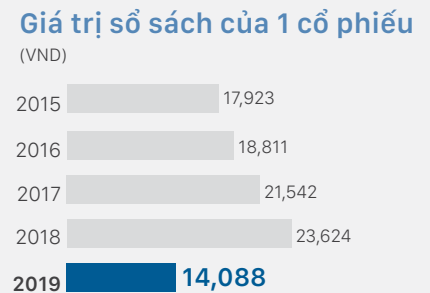
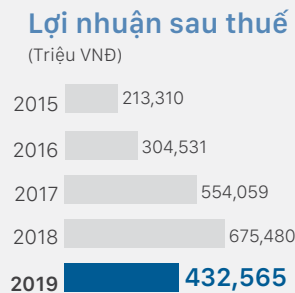
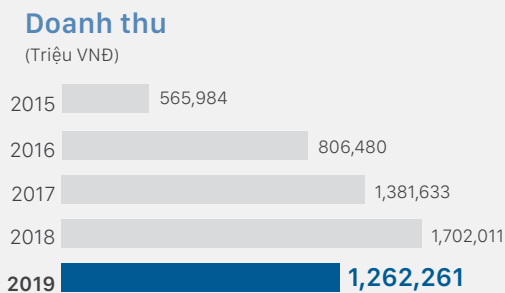


CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	2015	2016
Kết quả hoạt động kinh doanh (Triệu VNĐ)		
Doanh thu	565.984	806.480
<i>Trong đó:</i>		
Môi giới chứng khoán	262.076	348.957
Hoạt động cho vay ký quỹ	222.636	343.657
Đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	63.772	81.260
Doanh thu hoạt động tư vấn	11.155	24.602
Doanh thu khác	6.345	8.004
Chi phí hoạt động	294.512	421.886
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	271.472	384.594
Lợi nhuận trước thuế	271.500	385.383
Lợi nhuận sau thuế	213.310	304.531
Bảng cân đối kế toán (Triệu VNĐ)		
Tổng tài sản	3.596.583	3.616.842
Vốn điều lệ	1.272.568	1.272.568
Vốn chủ sở hữu	2.279.549	2.391.917
Các chỉ tiêu tài chính		
Thu nhập trên tài sản trung bình (ROAA)	5,6%	9,1%
Thu nhập trên vốn cổ phần trung bình (ROAE)	9,2%	13,0%
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	127.185.417	127.155.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VNĐ	1.677	2.395
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu - VNĐ	17.923	18.811
Cổ tức - VNĐ (**)	1.430	1.700
Giá thị trường thời điểm cuối năm - VNĐ	30.800	28.000
P/E	18,4	11,7

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh

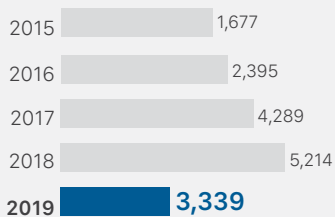
(**) Số liệu tạm tính năm 2019 và phụ thuộc vào sự chấp thuận sau cùng tại AGM



2017	2018	2019	CAGR trong 5 năm
1.381.633	1.702.011	1.262.261	10%
601.942	758.849	478.283	
439.219	523.064	495.989	
269.839	278.344	222.453	
45.179	119.217	53.628	
25.455	22.536	11.908	
689.310	859.927	730.950	
692.323	842.083	531.311	
692.601	842.186	531.406	
554.059	675.480	432.565	3%
6.680.572	5.256.305	7.488.679	13%
1.297.568	1.297.568	3.058.823	19%
2.791.161	3.060.536	4.304.143	13%
10,8%	11,3%	6,8%	-8%
21,4%	23,1%	11,7%	-6%
129.570.368	129.554.168	305.516.173	19%
4.289	5.214	3.339	2%
21.542	23.624	14.088	-5%
2.100	2.500	1.200	-11%
60.100	46.850	21.350	-7%
14,0	9,0	6,4	-10%

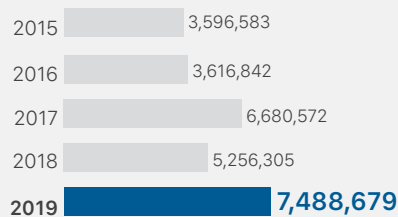
Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(VND)



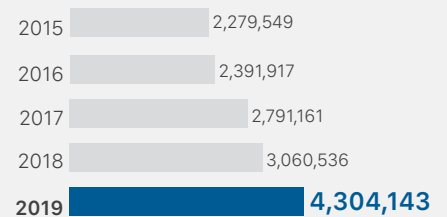
Tổng tài sản

(Triệu VND)



Vốn chủ sở hữu

(Triệu VND)



TỔNG QUAN VỀ HSC

TÂM NHÌN

Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, và được đánh giá cao nhất trên thị trường, trong khi đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

SỨ MỆNH

Là Công ty chứng khoán dẫn đầu ngành chứng khoán và thị trường vốn tại Việt Nam trong những chuẩn mực về tính chuyên nghiệp, sáng tạo, sức khỏe tài chính và phát triển bền vững.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực

Chúng tôi mang sự chính trực vào trong mỗi quyết định kinh doanh và hoạt động hằng ngày của công ty.

Tích cực

Chúng tôi thể hiện tinh thần tích cực, tôn trọng khi chia sẻ, tương tác với những người xung quanh.

Tận tâm

Chúng tôi làm việc tận tâm để cung cấp những dịch vụ tốt nhất và vượt kỳ vọng của những người xung quanh.

Hợp tác

Chúng tôi xây dựng những mối quan hệ hợp tác dựa trên sự tin tưởng, đồng cảm, và hỗ trợ lẫn nhau.

Chuyên nghiệp

Chúng tôi liên tục sáng tạo và nâng cao năng lực để trở thành một công ty đầu ngành trong thị trường vốn.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÔI GIỚI

Dịch vụ môi giới

- Mở tài khoản giao dịch
- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Phân phối chứng chỉ quỹ
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
- Quản lý ủy thác
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

Dịch vụ tài chính

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán
- Môi giới, đấu thầu và repo trái phiếu chính phủ
- Tài trợ vốn ngắn hạn cho đấu thầu trái phiếu chính phủ

Giao dịch điện tử

- Web trading
- Mobile trading
- DMA & STP
- FIX
- OMGEO
- Contact center
- SMS

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp
- Tư vấn thoái vốn đầu tư cổ phần tại doanh nghiệp nhà nước
- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK

Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước

- Tư vấn phát hành (đại chúng & riêng lẻ)
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn thoái vốn
- Tư vấn phát hành riêng lẻ

NGHIÊN CỨU

Báo cáo phân tích

- Vĩ mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích cổ phiếu
- Phân tích kỹ thuật
- Phân tích định giá cổ phiếu

Hỗ trợ khách hàng

- Tư vấn trực tiếp với chuyên viên phân tích
- Tổ chức cho khách hàng đi thăm doanh nghiệp
- Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tự doanh

- Cổ phiếu
- Trái phiếu
- Chứng chỉ quỹ

- Phái sinh
- Chứng quyền có bảo đảm

Tạo lập thị trường

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

2003

- Chính thức được thành lập sau khi Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 vào ngày 23/04/2003 và Ủy ban Chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 11/GPHĐKD ngày 29/04/2003.
- Là một trong số ít các Công ty chứng khoán trong nước có số vốn điều lệ lớn nhất năm 2003 với 50 tỷ VNĐ.

2006

- Tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ VNĐ.
- Chuyển trụ sở chính và phòng giao dịch đến tòa nhà Capital Palace, số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP. HCM.

2003
2010

2007

- Tăng vốn điều lệ lên 200 tỷ VNĐ.
- Thành lập chi nhánh Hà Nội tại số 6 Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm.
- Phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông chiến lược HDBank và FIDICO.

2008

- Tăng vốn điều lệ lên 395 tỷ VNĐ.
- Ra mắt Trung tâm hỗ trợ khách hàng PBX và hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade cho phép giao dịch qua Internet.
- Thành lập Phòng giao dịch Hậu Giang tại TP. HCM.

2009

- Chính thức niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là HCM.
- Nâng cấp hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade và ra mắt hệ thống giao dịch trực tuyến VIP-Trade, phiên bản cao cấp hơn với công nghệ thông tin giao dịch thời gian thực.
- Thành lập Phòng giao dịch Láng Hạ tại Hà Nội.

2010

- Tăng vốn điều lệ lên 600 tỷ VNĐ.
- Thành lập 04 Phòng giao dịch: Trần Hưng Đạo và 3 Tháng 2 tại TP. HCM, Bà Triệu và Kim Liên tại Hà Nội.

2011

- Tăng vốn điều lệ hơn 998 tỷ VNĐ.
- Chuyển vị trí trụ sở chính và Trung tâm dữ liệu CNTT tới địa điểm mới tại tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. HCM.

2012

- Tăng vốn điều lệ lên hơn 1.008 tỷ VNĐ.
- Khai trương Phòng giao dịch Chợ Lớn tại TP. HCM.
- Kết nối trực tiếp với mạng lưới của Bloomberg và Reuters thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange - Trao đổi thông tin tài chính) - giao thức điện tử tiêu chuẩn quốc tế trong việc lưu thông thông tin trước và trong quá trình giao dịch.

2011
2015

2013

- Tăng vốn điều lệ lên hơn 1.273 tỷ VNĐ.
- Được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2005 cho nghiệp vụ "Cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến và môi giới chứng khoán" do TUV Rheinland (CHLB Đức) cấp.

2014

- Ra mắt website mới với giao diện tùy ứng và ứng dụng giao dịch trực tuyến trên iPad - HSC Trade Pro.
- Nhận Bằng khen của Bộ Tài Chính cho những đóng góp xây dựng và phát triển Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội giai đoạn 2009 - 2014.

2015

- Khai trương phòng giao dịch Nguyễn Văn Trỗi tại TP. HCM và phòng giao dịch Láng Hạ tại Hà Nội.
- Đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010 - 2014.
- Đón nhận Bằng khen của UBND TP. HCM vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục trong nhiều năm góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố.



Từ khi thành lập năm 2003 đến nay, những tăng trưởng liên tục về vốn và quy mô hoạt động đã đưa HSC vươn lên trở thành một trong những Công ty chứng khoán có hoạt động kinh doanh, tài chính tốt nhất Việt Nam.

2016

- Ra mắt HSC iTrade - một sản phẩm đột phá dựa trên các ứng dụng thương mại thông minh.
- Đón nhận Bằng khen của Bộ Tài chính vì đã có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2016
2018

2017

- Triển khai HSC Trade cho hệ điều hành Android, hoàn thiện hệ sinh thái giao dịch trực tuyến của HSC trên các loại thiết bị: máy tính, ipad, điện thoại sử dụng hệ điều hành IOS và Android.
- Nâng tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài lên 100% từ ngày 19/05/2018.
- Tiên phong đóng góp xây dựng và tham gia vào sự ra đời của thị trường phái sinh Việt Nam với sản phẩm giao dịch đầu tiên là Hợp đồng tương lai chỉ số VN30.
- Phát hành thành công 800 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không đảm bảo bằng tài sản cho nhà đầu tư là các cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước.

2018

- Ra mắt kênh môi giới khách hàng online: www.online.hsc.com.vn cùng với fanpage Chiến lược Smart Money – Dòng tiền Thông minh (<https://www.facebook.com/hscdongtienthongminh/>) cung cấp những khóa đào tạo và các gói tư vấn thiết thực cho khách hàng.
- Khai trương Phòng Giao dịch Nam Sài Gòn.
- Tổ chức thành công sự kiện Emerging Vietnam, là cầu nối giữa hơn 40 công ty hàng đầu Việt Nam cùng 200 nhà đầu tư quốc tế.

2019

2019

- Huy động thành công vốn điều lệ lên

3.058 Tỷ VNĐ

- Ra mắt chuyên trang trái phiếu doanh nghiệp bond.hsc.com.vn giúp nhà đầu tư giao dịch trái phiếu một cách dễ dàng và thuận tiện trên nền tảng số.
- Bổ nhiệm ông Trịnh Hoài Giang – nguyên Phó tổng Giám đốc vào vị trí Tổng Giám đốc.



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

2012

- “Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 2012” tại sự kiện Country Awards 2012 do tạp chí The Asset trao tặng.
- “Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2012” do tạp chí AsiaMoney trao tặng.
- Giải thưởng quốc tế cao nhất về Báo cáo thường niên ngành Tài chính - Thị trường vốn tại LACP 2011 Vision Awards.
- Công ty chứng khoán duy nhất trong Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2012 do tạp chí Nhịp cầu Đầu tư tổ chức.
- “Nhà tư vấn M&A tiêu biểu Việt Nam năm 2011 – 2012” tại diễn đàn M&A Việt Nam.

2013

- “Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam 2013” tại sự kiện Triple A Country Awards 2013 do tạp chí The Asset trao tặng.
- “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam” do Forbes Việt Nam bình chọn.
- “Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2013” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trao tặng.

2014

- “Nhà môi giới và Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam” tại sự kiện Triple A Country Awards 2014 do tạp chí The Asset trao tặng.
- “Top 3 Môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất tại Việt Nam” do tạp chí AsiaMoney bình chọn.
- “Nhà Môi giới được Quản trị Tốt nhất Khu vực Châu Á Thái Bình Dương” do Asian Banker trao tặng.
- Bằng khen của Bộ Tài Chính cho những đóng góp xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán của HNX giai đoạn 2009 - 2014.
- “Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.
- “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam” do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Top 10 Báo cáo thường niên xuất sắc nhất tại giải thưởng Báo cáo thường niên.

2015

- “Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.
- “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam” do Forbes Việt Nam bình chọn.
- Bằng khen Thủ tướng Chính phủ cho những thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND TP. HCM ghi nhận các nỗ lực trong việc đóng góp tạo nên các giá trị lâu dài cho cổ đông.
- “Báo cáo thường niên xuất sắc nhất”, “Báo cáo Quản trị tốt nhất”, “Top 3 Báo cáo Phát triển bền vững tốt nhất” tại giải thưởng Báo cáo thường niên.

2016

- “Top 50 Công ty Niêm yết Tốt nhất 2016” do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- Bằng khen của Bộ Tài chính trong quá trình xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán VN.
- “Top 10 Báo cáo thường niên xuất sắc nhất” tại giải thưởng Báo cáo thường niên.

2018

- “Top 3 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” tại sự kiện ASEAN Coporate Governance Awards.
- “Top 5 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất” và “Top 10 báo cáo thường niên tốt nhất” trong Cuộc bình chọn Doanh Nghiệp Niêm Yết năm 2018.
- “Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” do tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.
- “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam” do tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn.
- “Doanh nghiệp niêm yết (Mid Cap) có hoạt động IR (Investor Relations – Quan hệ nhà đầu tư) được các Định chế Tài chính đánh giá cao nhất 2018”.
- “Công ty Chứng khoán tiêu biểu năm 2017 – 2018” cho hạng mục Tư vấn IPO & Phát hành riêng lẻ tại diễn đàn M&A Việt Nam.

2019



NHÀ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VIỆT NAM
tại sự kiện Triple A Country Awards do tạp chí The Asset bình chọn.



NHÀ MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC TỐT NHẤT VIỆT NAM
do tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng.



TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT TẠI VIỆT NAM
do tạp chí Forbes Việt Nam bầu chọn.



TOP 50 CÔNG TY HOẠT ĐỘNG TỐT NHẤT TẠI VIỆT NAM
do Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn.



TOP 5 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT NHÓM VỐN HOÀ LỚN QUẢN TRỊ CÔNG TY TỐT NHẤT 2019
trong cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết - do Ủy Ban Chứng khoán và HSX trao tặng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐỖ HÙNG VIỆT

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Đỗ Hùng Việt được bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2011. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kinh tế khoa Ngân hàng, ông giữ chức vụ Trưởng phòng Ủy thác Quỹ Đầu tư phát triển đô thị TP. HCM (HIFU) trước khi trở thành Tổng Giám đốc HSC từ những ngày đầu thành lập năm 2003. Ông có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam với vai trò thành viên Ban Kiểm soát và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB) từ năm 2006 đến 2019.



Ông LÊ ANH MINH

Phó chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Lê Anh Minh là thành viên HĐQT Công ty HSC trong 12 năm, và được bổ nhiệm làm Phó chủ tịch HĐQT từ tháng 04/2011. Ông gia nhập quỹ đầu tư Dragon Capital Group (DCG) từ 2002 và đã giữ nhiều chức vụ tại đây như Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính, thành viên điều hành HĐQT của DCG. Ông đã từng là Giám đốc Tài chính khu vực Đông Nam Á Công ty Coca-Cola. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Wharton, Đại học bang Pennsylvania, Hoa Kỳ.



Ông JOHAN NYVENE

Thành viên HĐQT
điều hành

Ông Johan Nyvene là Tổng Giám đốc Công ty HSC trong suốt 13 năm từ 2007 đến tháng 03/2020. Ông đã đưa HSC phát triển lớn mạnh, trở thành một trong những Công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam. Trước đó, ông đã làm việc tại Ngân hàng HSBC, nơi ông thành lập và lãnh đạo Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam. Ông đã trải qua 9 năm đầu trong sự nghiệp tài chính của mình với các vị trí chuyên viên phân tích và chuyên viên ngân hàng quốc tế, phụ trách các thị trường Đông Nam Á tại Ngân hàng CoreStates First Union tại Mỹ.



Ông PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC

Thành viên HĐQT
không điều hành

Được bổ nhiệm từ tháng 02/2002, ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc đã có hơn 17 năm là thành viên HĐQT Công ty HSC. Ông có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh Doanh và Cử nhân Luật. Hiện ông đang giữ các chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tâm nhìn và Liên danh (Vision & Associates); Chủ tịch Hội đồng Luật sư thành viên Công ty Luật TNHH Tâm nhìn và Liên danh; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cộng Hưởng. Trước đó, ông đã là Phó Tổng Giám đốc Công ty InvesConsult từ năm 1989 đến 1999.



Ông LÊ THẮNG CẦN

Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Lê Thắng Cần là thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2015. Ông gia nhập Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC) sau khi tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kinh tế và được đề bạt làm Trưởng phòng Đầu tư. Trước HFIC, ông Lê Thắng Cần đã có thời gian công tác tại Công ty TNHH Việt Huy với vị trí Giám đốc Tài chính.



Ông LÊ HOÀNG ANH

Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Lê Hoàng Anh được bổ nhiệm là thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2016. Ông gia nhập Dragon Capital Group (DCG) từ năm 2000 và hiện đang giữ chức vụ Giám đốc. Trước đó, ông đã có thời gian làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh và NLN Trading Company, Hungary với vai trò chuyên viên kinh tế và phân tích tài chính. Ngoài ra, ông cũng là thành viên HĐQT của Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM).



Ông LÂM HOÀI ANH

Thành viên HĐQT
không điều hành

Ông Lâm Hoài Anh là Thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2018. Hiện ông đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC). Ngoài ra, ông cũng đang là thành viên HĐQT của Công ty CP Sài Gòn Kim Cương và Công ty CP Dệt May Gia Định. Ông có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

BAN KIỂM SOÁT



Ông **VÕ VĂN CHÂU**

Trưởng Ban Kiểm Soát

.....

Ông Võ Văn Châu đã có 17 năm là thành viên của Ban Kiểm soát Công ty HSC từ tháng 12/2002, Ông đã từng giữ vai trò Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long đến năm 2018. Trước đó, ông là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Cố vấn Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kiên Long; Cố vấn Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Đại Tín và Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông và Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Á Châu tại Đà Nẵng và Đắk Lắk.



Ông **ĐOÀN VĂN HINH**

Thành viên Ban Kiểm Soát

.....

Ông Đoàn Văn Hinh gia nhập Ban Kiểm soát Công ty HSC từ năm 2007 đến nay. Ông là Giám đốc Tài chính của CTCP Đầu tư Phát triển Saigon Coop giai đoạn 2007-2014 và giữ chức Kế toán trưởng tại Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. HCM giai đoạn 1997 – 2007.



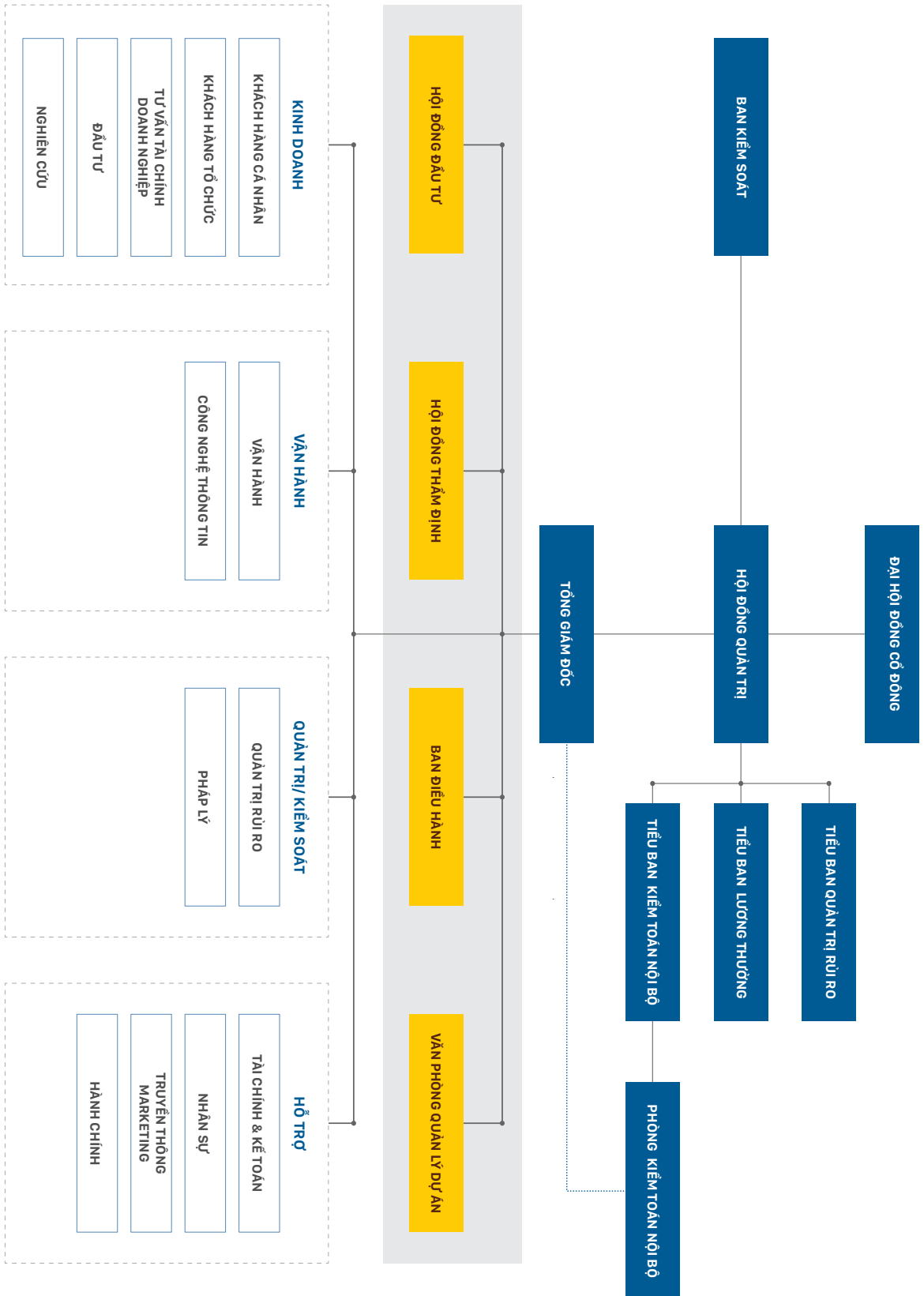
Bà **ĐẶNG NGUYỆT MINH**

Thành viên Ban Kiểm soát

.....

Được bổ nhiệm từ tháng 04/2013, bà Đặng Nguyệt Minh hiện đã có hơn 6 năm là thành viên của Ban Kiểm soát HSC. Hiện tại, bà đang giữ chức vụ Giám đốc nghiệp vụ và Phó phòng Nghiên cứu của Dragon Capital Group (DCG).

CƠ CẤU CÔNG TY



BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRỊNH HOÀI GIANG

Tổng Giám Đốc

Ông Trịnh Hoài Giang được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty HSC từ ngày 09/01/2020. Ông đã có 13 năm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, phụ trách Đầu tư và Vận hành của HSC. Trước HSC, ông là Giám đốc Nghiệp vụ tại Dragon Capital Group (DCG) từ năm 2005, và đã từng công tác tại phòng Quản lý Nguồn vốn của Ngân hàng Vietcombank. Ông có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam với vai trò Phó Chủ tịch Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam từ năm 2010. Ông là học giả Fulbright và tốt nghiệp chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Hoa Kỳ năm 2005.



Ông NGUYỄN CẢNH THỊNH

Giám đốc Điều Hành
Khối Khách hàng cá nhân

Ông Nguyễn Cảnh Thịnh được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Khối Khách Hàng Cá Nhân từ 2019. Ông gắn bó với HSC được 12 năm từ khi tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế - Luật và đã có 6 năm làm việc tại HSC với vai trò Giám Đốc Phòng Giao dịch. Ông đã cùng xây dựng Khối Khách hàng Cá nhân đạt được nhiều thành tích tích cực về doanh thu và phát triển đội ngũ nhân viên kinh doanh.



Ông STEPHEN JAMES MCKEEVER

Giám đốc Điều hành
Khối Khách hàng Tổ chức

Ông Stephen James McKeever gia nhập HSC từ năm 2018. Trước HSC, ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý cấp cao tại các Công ty tài chính hàng đầu như Giám đốc Kinh doanh Khu vực Châu Á của Mizuho Securities Asia, Giám đốc Kinh doanh của Standard Chartered Bank. Ông tốt nghiệp Cử nhân Tài chính tại trường London School of Economics.



Ông PHẠM NGỌC BÍCH

Giám đốc Điều Hành
Khối Tài chính doanh nghiệp

Ông Phạm Ngọc Bích được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc điều hành Khối Tài chính Doanh nghiệp tại HSC từ 2016. Ông có 25 năm kinh nghiệm tại thị trường tài chính quốc tế thông qua nhiều chức vụ cao cấp bao gồm Phó Giám đốc - Giao dịch thị trường phái sinh tại ngân hàng Credit Lyonnais Canada; Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý quỹ CIBC Global Asset Management tại Canada và Hồng Kông; CEO – Công ty quản lý quỹ Prudential/ East Spring Việt Nam và Giám đốc Điều hành Khối Khách hàng Tổ chức tại Công ty chứng khoán SSI trước khi gia nhập HSC.



Ông TRẦN TẤN ĐẠT

Giám đốc Điều Hành Phụ trách Trading Khối Khách hàng Tổ chức

Ông Trần Tấn Đạt được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành phụ trách Trading Khối Khách hàng Tổ chức từ 2018. Ông đã có gần 13 năm gắn bó với HSC kể từ khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Quốc tế tại trường Đại học Hogeschool Zeeland. Cùng với các đồng sự, ông đã đưa Khối Khách hàng Tổ chức HSC trở thành một trong những nhà môi giới lớn nhất cho các tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và tiếp tục giữ vững vị thế cho đến hiện tại.



Ông CHRISTOPHER HUNT

Giám đốc Điều Hành Khối Nghiên Cứu

Ông Christopher Hunt gia nhập HSC với vai trò Giám Đốc Điều Hành – Khối Nghiên Cứu từ 2019. Trước khi gia nhập HSC, Ông Christ Hunt có hơn 30 năm kinh nghiệm ở lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn tài chính và phát triển sản phẩm. Ông từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành bộ phận nghiên cứu tại các công ty chứng khoán và định chế tài chính hàng đầu như HSBC Securities, SG Warburg, PXP Management, CIMB, Standard Chartered.



Ông BẠCH QUỐC VINH

Giám đốc Điều Hành Khu vực phía Bắc

Ông Bạch Quốc Vinh tham gia HSC từ năm 2013. Trước khi gia nhập HSC, ông có hơn 10 năm kinh nghiệm quản lý tại Prudential Việt Nam và đã đảm nhiệm nhiều chức vụ tại đây như Trưởng nhóm Kinh doanh, Trưởng Ban Kinh doanh chi nhánh tại Hà Nội, Giám Đốc văn phòng Tổng Đại Lý Prudential tại Nghệ An và Hà Tĩnh.



Ông LÊ ANH QUÂN

Giám đốc Điều Hành Phát triển Quan hệ Hợp tác

Ông Lê Anh Quân gia nhập HSC từ năm 2018. Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý khác nhau như Giám đốc Khối Truyền thông và Marketing Ngân hàng Techcombank, Phó Tổng Giám đốc Marketing Kinh Do Group; Giám đốc Kinh doanh tại Công ty media DID TV; Giám đốc ngành hàng của Unilever Việt Nam, và Giám đốc Online Marketing Công ty Walt Disney tại Los Angeles, California. Ông Quân có bằng Thạc sĩ quản trị kinh doanh tại trường Anderson School of Management thuộc Đại Học bang California tại Los Angeles (UCLA).



Ông LÂM HỮU HỒ

Giám đốc Tài chính

Ông Lâm Hữu Hồ đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính tại HSC từ 2007. Trước khi gia nhập HSC, ông có hơn 5 năm kinh nghiệm tại Công ty Kiểm toán KPMG Việt Nam và từng giữ vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ - Công ty Dầu thực vật Cái Lân giai đoạn 2003 – 2007.



Bà NGUYỄN LINH LAN

Giám đốc Điều Hành Quản lý Nhân sự

Bà Nguyễn Linh Lan gia nhập HSC từ năm 2019 với vị trí Giám đốc Điều hành Quản lý Nhân sự. Trước HSC, bà có bề dày 25 năm kinh nghiệm và là chuyên gia trong các lĩnh vực như phát triển nhân tài, Tổ chức – Vận hành và tạo lập chiến lược tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế như AIA, M&P International, Vận tải Sài Gòn, Vận tải Katran và Mayer Brown – Công ty tư vấn pháp luật của Mỹ.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

LOẠI HÌNH SỞ HỮU

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	26.224.500	157.273.976	183.498.476	59,99%
II. Cổ phiếu quỹ	-	366.090	366.090	0,12%
III. Cổ đông khác	5.832.400	116.185.297	122.017.697	39,89%
1. Trong nước	5.301.020	34.390.602	39.691.622	12,98%
1.1 Cá nhân	5.301.020	31.089.525	36.390.545	11,90%
1.2 Tổ chức	-	3.301.077	3.301.077	1,08%
Trong đó Nhà nước:	-	87.500.000	87.500.000	
2. Nước ngoài	531.380	81.794.695	82.326.075	26,91%
2.1 Cá nhân	531.380	1.133.518	1.664.898	0,54%
2.2 Tổ chức	-	80.661.177	80.661.177	26,37%
TỔNG CỘNG	32.056.900	273.825.363	305.882.263	100,00%

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần:	305.882.263	cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành:	Phổ thông	
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/cổ phiếu	
Cổ phiếu quỹ:	366.090	cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	305.516.173	cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	32.056.900	cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	273.459.273	cổ phần

CỔ PHIẾU QUỸ

Nội dung	Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 01/01/2019		Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi (tăng *) trong kỳ		Số cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2019	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Số lượng	Tỷ lệ	
Số lượng cổ phiếu quỹ	202.590	0,156%	163.500	366.090	0,120%	

Ghi chú:

* Trong năm 2019, Công ty có thu hồi 163.500 cổ phiếu của mười ba (13) nhân viên nghỉ việc đã tham gia Chương trình ESOP 2016 theo đúng quy chế phát hành cổ phiếu cho cán chủ chốt công ty.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ sở hữu (%)	lệ chế nhượng (*)	Cổ phiếu bị hạn chuyển
A. Cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)								
1	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.Hồ Chí Minh (HFIC)	300535140	4/13/10	33-39 Pasteur, Quận 1, TP. HCM	87.500.000	28,61%		25.000.000
2	Lâm Hoài Anh	001072008603	6/1/16	290/9 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	61.250.000	20,02%		
3	Lê Thắng Căn	025776876	4/18/13	60/21/6 Đường số 4, KP5, Trường Thọ, Thủ Đức, TP. HCM	26.250.000	8,58%		
B. Cổ đông lớn đồng thời là cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)								
2	Dragon Capital Markets Limited (DC)	C00001	7/27/00	P.1901, Tầng 19, Mê Linh, Số 02 Ngõ Đức Kế, Q.1, TP. HCM	91.650.556	29,96%		-
C. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)								
3	PXP Vietnam Emerging Equity Fund Limited	C00413	10/10/05	Tầng 6, Tòa nhà Oprera View, 161 Đồng Khởi, Q.1, TP. HCM	16.125.344	5,27%		-
TỔNG CỘNG (A+B+C):					195.275.900	63,84%		25.000.000

Ghi chú:

(*) Cổ phiếu phân phối đợt 2 bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Thời gian hạn chế chuyển nhượng từ ngày 22/05/2019 đến ngày 21/05/2020.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ đại diện
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ							
1	Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch	-	41.924	41.924	0,01%	-
2	Lâm Hoài Anh	TV HĐQT	17.500.000	43.750.000	61.250.000	0,00%	20,05%
	Số CP sở hữu riêng		-	-	-	-	-
	Số CP đại diện		17.500.000	43.750.000	61.250.000		20,05%
	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC) (Cổ đông nhà nước)						
3	Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch	-	45.927.871	45.927.871	0,03%	15,00%
	Số CP sở hữu riêng		-	102.592	102.592	0,03%	
	Số CP đại diện		-	45.825.279	45.825.279		15,00%
	Dragon Capital Markets Limited (DC)						
4	Lê Thắng Căn	Thành viên	7.500.000	18.750.000	26.250.000	-	8,59%
	Số CP sở hữu riêng		-	-	-	-	-
	Số CP đại diện		7.500.000	18.750.000	26.250.000		8,59%
	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC) (Cổ đông nhà nước)						
5	Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	-	560.000	560.000	0,18%	-
6	Lê Hoàng Anh	Thành viên	-	-	-	-	-
7	Johan Nyvene	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	349.800	46.857.497	47.207.297	0,45%	15,00%
	Số CP sở hữu riêng		349.800	1.032.220	1.382.020	0,45%	
	Số CP đại diện		-	45.825.277	45.825.277		15,00%
	Dragon Capital Markets Limited (DC)						
			25.349.800	155.887.292	181.237.092	0,68%	58,64%
TỔNG CỘNG							

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ (tiếp theo)

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ đại diện
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC							
1	Johan Nyvene	Tổng Giám đốc	349.800	593.551	943.351	0,31%	-
2	Trịnh Hoài Giang	Phó Tổng Giám đốc	156.800	434.291	591.091	0,19%	-
3	Lê Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc	506.600	1.027.842	1.534.442	0,50%	-
TỔNG CỘNG							
BAN KIỂM SOÁT							
1	Võ Văn Châu	Trưởng ban	-	40.418	40.418	0,01%	-
2	Đoàn Văn Hình	Thành viên	-	10.935	10.935	0,0036%	-
3	Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG							
1	Lâm Hữu Hồ	Kế toán trưởng	171.300	307.489	478.789	0,16%	-
2	Lê Anh Quân	Giám đốc Điều hành Phát triển Quan hệ hợp tác	196.800	-	196.800	0,06%	-
TỔNG CỘNG							
			26.224.500	157.273.976	183.498.476	1,42%	58,64%

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

SỐ CỔ PHẦN PHÁT HÀNH

Tổng số cổ phần trước khi phát hành:	129.756.758	cổ phần
Số cổ phần phát hành:	176.125.505	cổ phần
Tổng số cổ phần sau khi phát hành:	305.882.263	cổ phần
Ngày niêm yết có hiệu lực:	09/07/2019	

Nội dung	Số lượng cổ phần
Số lượng cổ phiếu lưu hành tại ngày 21/05/2019	129.464.168
Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 21/05/2019	292.590
Số lượng cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	86.368.239
Số lượng cổ phiếu phát hành chào bán ra cho cổ đông hiện hữu	83.280.266
Trong đó:	
<i>Cổ phiếu chào bán ra công chúng phân phối đợt 2 bị hạn chế chuyển nhượng với thời hạn 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán</i>	25.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	6.477.000
Trong đó:	
<i>40% số cổ phiếu ESOP 2018 sẽ được chuyển nhượng từ 12 tháng trở lên kể từ ngày phát hành</i>	2.590.800
<i>30% số cổ phiếu ESOP 2018 sẽ được chuyển nhượng từ 24 tháng trở lên kể từ ngày phát hành</i>	1.943.100
<i>30% số cổ phiếu ESOP 2018 sẽ được chuyển nhượng từ 36 tháng trở lên kể từ ngày phát hành</i>	1.943.100
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 22/05/2019	305.589.673
TỔNG CỘNG	305.882.263

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 & ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2020



TỔNG QUAN

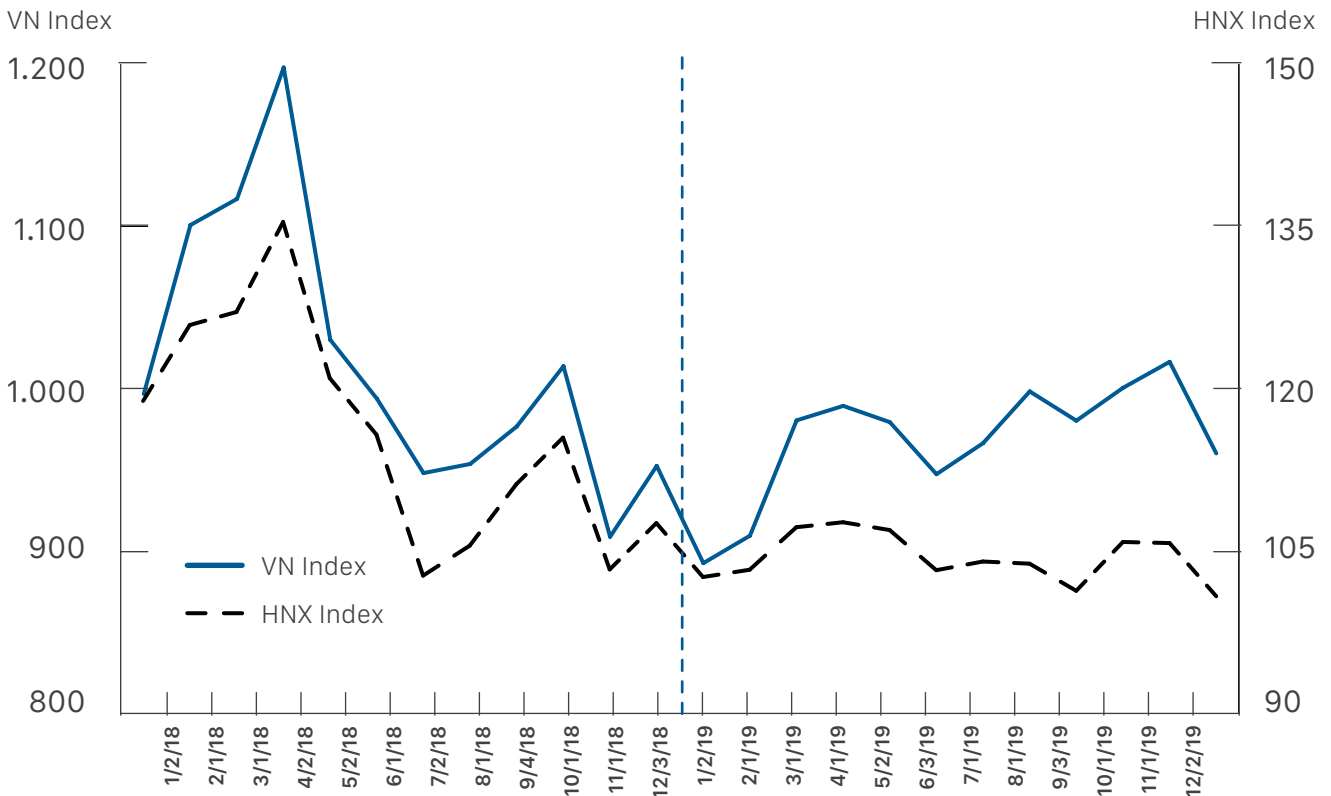
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2019

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

Sau khi đạt đỉnh vào quý 1/2018 (VNIndex: 1.024 điểm), thị trường chứng khoán Việt Nam đã lao dốc mạnh trong các quý tiếp theo của năm 2018 và chạm mốc 892 điểm vào cuối năm 2018. Năm 2019 tiếp tục chứng kiến thị trường giao dịch không mấy khởi sắc quanh mức 946 cho đến 1.028 điểm, với giá trị giao dịch sụt giảm gần 30% so với năm trước, từ mức 6.536 tỷ đồng/ngày về mức 4.649 tỷ đồng/ngày. Khép lại năm 2019, VnIndex đóng cửa ở mức 961 điểm, tăng 7,7% so với đầu năm. Bộ chỉ số VN30Index đạt 879,1 điểm, tăng 2,8% so với đầu năm. Bên cạnh đó, HNX-Index giảm 1,7% so với đầu năm, còn 102 điểm.

Giao dịch của nhà đầu tư trong nước vẫn chiếm ưu thế với 85,3% tổng giao dịch toàn thị trường (giảm 27% so với năm 2018). Trong khi đó, tổng giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài ổn định, chiếm tỷ trọng 14,7% tổng giao dịch toàn thị trường (giảm 33% về giá trị giao dịch tuyệt đối so với năm 2018), đạt 350 nghìn tỷ đồng.

VN Index & HNX Index



Tuy nhiên, năm 2019 vẫn được xem là một năm đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng đối với thị trường chứng khoán Việt Nam và các chủ thể tham gia thị trường. Ví dụ tiêu biểu:

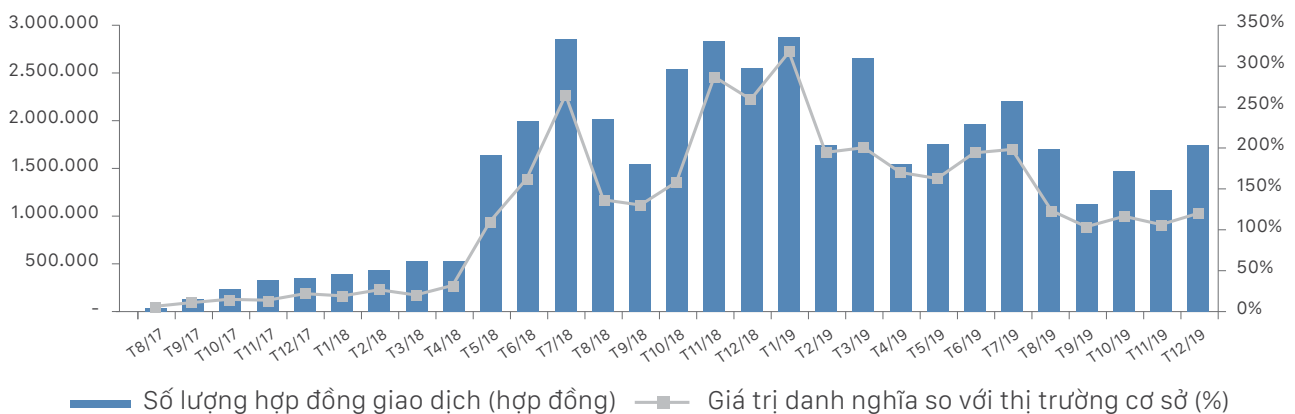
- Tháng 2/2019, mức phí sàn (0,15%) đã được dỡ bỏ, tạo nên cuộc cạnh tranh gay gắt về phí giao dịch giữa các công ty chứng khoán, đặc biệt là với các công ty chứng khoán nước ngoài;
- Sản phẩm chứng quyền có đảm bảo (Covered Warrant) chính thức được triển khai từ tháng 6/2019 tuy chưa thực sự sôi động nhưng đã góp phần đa dạng hóa sản phẩm cho các nhà đầu tư;
- Một số bộ chỉ số mới (VN Diamond, VN Fin Select và VN Fin Lead) được các quỹ nỗ lực xây dựng và triển khai tạo điều kiện cho các nhà đầu tư nước ngoài có thể đầu tư gián tiếp vào các cổ phiếu đã hết room ngoại;
- Luật Chứng khoán sửa đổi chính thức được Quốc hội thông qua vào kỳ họp cuối tháng 11/2019 với những điểm mới, được kỳ vọng là yếu tố tích cực giúp thị trường chứng khoán Việt Nam nâng cao chất lượng và tạo tiền đề cho việc nâng hạng trong thời gian tới.

THỊ TRƯỜNG PHÁI SINH

Tương tự diễn biến của thị trường chứng khoán cơ sở, thị trường phái sinh cũng ghi nhận sự sụt giảm về thanh khoản trong năm 2019 sau khi đạt đỉnh vào tháng 1/2019. Tuy nhiên, do thị trường mới phát triển từ 2017 và chỉ thực sự thu hút nhà đầu tư kể từ quý 2/2018, vì vậy, khi so sánh thanh khoản bình quân, năm 2019 vẫn ghi nhận mức tăng nhẹ so với năm 2018. Cụ thể, số hợp đồng bình quân/ngày năm 2019 tăng 13% so với năm 2018, từ mức 79 nghìn hợp đồng/ngày lên 88,7 nghìn hợp đồng/ngày.

Cuộc chiến về phí giao dịch giữa các công ty chứng khoán trong và ngoài nước ở thị trường phái sinh trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Một số công ty áp dụng chính sách miễn phí giao dịch để thu hút khách hàng, từ đó vượt lên chiếm giữ thị phần.

Giao dịch trên thị trường phái sinh



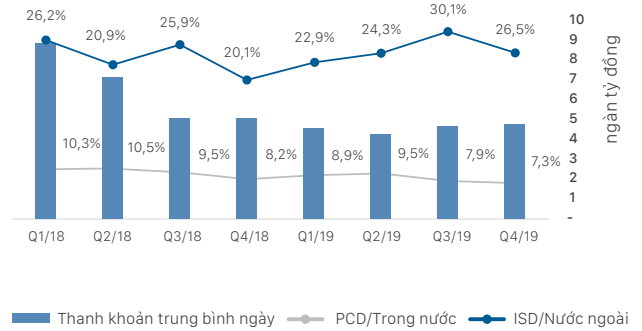
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2019

THỊ PHẦN CỦA HSC TRONG NĂM 2019

Trong bối cảnh thị trường sụt giảm mạnh về giá trị giao dịch và môi trường cạnh tranh ngày càng trở nên gay gắt, tổng giá trị giao dịch của khách hàng qua HSC sụt giảm so với năm 2018 là điều khó tránh khỏi. Vì vậy, chúng tôi đánh giá những nỗ lực của HSC trong bối cảnh chung thông qua các mục tiêu sau:

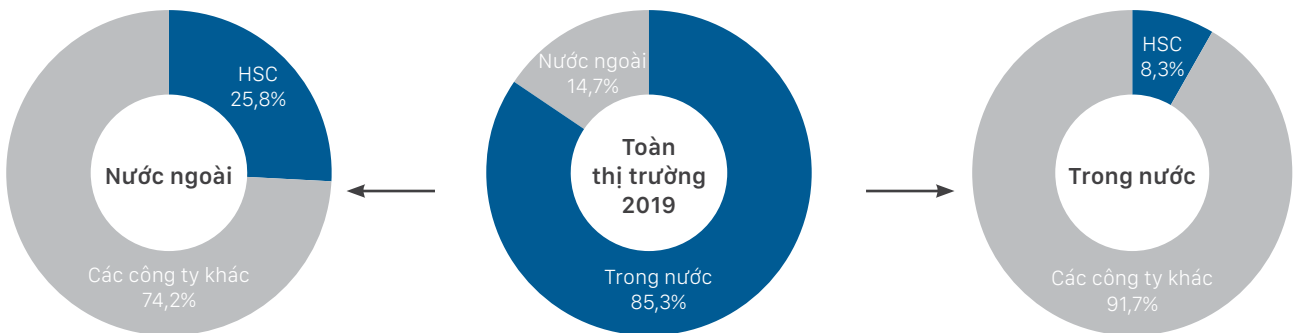
1. Cố gắng giữ vững thị phần chung một cách tốt nhất có thể;
2. Giữ vững và gia tăng thị phần ở các phân khúc khách hàng, các dòng sản phẩm ưu tiên, có tính ổn định, an toàn và có khả năng sinh lời cao;
3. Tập trung đo lường và cải thiện thị phần gắn liền với giá trị lợi nhuận.

HSC - Thị phần môi giới Thị trường Cơ sở

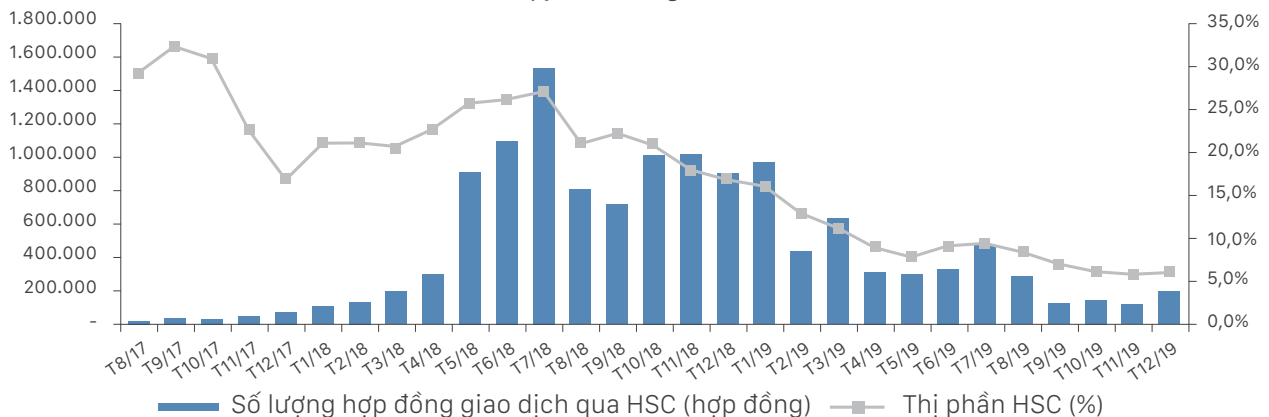


Căn cứ vào các mục tiêu nêu trên, chúng tôi tự hào đã duy trì được vị trí top 2 về thị phần trên HSX (10,54%). Trong đó, thị phần từ nhóm khách hàng cá nhân (trong nước) chiếm 8,3% và thị phần từ nhóm khách hàng tổ chức (nước ngoài) chiếm tỷ trọng 25,8% và đứng vị trí dẫn đầu toàn thị trường.

Thị phần môi giới của HSC theo nhóm khách hàng trên thị trường chứng khoán cơ sở năm 2019 được thể hiện qua biểu đồ sau:



HSC - Thị phần môi giới Phái sinh



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019

KẾT QUẢ KINH DOANH	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch 2019	% Kế hoạch 2019
Kết quả kinh doanh (Triệu VNĐ)					
Doanh thu (*)	1.262.261	1.702.011	-26%	1.666.107	76%
Tổng chi phí hoạt động (*)	730.950	859.927	-15%	814.716	90%
Lợi nhuận trước thuế	531.406	842.186	-37%	851.391	62%
Lợi nhuận sau thuế	432.565	675.480	-36%	681.113	64%
Bảng cân đối kế toán (Triệu VNĐ)					
Tổng tài sản	7.488.678	5.256.305	42%	5.600.944	134%
Vốn chủ sở hữu	4.304.143	3.060.536	41%	3.873.960	111%
Các chỉ tiêu tài chính					
Thu nhập / Tài sản trung bình (ROAA)	6,79%	11,30%		12,16%	
Thu nhập / Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	11,75%	23,10%		17,58%	
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu					
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	305.516.173	129.554.168	136%	309.049.387	99%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) – VNĐ	1.596	5.214	-69%	2.450	65%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu – VNĐ	14.088	23.624	-40%	12.535	112%

* Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh.

Định hướng kinh doanh lấy khách hàng làm trung tâm

Để phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, với bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới ngày càng nhiều biến động, HSC đã thực hiện các bước cải cách phù hợp với chiến lược kinh doanh **Lấy khách hàng làm trung tâm**. Từ đó, toàn bộ quy trình hoạt động kinh doanh được nghiên cứu, thiết kế và vận hành nhằm cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho từng đối tượng khách hàng cụ thể.

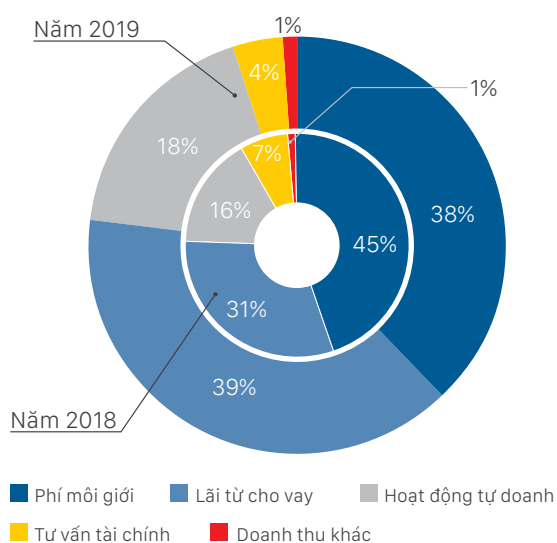
Định hướng kinh doanh này đã bước đầu giúp HSC bảo vệ được các thành quả kinh doanh bền vững trong bối cảnh thị trường không thuận lợi nêu trên. Ví dụ, dưới áp lực cạnh tranh khốc liệt, thị phần môi giới của HSC có sụt giảm trong năm 2019, nhưng với tỷ lệ sụt giảm thấp nhất trong top 3 công ty chứng khoán. Ngoài ra, thị phần giao dịch của khách hàng nước ngoài tại HSC đã tăng so với năm 2018, từ mức 23,1% lên 25,8%. Cơ cấu doanh thu được đa dạng hóa với nhiều hoạt động kinh doanh có rủi ro thấp, tiềm năng tăng trưởng cao và giảm bớt sự phụ thuộc vào biến động của thị trường.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

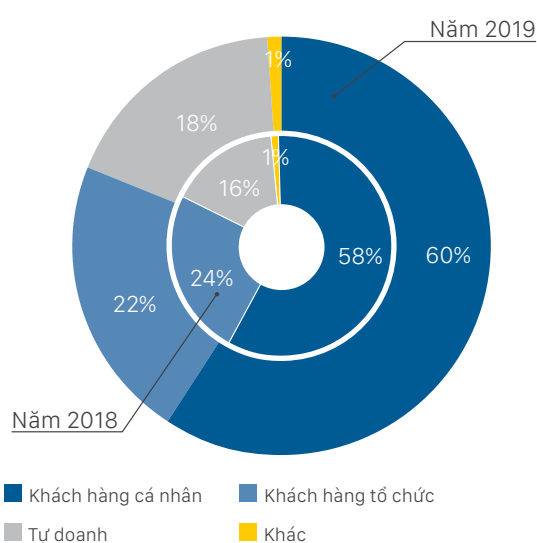
Cơ cấu doanh thu

Doanh thu theo lĩnh vực (Triệu VNĐ)	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch 2019	% kế hoạch 2019
Phí môi giới	478.283	758.849	-37%	818.697	58%
<i>Nhà đầu tư cá nhân</i>	268.487	485.956	-45%	577.019	47%
<i>Nhà đầu tư tổ chức</i>	209.796	272.893	-23%	241.679	87%
Lãi từ cho vay	495.989	523.064	-5%	520.000	95%
<i>Nhà đầu tư cá nhân</i>	485.171	501.713	-3%	499.371	97%
<i>Nhà đầu tư tổ chức</i>	10.818	21.351	-49%	20.629	52%
Hoạt động tự doanh	222.453	278.344	-20%	209.760	106%
Tư vấn tài chính	53.628	119.217	-55%	105.000	51%
Doanh thu khác	11.908	22.536	-47%	12.650	94%
Tổng doanh thu	1.262.261	1.702.011	-26%	1.666.107	76%

Doanh thu theo lĩnh vực



Doanh thu theo khối kinh doanh



KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Khách hàng cá nhân đang là đối tượng khách hàng đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong tổng doanh thu của HSC. Trong năm 2019, doanh thu từ khối khách hàng cá nhân là 753 tỷ đồng, đóng góp 60% trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty.

Phí môi giới của khối khách hàng cá nhân năm 2019 giảm 45% so với năm trước, chủ yếu là do sự sụt giảm thanh khoản của thị trường chứng khoán, và tình trạng mất thị phần nhẹ của HSC. Tỷ lệ phí gộp bình quân được duy trì tốt ở mức 0,18% so với mức 0,19% trong năm 2018. Kết quả này được xem là thành công của HSC trong việc duy trì được danh mục khách hàng trung thành và không rơi vào cuộc đua cắt giảm phí mạnh tay.

Hoạt động môi giới cá nhân (Triệu VNĐ)	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch 2019	% Kế hoạch 2019
Doanh thu	753.658	987.670	-24%	1.076.390	70%
Phí môi giới	268.487	485.956	-45%	577.019	47%
<i>Phí môi giới cơ sở</i>	243.554	407.677	-40%	479.857	51%
<i>Phí môi giới phái sinh</i>	24.919	75.982	-67%	81.312	31%
<i>Phí môi giới khác</i>	14	2.298	-99%	15.850	0%
Lãi cho vay margin	485.171	501.713	-3%	499.371	97%

Bốn trụ cột quan trọng trong chiến lược kinh doanh đối với phân khúc khách hàng cá nhân:

Tập trung vào thị phần sinh lợi

Đa dạng hóa cơ cấu doanh thu

Hoàn thiện quy trình & hạ tầng

Quản trị rủi ro xuất sắc



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (tiếp theo)

Sự tái định vị lại chiến lược đã mang lại những thành công cho HSC trong năm 2019. Cụ thể:

- Duy trì thị phần có khả năng sinh lời:** Thị phần chung của HSC sụt giảm nhẹ trong năm 2019. Tuy nhiên, nếu loại bỏ các giao dịch đối với các cổ phiếu dưới chuẩn, không có cung cầu thực tế, tiềm ẩn rủi ro tín dụng cao, không đủ điều kiện cho vay margin theo hệ thống quản trị rủi ro của HSC, thì thị phần thực tế của HSC đối với phân khúc ưu tiên được duy trì ổn định và tăng trưởng tốt.
- Đa dạng hóa cơ cấu doanh thu:** Chúng tôi từng bước dịch chuyển và đa dạng hóa cơ cấu doanh thu trên cơ sở đa dạng hóa sản phẩm. Cụ thể, HSC giảm dần sự phụ thuộc vào các nguồn doanh thu đang bị cạnh tranh cao và đang trên đà suy giảm (doanh thu phí môi giới). Ngược lại, tăng cường tỷ trọng các nguồn thu có hàm lượng lợi nhuận giữ lại cao, phát huy được lợi thế quản trị rủi ro vững mạnh của HSC (doanh thu từ cho vay margin), phát triển thêm các kênh doanh thu mới trên cơ sở đa dạng hóa sản phẩm cho khách hàng, ví dụ: sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp.

- Quản trị rủi ro tín dụng xuất sắc:** Mặc dù thị phần sụt giảm nhẹ trong bối cảnh giá trị giao dịch của toàn thị trường sụt giảm gần 30%, tuy nhiên, doanh thu từ lãi vay margin của khối khách hàng cá nhân chỉ giảm nhẹ 3% so với năm trước. Điều này đạt được nhờ: Nỗ lực tìm kiếm các nguồn vốn rẻ, quy mô lớn, ổn định so với biến động thanh khoản của thị trường trong nước; Chính sách lãi suất cạnh tranh phù hợp với từng nhóm khách hàng để giữ vững và gia tăng quy mô cho vay margin; Công tác quản trị rủi ro cho vay margin an toàn, hiệu quả. Trong năm 2019, HSC không phát sinh nợ xấu từ cho vay margin.
- Hoàn thiện quy trình, chính sách và hạ tầng:** HSC tập trung nguồn lực lớn trong năm 2019 để tiếp tục hoàn thiện chính sách và quy trình nội bộ, cải tiến hạ tầng công nghệ thông tin và các nền tảng giao dịch nhằm cung cấp cho khách hàng các dịch vụ có chất lượng tốt nhất.

Đóng góp
TỔNG DOANH THU

60%

TÀI KHOẢN
mở qua kênh online

200%

TÀI KHOẢN CƠ SỞ


+9,1%

TÀI KHOẢN PHÁI SINH


+4,0%

Lãi từ cho vay (Triệu VNĐ)	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch 2019	% Kế hoạch 2019
Số dư margin trung bình, trong đó:	4.225.094	3.932.783	7%	5.000.000	85%
Margin cho khách hàng cá nhân	4.152.804	3.773.236	10%	4.905.415	85%
Margin cho khách hàng tổ chức	72.291	159.547	-55%	94.585	76%
Lãi từ cho vay, trong đó:	495.989	523.064	-5%	520.000	95%
Lãi margin từ khách hàng cá nhân	485.171	501.713	-3%	499.371	97%
Lãi margin từ khách hàng tổ chức	10.818	21.351	-49%	20.629	52%


Trong năm 2020, HSC sẽ tiếp tục kiên định với các nhiệm vụ trọng tâm đã đặt ra trong hoạt động của khối khách hàng cá nhân. Các nhiệm vụ trọng điểm đó là:



Triển khai thành công nền tảng hệ thống giao dịch mới – là bước đột phá của HSC trong việc nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng



Đẩy mạnh các chương trình phát triển kinh doanh trong từng giai đoạn, phù hợp với từng đối tượng khách hàng



Tăng cường phát triển và chào bán các sản phẩm mới (Covered Warrant, Trái phiếu doanh nghiệp)



Tiếp tục tái cơ cấu đội ngũ nhân viên môi giới theo hướng mạnh về chuyên môn sản phẩm, triển khai các chương trình đào tạo, phát triển con đường sự nghiệp để giữ các nhân sự giỏi đồng thời bổ sung thêm đội ngũ các nhân sự chất lượng từ bên ngoài

KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Các dịch vụ chuyên nghiệp cung cấp cho khách hàng tổ chức được xem là thế mạnh truyền thống của HSC trong nhiều năm qua, bao gồm dịch vụ môi giới chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu) và dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp.

Thị phần
KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

25,8%

DOANH THU

220 Tỷ VNĐ

Số lượng tài khoản
KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

+25%

Khối Khách hàng Tổ chức (Triệu VNĐ)	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch 2019	% KH 2019
Doanh thu (thuận)	220,614	294,244	-25%	262,308	84%
Phí môi giới chứng khoán	209,796	272,893	-23%	241,679	87%
<i>Phí môi giới CK cơ sở</i>	<i>178,282</i>	<i>253,045</i>	<i>-30%</i>	<i>212,179</i>	<i>84%</i>
<i>Phí môi giới ngoài biên độ</i>	<i>24,330</i>	<i>9,997</i>	<i>143%</i>	<i>13,000</i>	<i>187%</i>
<i>Phí môi giới khác</i>	<i>7,184</i>	<i>9,851</i>	<i>-35%</i>	<i>16,500</i>	<i>39%</i>
Doanh thu lãi margin	10,818	21,351	-49%	20,629	52%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC (tiếp theo)

“ Vị trí
số 1 về
thị phần
môi giới
nước ngoài ”

Bất chấp sự sụt giảm về giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2019, HSC đã vươn lên mạnh mẽ, khẳng định vị thế Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam, đồng thời chiếm vị trí số 1 về thị phần môi giới nước ngoài. Sở hữu đội ngũ nhân viên có kiến thức chuyên môn giỏi và giàu kinh nghiệm liên quan tới phân tích, tư vấn đầu tư và thực hiện các giao dịch cho các khách hàng tổ chức trên toàn thế giới, HSC đang ngày càng khẳng định uy tín và vị thế của mình.

Trong năm 2019, tổng giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức trên thị trường chứng khoán Việt Nam đạt 342 nghìn tỷ, giảm 35% so với năm 2018 và giảm mạnh hơn so với mức sụt giảm tổng giá trị giao dịch của khối khách hàng cá nhân (giảm 29%). Từ đó, thị phần của khách hàng tổ chức trong tổng giá trị giao dịch toàn thị trường giảm từ 16% về 14,7%. Tuy nhiên, tại HSC, tổng giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức (chủ yếu là nước ngoài) chỉ sụt giảm 25%, thấp hơn nhiều so với mức độ sụt giảm chung của toàn thị trường (35%). Nhờ vậy, HSC đã cải thiện được thị phần của mảng này từ 23,1% lên 25,8% và giữ vị trí số 1 về thị phần.

Bên cạnh mảng doanh thu từ phí môi giới cho các giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn, HSC còn thực hiện thành công rất nhiều giao dịch môi giới ngoài biên độ, chủ yếu cho các cổ phiếu kín room ngoại (MWG, VPB, FPT, MBB,...). Doanh thu phí môi giới đối với các giao dịch này tăng trưởng gần 150% so với năm 2018, đạt tỷ trọng gần 10% trong tổng doanh thu phí môi giới từ khách hàng tổ chức.

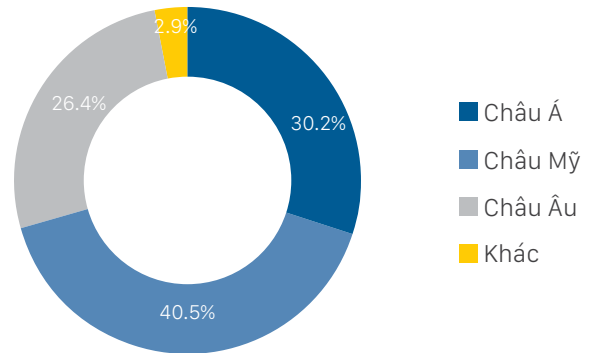
Phí môi giới khách hàng tổ chức	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch 2019	% KH 2019
Phí môi giới khách hàng tổ chức (Triệu VNĐ)	178,282	253,045	-30%	212,179	84%
Thị phần khách hàng tổ chức	3.9%	3.8%	4%	3.6%	111%
Tổng giá trị giao dịch khách hàng tổ chức qua HSC (Triệu VNĐ)	1,676,106	124,339,007	-26%	116,205,000	79%

Để sẵn sàng chào đón dòng vốn đầu tư vào thị trường Việt Nam khi thị trường được nâng hạng, HSC đã bền bỉ thực hiện các công tác chuẩn bị trong nhiều năm qua. Cụ thể:

- Trong năm 2019, HSC tổ chức hội thảo thường niên Emerging Vietnam lần thứ 3 với số lượng nhà đầu tư và các doanh nghiệp tham dự ngày càng gia tăng. Hội thảo đã trở thành cầu nối tuyệt vời để các nhà đầu tư toàn cầu, các cơ quan quản lý và các doanh nghiệp tiêu biểu của Việt Nam gặp gỡ, trao đổi và tìm kiếm các cơ hội đầu tư. Hội thảo đã cung cấp 15 buổi thảo luận nhóm chuyên sâu về nhiều đề tài vĩ mô và nhóm ngành, 15 bài thuyết trình của các doanh nghiệp, hơn 100 buổi họp 1:1 giữa nhà đầu tư và các doanh nghiệp.
- Liên tục nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm cung cấp cho khách hàng nền tảng giao dịch hiện đại nhất, có khả năng thực hiện các lệnh giao dịch lớn với tốc độ nhanh nhất và mức độ chính xác cao nhất.
- Các chuyên gia môi giới và phân tích của Khối khách hàng tổ chức đã đẩy mạnh công tác marketing ở các thị trường tiềm năng. Từ đó, số lượng tài khoản mở mới đã tăng trưởng ấn tượng trong năm 2019, tăng 25% so với cuối năm 2018. Trong đó, châu Âu và châu Mỹ là 2 thị trường tăng trưởng mạnh nhất, hứa hẹn sẽ góp phần gia tăng thị phần giao dịch của HSC trong tương lai.



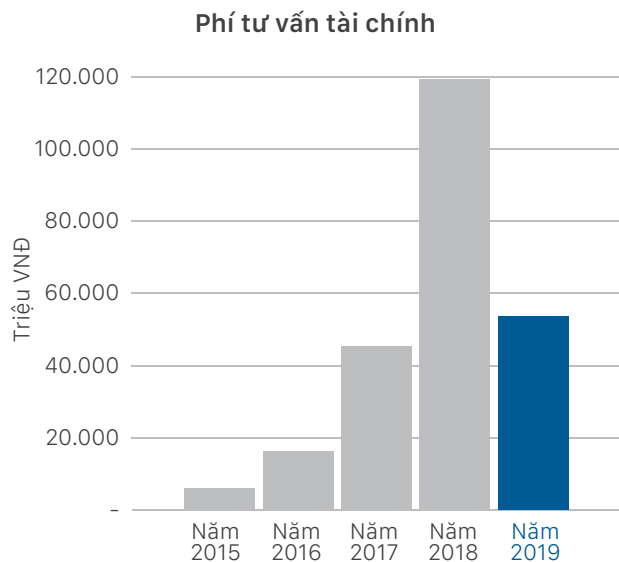
Cơ cấu tài khoản khách hàng tổ chức



Tóm tắt hoạt động Emerging Vietnam	Năm 2019	Năm 2018	% Thay đổi
Số lượng nhà đầu tư tham dự	239	225	30%
Số lượng doanh nghiệp tham dự	59	50	18%
<i>Doanh nghiệp niêm yết</i>	44	42	4,7%
<i>Doanh nghiệp chưa niêm yết</i>	15	8	87%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



Liên tiếp các giao dịch tư vấn thành công trong vài năm vừa qua đã khẳng định tên tuổi của HSC trong bản đồ dịch vụ tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp trong nước. Niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư đối với tính chuyên nghiệp của đội ngũ tư vấn tài chính HSC được chúng tôi xác định là nền tảng quan trọng nhất của sự phát triển. Vì vậy, HSC luôn ưu tiên đảm bảo giá trị tối ưu cho tất cả các bên tham gia.

Năm 2019 được xem là một năm đầy thách thức đối với thị trường. Giá trị giao dịch của những nhà đầu tư nước ngoài – là những nhà đầu tư tiềm năng nhất trong các

giao dịch tư vấn tài chính – sụt giảm trên thị trường nói chung. Vì thế, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng phần nào bị ảnh hưởng. Bên cạnh đó, đặc trưng của hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp là sự không chắc chắn về thời điểm ghi nhận doanh thu. Doanh thu báo cáo trong kỳ kế toán thường không phản ánh đầy đủ thành quả kinh doanh của hoạt động này. Sự biến động về doanh thu giữa các năm thường rất lớn.

Đứng trước các khó khăn đó, HSC đã chắt lọc, xây dựng và kiên định với định hướng kinh doanh nhất quán:

- Tập trung vào các hoạt động tư vấn ít bị ảnh hưởng bởi diễn biến của thị trường niêm yết trong ngắn hạn, ví dụ tư vấn hợp nhất sáp nhập (M&A), tư vấn phát hành riêng lẻ chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu). Bên cạnh đó, tiếp tục tìm kiếm và sẵn sàng triển khai các giao dịch tư vấn chào bán cho công chúng (IPO), tư vấn niêm yết (Listing) khi thị trường khởi sắc hơn.
- Tiếp tục xây dựng đội ngũ chuyên viên tư vấn giàu kinh nghiệm trong và ngoài nước, năng động sáng tạo, tư vấn chuyên biệt hóa theo từng nhóm ngành tiềm năng và là thế mạnh của HSC trong các năm qua như: ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản, tiêu dùng-bán lẻ, chăm sóc sức khỏe, giáo dục...
- Tăng cường hợp tác với các đơn vị tư vấn khu vực và toàn cầu đối với các giao dịch tư vấn có quy mô lớn.

Các tư vấn nổi bật năm 2019	Lĩnh vực kinh doanh	Quy mô giao dịch (tỷ đồng)
Vinamilk mua GTN	Tiêu dùng	1.400
Aozora Bank đầu tư vào OCB Bank	Ngân hàng	3.600
Taseco	Dịch vụ sân bay	450
Phú Mỹ Hưng	Bất động sản	1.900

Định hướng kinh doanh của chúng tôi trong năm 2020:

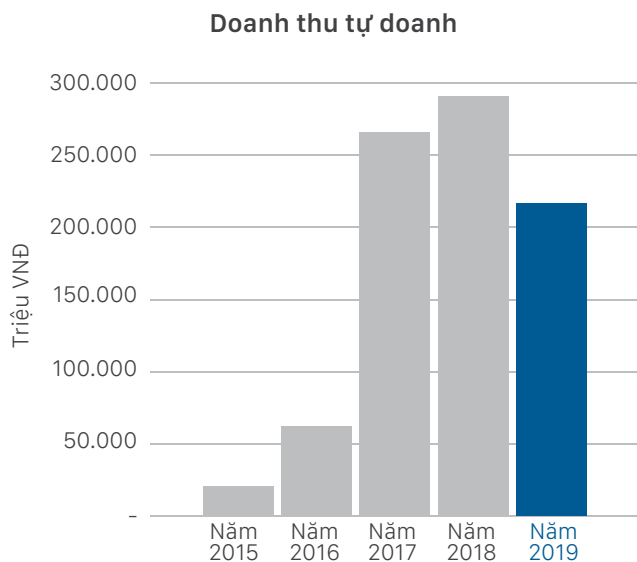
- Tiếp tục hoàn thiện những hợp đồng tư vấn đã ký kết và đang thực hiện trong năm 2019. Trong đó, giao dịch tư vấn cho Ngân hàng Phương Đông (OCB) chào bán riêng lẻ cho đối tác chiến lược Nhật Bản đã được hoàn thành vào Q1/2020.
- Nhìn nhận những thách thức ngắn hạn của thị trường do ảnh hưởng từ đại dịch coronavirus là cơ hội tiềm năng trong trung và dài hạn cho hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp. Sau đại dịch,

số lượng các giao dịch mua bán & sáp nhập, tư vấn phát hành riêng lẻ sẽ gia tăng đột biến trong nỗ lực tái cấu trúc lại các ngành nghề nói riêng và của cả nền kinh tế nói chung.

- Vì vậy, chúng tôi tiếp tục mở rộng và củng cố các mối quan hệ với các khách hàng tiềm năng, tuyển dụng nhân sự chất lượng cao, tăng cường hợp tác bán chéo trong nội bộ để tối ưu hóa năng lực và chất lượng dịch vụ.

ĐẦU TƯ

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH



DOANH THU

đạt

222 Tỷ VNĐ

Tổng doanh thu

ĐÓNG GÓP

10%

Tại HSC, chúng tôi xác định rất rõ, vai trò quan trọng nhất của hoạt động tự doanh là thúc đẩy phát triển sản phẩm mới cho thị trường, thông qua các hoạt động:

- Tạo lập thị trường
- Phòng ngừa rủi ro
- Hỗ trợ giao dịch mua bán cho khách hàng.

Vì vậy, chúng tôi chỉ dành một tỷ trọng nhỏ cho hoạt động đầu tư cổ phiếu. Đặc biệt, chúng tôi không theo đuổi chính sách đầu cơ ngắn hạn mà tập trung đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 (tiếp theo)

ĐẦU TƯ (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH (tiếp theo)

Hoạt động tự doanh (Triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch 2019	% KH 2019
Doanh thu	222,453	278,344	-20%	209,760	106%
- Cổ phiếu	25,932	92,480	-72%	40,568	64%
- Phái sinh	45,309	49,270	-8%	60,000	76%
- ETF	3,609	4,085	-12%	10,000	36%
- Chứng quyền có đảm bảo	11,550	-	-	5,000	231%
- Danh mục khách hàng	29,171	32,710	-11%	20,000	146%
- Trái phiếu	23,329	8,453	176%	4,682	498%

Năm 2019, hoạt động tự doanh đạt 222 tỷ đồng doanh thu, giảm 20% so với năm 2018, tuy nhiên đạt 106% kế hoạch đặt ra. Sự sụt giảm chủ yếu đến từ danh mục đầu tư cổ phiếu trên thị trường cơ sở. Trong khi đó, doanh thu từ hoạt động mua bán cho khách hàng ETF, phái sinh vẫn được duy trì ổn định. Đặc biệt, thông qua việc phát hành và chào bán sản phẩm Covered Warrant cho các nhà đầu tư trong năm 2019, mặc dù phí môi giới thu về khá khiêm tốn, nhưng lợi nhuận từ tạo lập thị trường và phòng ngừa rủi ro rất tích cực.

Năm 2020 được dự báo là một năm đặc biệt khó khăn đối với thị trường chứng khoán, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Thị trường chứng khoán đã sụt giảm hơn 20% kể từ đầu năm 2020, ghi nhận những phiên sụt giảm mạnh nhất kể từ khi tạo lập thị trường. Trước bối cảnh đó, quan điểm thận trọng đối với hoạt động đầu tư và sự uy tín trong vai trò tạo lập thị trường của HSC đã thể hiện những ưu điểm rõ rệt, giúp Công ty tránh được rủi ro giảm giá, sẵn sàng nguồn lực để đầu tư vào các cổ phiếu tốt với vùng giá hợp lý, duy trì nguồn lợi nhuận an toàn từ việc mua/bán cho các quỹ ETF.

HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VỐN

Nhiệm vụ của Phòng quản lý Vốn là đảm bảo thanh khoản, sẵn sàng đáp ứng đầy đủ nguồn vốn theo nhu cầu của các đơn vị kinh doanh khác với chi phí hiệu quả nhất.

Năm 2019, HSC đã bổ sung một lượng vốn lớn, đảm bảo cho nhu cầu mở rộng các hoạt động kinh doanh. Cụ thể:

- Tăng vốn chủ sở hữu thêm 1.256 tỷ đồng
- Vay hợp vốn từ các ngân hàng nước ngoài: 1.160 tỷ đồng

Chứng quyền có bảo đảm (CW)

- **TOP 3**
công ty có giá trị phát hành CW lớn nhất
- **33%/năm**
Tỷ lệ sinh lời
- **15**
mã CW lưu hành
- **Uy tín trong định giá mua/bán**

Nhà tạo lập thị trường lớn nhất với hơn 80% giá trị giao dịch của E1VFN30 (AUM: 280 triệu USD)

6.500 Tỷ VNĐ
tổng hạn mức

14 ngân hàng trong nước cấp hạn mức liên ngân hàng

50 Triệu USD vay hợp vốn từ nhóm Ngân hàng Sinopac

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Song song với việc tăng trưởng các nguồn doanh thu, Công ty cũng tập trung kiểm soát và phân bổ chi phí hoạt động một cách hợp lý, hiệu quả. Do yếu tố thị trường không thuận lợi, doanh thu sụt giảm 26%. Tuy nhiên, chi phí hoạt động chỉ cắt giảm được 15% so với năm 2018. Vì vậy, tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần tăng lên mức 58% so với tỷ lệ 51% năm 2018.

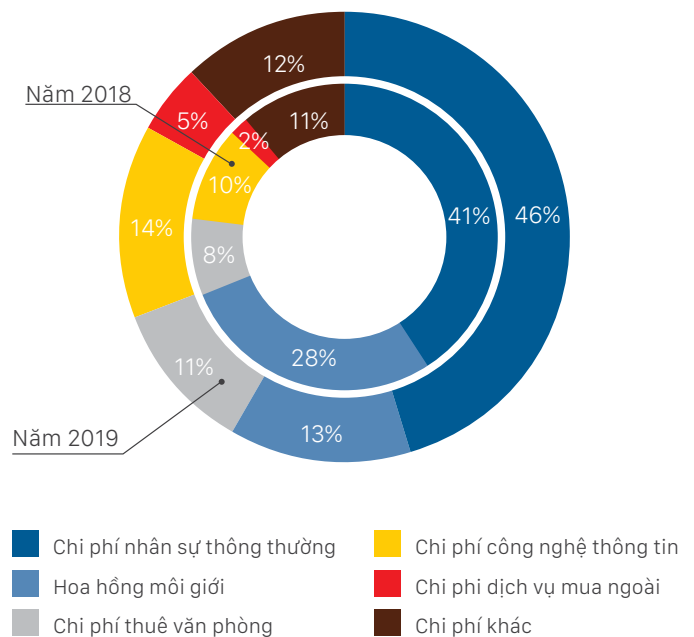
Năm 2019, chi phí hoạt động thông thường giảm 8% so với năm 2018. Mặc dù cần nỗ lực hơn nữa trong việc kiểm soát chi phí, tuy nhiên, chúng tôi cho rằng, hầu hết các chi phí gia tăng trong năm 2019 là những chi phí trực tiếp tác động tới tăng trưởng doanh thu trong tương lai.

- Lương và các chi phí nhân sự liên quan tăng 3,8%, chiếm 46% tổng chi phí hoạt động thông thường (từ mức 41% năm 2018), là kết quả của chính sách điều chỉnh lương và tuyển dụng thêm các nhân sự quản lý cao cấp và đội ngũ nhân viên kinh doanh.
- Chi phí hoa hồng môi giới giảm 57% so với năm 2018, chỉ còn chiếm tỷ trọng 13% trong tổng chi phí hoạt động thông thường (2018: 28%). Trong năm 2019, HSC đã rà soát và đánh giá lại hiệu quả kinh doanh của toàn bộ các chuyên viên môi giới khối khách hàng cá nhân theo các bộ chỉ tiêu KPI. Trên cơ sở đó, chúng tôi thực hiện các chính sách tinh gọn đội ngũ nhằm nâng cao tỷ suất lợi nhuận/môi giới.

Chi phí hoạt động (Triệu VNĐ)	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch 2019	% KH 2019
Chi phí hoạt động thông thường	502,151	547,506	-8%	612,101	82%
Phí môi giới chứng khoán	115,228	158,121	-27%	134,714	86%
Chi phí lãi vay	137,144	164,358	-17%	64,033	214%
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng chung cho vay margin	(23,573)	(10,058)	134%	3,869	-609%
TỔNG CỘNG	730,950	859,927	-15%	814,716	90%
Tỷ lệ chi phí/doanh thu	58%	51%		49%	

- Chi phí nâng cấp hạ tầng CNTT và khấu hao liên quan tới CNTT tăng 28% so với năm 2018. HSC nhận định, đổi mới CNTT là một trong những ưu tiên quan trọng nhất nhằm đào tạo năng lực cạnh tranh trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh các công ty chứng khoán nước ngoài với lợi thế về hạ tầng CNTT đang xâm nhập thị trường ngày càng sâu rộng.
- Năm 2019 cũng là năm HSC thực hiện rà soát và điều chỉnh lại hệ thống mạng lưới chi nhánh. Trong đó, công ty giảm bớt một số phòng giao dịch không hiệu quả, và cải tạo lại một số phòng giao dịch lớn. Tuy nhiên, tới cuối năm 2019 và đầu 2020, Công ty đã cơ bản hoàn tất việc điều chỉnh này. Do vậy, chi phí văn phòng gia tăng trong năm 2019 nhưng dự báo sẽ sụt giảm trong năm 2020.
- Trong khi đó, các chi phí vận hành chung như: tiếp khách, công tác phí, công cụ dụng cụ,... đã được kiểm soát tốt, giảm 5% so với năm trước.

Cơ cấu chi phí hoạt động thông thường



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (Triệu VNĐ)	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2018	% thay đổi
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	7,295,764	5,065,175	44%
I. Tài sản tài chính	7,275,687	4,949,942	47%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	906,543	117,332	673%
2. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1,286,633	851,840	51%
3. Các khoản cho vay	4,696,713	3,262,015	44%
4. Các khoản phải thu khác	385,798	718,755	-46%
II. Tài sản ngắn hạn khác	20,077	115,233	-83%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	192,914	191,130	1%
I. Tài sản cố định	41,889	47,422	-12%
II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13,597	4,447	206%
III. Tài sản dài hạn khác	137,428	139,261	-1%
TỔNG TÀI SẢN	7,488,678	5,256,305	42%
A. NỢ PHẢI TRẢ	3,184,535	2,195,769	45%
I. Nợ phải trả ngắn hạn	3,184,535	2,195,769	45%
1. Tiền vay ngắn hạn	2,393,727	1,554,132	54%
2. Phải trả trái phiếu HSC	-	150,000	-100%
3. Nợ phải trả khác	790,808	491,637	61%
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	4,304,143	3,060,536	41%
I. Vốn chủ sở hữu	4,304,143	3,060,536	41%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	7,488,678	5,256,305	42%

Các chỉ số chính	Năm 2019	Năm 2018
Chỉ số thanh khoản		
Hệ số thanh toán nhanh	2.3	2.3
Hệ số vòng quay tài sản ngắn hạn	0.2	0.3
Hệ số vòng quay tổng tài sản	0.2	0.3
Các chỉ số nợ		
Hệ số vốn chủ sở hữu so với tổng nguồn vốn	0.6	0.6
Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản	0.4	0.4
Hệ số an toàn tài chính	556%	502%
Tỷ suất sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	34%	40%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROAE)	11.7%	23.1%

Tổng Tài sản của HSC tăng trưởng 42% trong năm 2019, đạt 7.488 tỷ đồng. Kế hoạch tăng vốn đã được thực hiện thành công vào quý 2/2019 (tăng 1.256 tỷ đồng) và giao dịch vay hợp vốn nước ngoài với giá vốn hợp lý (1.160 tỷ đồng) là hai trụ cột chính hỗ trợ cho HSC gia tăng quy mô tổng tài sản. Nhờ đó danh mục cho vay margin được đẩy mạnh, tăng 44% so với cuối năm 2018, đạt 4.696 tỷ đồng.

Sau tăng vốn, Nguồn vốn chủ sở hữu của HSC tăng 41%, đạt 4.304 tỷ đồng, nhờ một phần lợi nhuận để lại từ kết quả kinh doanh năm 2018 và vốn chủ sở hữu tăng thêm.

HSC tiếp tục duy trì các chỉ số tài chính rất tốt và ổn định. Cụ thể, hệ số an toàn tài chính là 556%, cao hơn rất nhiều so với quy định của Bộ Tài chính là 180%. Trong khi đó, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản là 0,4 lần, thấp nhất trong top 3 công ty chứng khoán hàng đầu. Tuy nhiên, tỷ lệ này thấp cũng gián tiếp ảnh hưởng tới tỷ lệ ROE của công ty (giảm từ 23,1% xuống còn 11,7% năm 2019), đặc biệt sau khi Công ty tăng vốn thành công vào quý 2/2019. Trong năm 2020, HSC sẽ cải thiện tỷ lệ này nhằm cải thiện tỷ lệ ROE.

VẬN HÀNH



VẬN HÀNH

HSC trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam nhờ cam kết không ngừng nỗ lực đổi mới nhằm cung cấp một hệ sinh thái sản phẩm – dịch vụ cho khách hàng. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, thị trường chứng khoán ngày càng mở rộng với sự tham gia của các định chế tài chính lớn nước ngoài và đặc biệt cách mạng công nghệ 4.0 đang phát triển nhanh chóng, sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng trở nên mạnh mẽ, thách thức vị thế hàng đầu của HSC.

Tuy vậy, HSC cũng nhận ra những cơ hội phát triển lớn trong tương lai khi kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển tích cực. Đặc biệt, khi Hàn Quốc và Nhật Bản chứng minh rằng Việt Nam sẽ là một quốc gia sẽ thu hút dòng vốn chuyển dịch cùng công nghệ và nhân lực chất lượng cao tại Châu Á.

Từ năm 2019 HSC đã chủ động chuẩn bị các bước đổi mới cần thiết nhằm tạo ra các đột phá trong năm 2020 và giai đoạn tiếp theo với các chiến lược cụ thể như sau:

- Tái cơ cấu các phòng ban trong Khối hỗ trợ từ cơ chế luồng dịch vụ theo chức năng để phục vụ khách hàng được tốt hơn;
- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm đầu tư mới nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng khách hàng;
- Hoàn thiện hạ tầng Công nghệ thông tin cùng với việc phát triển các ứng dụng mới cho nhà đầu tư và nâng cấp hệ thống CNTT để nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản trị nội bộ công ty;
- Nâng cao tính bảo mật, an toàn cho khách hàng và hoạt động của công ty.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Triết lý Lấy khách hàng làm trung tâm (Client centricity) đã được HSC thực hiện kiên định trong suốt các năm qua. Tuy nhiên, nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mới của công ty và biến động của môi trường vĩ mô năm 2019, HSC đã thực hiện các bước tái cấu trúc để nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ của mình.

Giai đoạn trước, các bộ phận hỗ trợ được tổ chức thành các Phòng nghiệp vụ riêng lẻ. Từ cuối năm 2019, HSC chuyển đổi sang mô hình tập trung quản lý theo khối chức năng (Front End- Middle

End- Back End). Mô hình quản lý tập trung này sẽ mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất về chất lượng dịch vụ bởi đội ngũ chuyên viên Dịch vụ Khách hàng được đào tạo chuyên nghiệp với quy trình nghiệp vụ được rút ngắn. Bên cạnh đó, mô hình này cũng sẽ giúp HSC có thể hỗ trợ một cách nhanh nhất, tốt nhất mọi nhu cầu của khách hàng.

Việc tái cơ cấu mô hình chức năng này là bước quan trọng để hoàn thành dự án số hóa tất cả các dịch vụ cung cấp bao gồm mở tài khoản, chuyển tiền giữa các tài khoản và ngân hàng, quản lý danh mục, thông báo, kích hoạt thêm tài khoản, lưu ký, thực hiện quyền qua cổng điện tử CSP (Customer Service Portal). Đây là bước chuyển mình lớn trong chất lượng dịch vụ của HSC, từ bán tự động sang tự động hoàn toàn các dịch vụ cơ bản cung cấp đến khách hàng.

ĐỘT PHÁ BẰNG SẢN PHẨM MỚI

Một trong những yếu tố giúp HSC duy trì được vị trí công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong suốt nhiều năm qua là nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình. Riêng năm 2019, HSC đã phát hành và niêm yết thành công 15 chứng quyền có đảm bảo (CW - Covered Warrant) trên 10 cổ phiếu cơ sở bao gồm: MBB, MWG, VRE, VNM, HPG, FPT, GMD, REE, TCB, VPB. Các mã chứng quyền này không chỉ hấp dẫn khách hàng như một sản phẩm đầu tư mới mà còn là công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

“ Một trong những yếu tố giúp HSC duy trì được vị trí công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong suốt nhiều năm qua là nỗ lực không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình. ”

VẬN HÀNH (tiếp theo)

Hiện HSC là một trong những ty chứng khoán tiên phong trong việc phát hành và niêm yết chứng quyền. Hệ thống giao dịch chứng quyền và việc tuân thủ triệt để vai trò là nhà tạo lập thị trường đã giúp cho chứng quyền của Công ty hấp dẫn được rất nhiều nhà đầu tư nhờ mức giá chứng quyền HSC niêm yết luôn biến động sát với biến động giá chứng khoán cơ sở.

Trong năm 2019, HSC đã xây dựng và hoàn thiện quy trình nghiệp vụ kết nối với ngân hàng lưu ký quản lý tài sản của các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài cho phép nhóm nhà đầu tư này tham gia giao dịch sản phẩm phái sinh hợp đồng tương lai tại thị trường Việt Nam.

Bên cạnh đó, HSC cũng đã triển khai thành công sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp do HSC cấu trúc và phân phối đến các nhà đầu tư cá nhân vào cuối năm 2019. Nhà đầu tư của HSC có thể linh động trong việc sử dụng số tiền đầu tư chứng khoán nhàn rỗi để mua trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất cao hơn cả lãi suất tiền gửi ngân hàng nhưng vẫn đảm bảo rủi ro thấp nhất. Đặc biệt, HSC cung cấp các gói sản phẩm đảm bảo tính thanh khoản của trái phiếu giúp nhà đầu tư dễ dàng chuyển đổi từ kênh đầu tư này sang kênh đầu tư khác. Sản phẩm này đã bổ sung thêm những lựa chọn đa dạng, tối ưu hóa nguồn vốn vào danh mục đầu tư của khách hàng.

Không chỉ cam kết cung cấp các sản phẩm tốt nhất đến khách hàng, HSC còn không ngừng cải thiện và nâng cấp chất lượng dịch vụ. Đối với khách hàng chuyên nghiệp như các Công ty quản lý quỹ, hệ thống giao dịch hiện đại hỗ trợ cho nhóm khách hàng thực hiện nghiệp vụ hoán đổi chứng khoán cơ cấu, chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại, quản lý giao dịch hoán đổi thuận tiện, an toàn và luôn đạt mức chi phí thấp nhất.

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Xây dựng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại

HSC xác định công nghệ thông tin là yếu tố quyết định thành công trong việc tăng cường trải nghiệm của khách hàng và chuyển đổi số. Do đó trong suốt những năm hoạt động, HSC đã dành một nguồn lực rất lớn cho đầu tư hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự.

Những thành quả Bộ phận Công nghệ Thông tin (CNTT) trong năm 2019 gồm:

- Cải tiến ứng dụng HSC Trade (mobile) và iTrade (Web) cho phép khách hàng giao dịch cả chứng khoán cơ sở, phái sinh và chứng quyền có đảm bảo trên cùng 1 ứng dụng, giúp nhà đầu tư có những trải nghiệm đồng nhất về giao diện, thao tác, đồng thời nhà đầu tư có thể quản lý toàn bộ danh mục, vị thế chứng khoán, số dư tiền và có thể dễ dàng chuyển tiền qua lại giữa các tài khoản cơ sở và phái sinh.
- Triển khai hệ thống quản lý lệnh tập trung cho khách hàng tổ chức với công nghệ chuyên biệt giúp khách hàng tổ chức của HSC có thể quản lý lệnh giao dịch một cách tập trung và quan sát toàn bộ các giao dịch được thực hiện, thiết lập các lệnh giao dịch tự động với khối lượng cổ phiếu lớn một cách hiệu quả nhất.
- Triển khai bảng điện internet mới với thông tin cập nhật giá tốc độ cao, hỗ trợ xem thông tin giá của các loại sản phẩm tài chính khác nhau như cổ phiếu, phái sinh, chứng quyền, cổ phiếu thành phần của các Index, hỗ trợ lưu lại các danh mục riêng của khách hàng.
- Phát triển một bộ công cụ giúp tính toán và tạo lập danh mục đầu tư Chứng quyền trên website HSC Online. Với bộ công cụ này, nhà đầu tư có thể: tạo danh mục chứng quyền theo các tiêu chí định sẵn; tính toán số lượng chứng quyền cần mua với mục tiêu tối ưu hóa danh mục; Tra cứu các thông tin chuyên sâu về các chứng quyền được quan tâm; Định giá chứng quyền; So sánh các chứng quyền trên cùng một mã cổ phiếu do nhiều công ty chứng khoán phát hành
- Triển khai thành công hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp trực tuyến tại địa chỉ <https://bond.hsc.com.vn/>. Hệ thống này cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch trái phiếu từ việc xem thông tin về trái phiếu, lựa chọn phương án đầu tư, xác nhận sở hữu số dư trái phiếu một cách tiện lợi trên máy tính, điện thoại, ipad... Giao dịch online mang lại trải nghiệm thân thiện, đơn giản và nhanh gọn với khách hàng, đồng thời giúp HSC có thể thực hiện một số lượng lớn giao dịch trong một ngày với giá trị đầu tư tối thiểu chỉ từ 20 triệu đồng mà không gặp trở ngại về vận hành như cách thức ký hợp đồng giao dịch truyền thống.



Năm 2020, HSC sẽ tiếp tục tập trung vào việc nâng cấp hoàn thiện các nền tảng giao dịch, giúp nhà đầu tư giao dịch nhiều sản phẩm tài chính khác nhau.

Trong quản trị nội bộ, CNTT giúp cho Công ty hệ thống, số hoá các công việc qua đó nâng cao năng suất lao động, tăng cường tính bảo mật và tiết giảm chi phí. Để thực hiện mục tiêu này trong năm 2019, Bộ phận CNTT đã triển khai nâng cấp hệ thống Intranet nội bộ, giúp các bộ phận được cập nhật thông tin thông suốt, có thể giao tiếp và tương tác làm việc với nhau. Theo đó, HSC đã kiện toàn tổ chức một hệ thống quản lý mọi ứng dụng trong công việc như việc triển khai các dự án, trao đổi thông tin, chia sẻ dữ liệu giữa các thành viên và phòng ban. Hệ thống cũng được tăng cường tính bảo mật thông tin thông qua việc quản lý, phân quyền truy cập báo cáo, dữ liệu và theo dõi việc thu thập, sử dụng dữ liệu của người dùng.

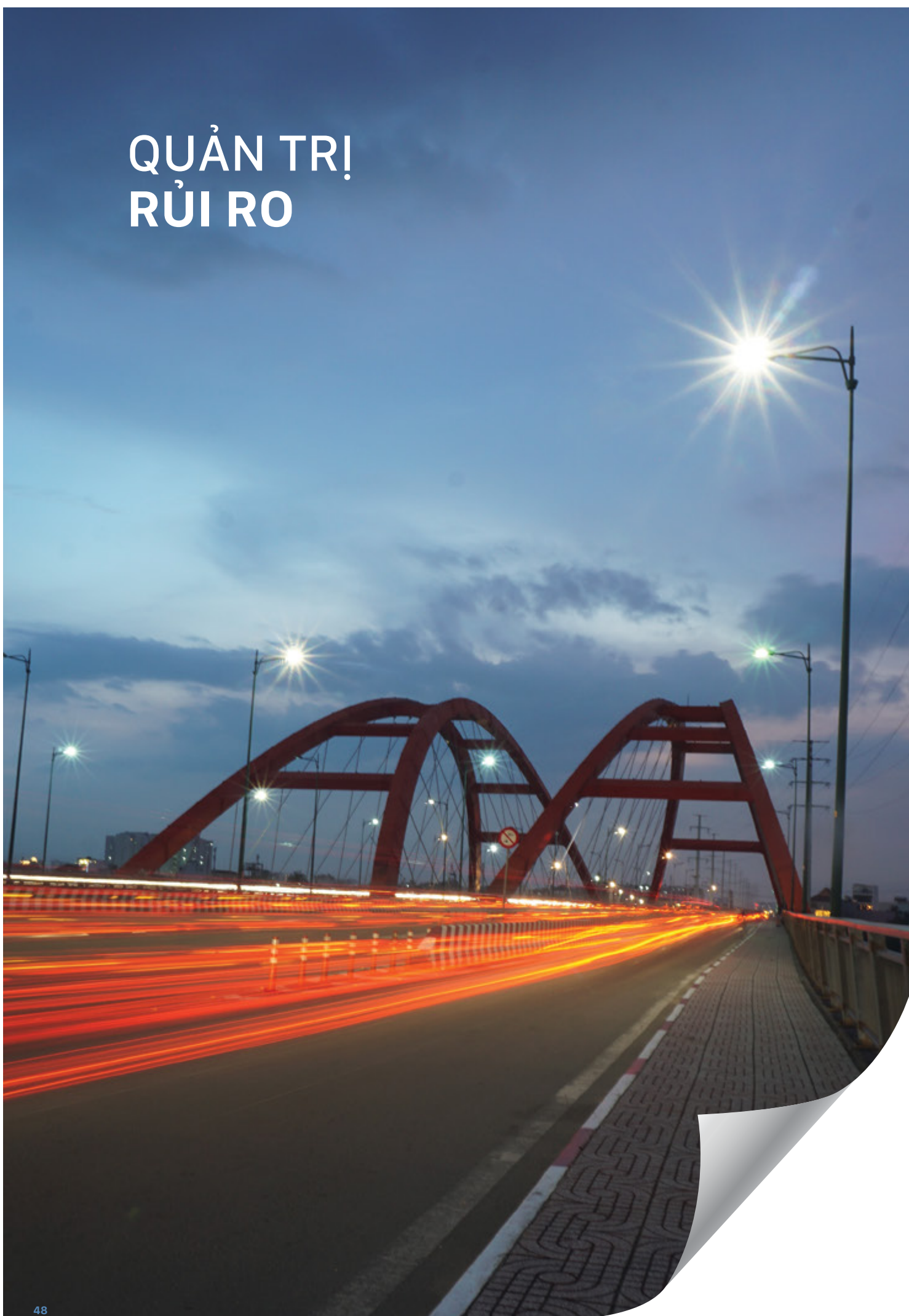
An ninh mạng theo tiêu chuẩn quốc tế

Với sự đe dọa ngày càng tăng từ các tấn công tin học, vi phạm an ninh mạng và rò rỉ dữ liệu, HSC đã liên tục tăng cường các biện pháp an ninh quản trị

mạng. Công ty đã triển khai chương trình Hệ thống An ninh Thông tin (ISMS) theo tiêu chuẩn ISO 27001:2013 để cải thiện tổng thể kiến trúc an ninh bằng việc giảm thiểu và loại bỏ các điểm yếu an ninh trước đây. Bên cạnh đó, HSC cũng yêu cầu toàn thể nhân viên tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc sở hữu trí tuệ nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu của tất cả các bộ phận chức năng. HSC cũng đã xây dựng thành công Trung tâm Khôi phục Dữ liệu sau thảm họa để đảm bảo an toàn các dữ liệu quan trọng liên quan đến thông tin tài sản, thông tin giao dịch của khách hàng và của Công ty.

Nền tảng CNTT hiện đại theo chuẩn quốc tế của HSC đã và đang đáp ứng được tất cả các yêu cầu cao nhất của khách hàng. Trong giai đoạn kế tiếp, HSC vẫn sẽ tiếp tục tối ưu các trải nghiệm của khách hàng, giúp khách hàng giao dịch tại HSC một cách đơn giản, thuận tiện và an toàn. HSC tin tưởng rằng, với thế mạnh về mặt công nghệ cùng với sự kiên trì luôn cải tiến để đáp ứng được nhu cầu, mang lại lợi ích cho khách hàng và cải thiện hiệu quả làm việc cho công ty thông qua các ứng dụng CNTT sẽ thúc đẩy nhanh quá trình tăng trưởng của HSC trong năm 2020 và những năm sắp tới một cách bền vững.

QUẢN TRỊ RỦI RO



QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2019, HSC tiếp tục hoàn thiện khung quản trị rủi ro theo mô hình quản trị “ba tuyến phòng thủ”. Theo đó, mỗi tuyến phòng thủ đóng một vai trò cụ thể với trách nhiệm rõ ràng và các tuyến cùng phối hợp với nhau trong việc nhận diện, đánh giá và giảm thiểu rủi ro. Khung quản trị rủi ro tại HSC được áp dụng

dựa trên các quy tắc minh bạch, có trách nhiệm giải trình của Ban Lãnh đạo và giám sát độc lập. Hoạt động quản trị rủi ro luôn được coi là một cấu phần không thể tách rời của quy trình lập kế hoạch kinh doanh với sự tham gia sâu sát của Ban Điều hành cũng như Hội đồng Quản trị.

Tuyến phòng thủ thứ nhất Trách nhiệm quản trị rủi ro

Là các đơn vị vận hành nghiệp vụ. Các đơn vị này chịu trách nhiệm tìm kiếm các cơ hội kinh doanh phù hợp trong khuôn khổ các mục tiêu QTRR chiến lược cùng các yêu cầu về tuân thủ của Công ty. Các đơn vị này coi QTRR là một hoạt động cốt yếu trong công việc hàng ngày của mình.

Tuyến phòng thủ thứ hai Giám sát rủi ro

Bao gồm các bộ phận quản trị rủi ro, tuân thủ, và pháp lý. Tuyến phòng thủ thứ hai xác lập các tiêu chuẩn và kỳ vọng nhằm quản trị rủi ro và kiểm soát một cách hiệu quả, thực hiện các hoạt động:

- Tư vấn về các quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời ban hành các chính sách liên quan;
- Theo dõi và đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ. Tuyến phòng thủ này phối hợp chặt chẽ với tuyến phòng thủ thứ nhất trong hoạt động QTRR, đồng thời đảm bảo các chức năng kiểm soát độc lập để rà soát, đo lường và thẩm tra các hoạt động vận hành nghiệp vụ, đưa ra các đánh giá độc lập và báo cáo về công tác QTRR cho Ban Điều hành và các cơ quan quản lý nhà nước.

Tuyến phòng thủ thứ ba Đảm bảo rủi ro

Là bộ phận kiểm toán nội bộ. Đơn vị này có chức năng giám sát hiệu quả của các biện pháp kiểm soát xuyên suốt các chức năng và nghiệp vụ khác nhau, bao gồm các thông lệ quản lý và quản trị rủi ro. Tuyến phòng thủ này thực hiện chức năng kiểm toán và rà soát, bao gồm năng lực vận hành, công tác phòng vệ, công tác báo cáo và tuân thủ trong Công ty, và báo cáo đầy đủ và độc lập cho Hội đồng Quản trị.

Tại HSC, chúng tôi tin rằng hoạt động kinh doanh và sự phát triển bền vững của Công ty cần được xây dựng dựa trên khả năng chấp nhận rủi ro một cách chủ động và có kỷ luật. Do đó, các quy trình quản trị rủi ro, tuân thủ và kiểm toán độc lập cùng trách nhiệm giải trình thích đáng của Ban Lãnh đạo là cốt yếu đối với các lợi ích và mối quan tâm của cổ đông Công ty. Văn hoá QTRR của HSC được xây dựng trên những nguyên tắc sau đây:

- Nhất quán những loại hình và thông số rủi ro mà Công ty sẵn sàng chấp nhận;
- Các chính sách và quy trình QTRR và tuân thủ xác định rõ các trách nhiệm giải trình và trách nhiệm thực thi trong việc chấp nhận và quản trị rủi ro;
- Chủ động xây dựng khung QTRR và chủ động giám sát rủi ro trên cơ sở liên tục cải thiện;
- Thiết lập các giới hạn rủi ro đa dạng, khuyến khích phương pháp tiếp cận đánh giá rủi ro đa chiều, trong đó có tính đến cả rủi ro tài chính và rủi ro phi tài chính;
- Khuyến khích văn hoá QTRR, nơi mà những kỳ vọng về văn hoá rủi ro thường xuyên được truyền thông từ Ban Lãnh đạo cấp cao, được củng cố thông qua các chính sách và công tác đào tạo, và được sử dụng trong quy trình đánh giá hiệu quả công việc và xét duyệt lương thưởng.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

HSC là một công ty chứng khoán luôn dẫn đầu ngành về các tiêu chuẩn và thông lệ tốt nhất trong QTRR. Công tác giám sát QTRR cần trọng phù hợp với các ưu tiên chiến lược là cơ sở cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Sổ tay QTRR của HSC, xây dựng và ban hành từ năm 2012 thường xuyên được rà soát và cập nhật các thông lệ QTRR nhằm đảm bảo sự nhất quán với các hoạt động kinh doanh cũng như sự phù hợp với các chiến lược kinh doanh và tài chính của Công ty.

Mục tiêu chính của công tác QTRR là bảo vệ sức khoẻ tài chính của HSC, đồng thời đảm bảo đồng vốn được đầu tư hiệu quả nhằm hỗ trợ tăng trưởng và các hoạt động kinh doanh. Sự chủ động của chúng tôi trong công tác QTRR hướng đến việc hỗ trợ chiến lược và tăng trưởng dài hạn của Công ty, nhưng không cản trở khả năng nắm bắt những cơ hội thị trường phù

hợp. Triết lý “Đặt Khách hàng làm trung tâm” được coi trọng tại các bộ phận hỗ trợ QTRR thông qua các dịch vụ cung cấp cho các phòng ban khác, giúp các đơn vị này thực hiện công việc hiệu quả và tự tin hơn, từ các công việc hàng ngày đến công tác hoạch định dài hạn.

Các quy trình, thủ tục được khởi xướng bởi mỗi đơn vị kinh doanh được Khối QTRR hỗ trợ rà soát, đối chiếu với khung QTRR chung của Công ty cũng như các quy định áp dụng nhằm đảm bảo nguyên tắc hài hoà giữa chấp nhận rủi ro và tuân thủ đầy đủ. Chuyên viên chuyên trách của Phòng được bố trí để hỗ trợ tư vấn kịp thời khi có yêu cầu về các vấn đề tuân thủ và pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp đóng góp giá trị vào chất lượng dịch vụ khách hàng cũng như hiệu quả kinh doanh.



Các hoạt động QTRR năm 2019

Trong năm 2019 cũng như các năm tiếp theo, tình hình thế giới sẽ trở nên ngày càng phức tạp với nhiều diễn biến khó lường trên thị trường. Do vậy, chúng tôi nhận thức rõ tầm quan trọng của các quy trình xuyên suốt và thống nhất, trong đó nhấn mạnh vào khả năng duy trì kinh doanh liên tục cũng như khả năng chống chịu trong khủng hoảng. Trong những năm vừa qua, chúng tôi đã tăng cường theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, chủ động nỗ lực rà soát và cập nhật quy trình, thủ tục nội bộ. QTRR hiệu quả không được phép bất biến. Ngược lại, đó là nỗ lực có kỷ luật và liên tục nhằm đạt được sự cải tiến.

Các hoạt động nổi bật về QTRR trong năm 2019 của HSC:

- Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Pháp lý tiếp tục phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ khác, trong đó tập trung vào Khối Khách hàng cá nhân, rà soát và cập nhật quy trình và quy định hiện hành nhằm nâng cao hiệu quả khi triển khai và đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật mới ban hành.
- Chiến lược của Công ty và sự đầu tư vào công nghệ thông tin trong những năm vừa qua được phản ánh rõ nét trong việc số hoá hoạt động chủ chốt. Các bộ phận thuộc Khối QTRR, bao gồm Tuân thủ, Pháp lý và Kiểm soát nội bộ đã phối hợp chặt chẽ với Phòng Công nghệ thông tin (CNTT) để từng bước triển khai các quy trình, thủ tục xác thực và cơ chế báo cáo trực tuyến giúp các hoạt động QTRR hiệu quả và hợp lý hơn.
- Phối hợp với bộ phận Tự doanh và Phòng CNTT xây dựng các chức năng báo cáo của hệ thống Kinh doanh thông minh (Business Intelligence) nhằm đảm bảo cung cấp các báo cáo quy chuẩn một cách kịp thời và chính xác.
- Hỗ trợ phát triển danh mục sản phẩm mới, bao gồm chứng quyền và ETF thông qua việc rà soát pháp lý và nộp hồ sơ đăng ký. Đặc biệt, với sản phẩm chứng quyền, bộ phận Pháp lý đã hỗ trợ sát sao việc nộp hồ sơ đăng ký phát hành chứng quyền mới, giúp HSC hoàn thành nộp hồ sơ và khởi tạo giao dịch cho 15 chứng quyền trên HOSE.
- Tham gia đóng góp ý kiến cho 9 điểm trong Quy chế niêm yết, Công bố thông tin và Thông tư 107 về chào bán và giao dịch chứng quyền nhằm giảm bớt yêu cầu về hồ sơ đăng ký và rút ngắn thời gian phê duyệt của Ủy ban chứng khoán nhà nước và (SSC) & HOSE.
- Bộ phận Pháp lý đã thay mặt HSC tham gia cùng với các công ty chứng khoán khác nhằm đóng góp ý kiến cho Luật chứng khoán 2021. Trong số 100 điểm đề xuất có 20 điểm đã được tiếp thu và đưa vào dự thảo Luật chứng khoán mới.
- HSC, đại diện là Tổng Giám đốc Trịnh Hoài Giang, được chỉ định là thành viên tham gia ban soạn thảo các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán 2021 mới, với sự hỗ trợ và tư vấn từ bộ phận Pháp lý của Công ty.
- Thông qua các cuộc rà soát và cập nhật triết để, các bộ phận Tuân thủ, Pháp lý và Kiểm soát nội bộ đã phối hợp chặt chẽ nhằm củng cố sự sẵn sàng của Công ty cho Quy chế mới và giai đoạn chuyển tiếp trong năm 2020 và 2021.

QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

CÁC HOẠT ĐỘNG QTRR NĂM 2019 (tiếp theo)

HSC đang ở vị thế thích hợp cho công cuộc chuyển tiếp trong năm 2020 và những năm tiếp theo. Chúng tôi tự hào với tầm nhìn dài hạn và nền tảng vững chắc mà với đó công tác QTRR đã được xây dựng một cách mạnh mẽ. Trong năm 2020, HSC sẽ tiếp tục rà soát và cập nhật quy trình và thủ tục nội bộ, trong đó chú trọng công tác Phát triển sản phẩm và Quy tắc ứng xử của Nhân viên.

Phát triển các ứng dụng CNTT sẽ tiếp tục được đẩy mạnh với quá trình số hoá đang triển khai. Việc phát triển các công cụ như Dashboard được trông đợi sẽ nâng cao năng lực QTRR, đặc biệt trong việc triển khai các thông số rủi ro xuyên suốt tất cả các hoạt động, bao gồm cả nghiệp vụ cho vay ký quỹ.

Xây dựng chiến lược và triển khai An ninh thông tin cũng nằm trong Chương trình hành động của HSC khi chúng tôi đang phát huy vai trò của nền tảng công nghệ ngày một nhiều hơn. Tất cả các bộ phận Tuân thủ, Pháp lý và Kiểm soát nội bộ sẽ phối hợp với CNTT để thiết lập phân quyền truy cập hệ thống như cũng rà soát hiện trạng an ninh thông tin và công bố thông tin nhằm đảm bảo tuân thủ cả ở khu vực trực tuyến và khu vực ngoại tuyến.

KIỂM TOÁN NỘI BỘ (KTNB)

Cam kết về tính hiệu quả của Quy trình Quản trị rủi ro

Trong bối cảnh các biến động và các rủi ro mới nổi ngày càng gia tăng trong môi trường tài chính và vận hành, HSC tận dụng cơ cấu tổ chức hợp lý và vững mạnh để đảm bảo hiệu quả của các quy trình quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro. Bộ phận Kiểm toán nội bộ, với vai trò là tuyến phòng vệ thứ ba trong mô hình quản trị rủi ro "3 tuyến phòng vệ" của chúng tôi, đóng góp vào thành quả của Công ty thông qua phương pháp tiếp cận có hệ thống, có nguyên tắc nhằm đánh giá và cải thiện tính hiệu quả của các quy trình quản lý rủi ro, hoạt động kiểm soát và quản trị doanh nghiệp.

Cơ cấu này đảm bảo mức độ hiệu quả của công tác đánh giá và quản trị rủi ro của HSC cũng như hiệu quả của các tuyến phòng vệ thứ nhất và thứ hai. KTNB bao quát tất cả các yếu tố của khung QTRR của Công ty, từ nhận diện rủi ro, đánh giá rủi ro và ứng phó trước rủi ro đến truyền đạt thông tin liên quan đến rủi ro, và tất cả các loại hình mục tiêu của tổ chức: chiến lược, đạo đức kinh doanh, vận hành, báo cáo và tuân thủ.

Đáp ứng các chuẩn mực quốc tế được công nhận, các thông lệ sau đây được thiết lập và triển khai nhằm đảm bảo bộ phận KTNB tối đa hoá đóng góp của mình cho công tác quản trị tốt:

- Vai trò và trách nhiệm của bộ phận KTNB được định nghĩa rõ ràng và truyền thông nhất quán trong cả Công ty.
- KTNB báo cáo cho Hội đồng Quản trị thông qua Ủy ban Kiểm toán, nhờ đó giúp duy trì tính độc lập và khả năng đưa ra các nhận định khách quan.
- KTNB phải có đầy đủ nguồn lực, bao gồm cả việc đảm bảo một mức độ chuyên nghiệp cao và chất lượng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế cùng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp.
- KTNB được gặp gỡ nhân sự các phòng ban, truy cập vào các nguồn thông tin, sổ sách và tiếp cận tài sản của doanh nghiệp một cách đầy đủ và thích đáng nhằm thực hiện vai trò và trách nhiệm được giao.
- Phạm vi của KTNB không bị giới hạn, bao gồm tất cả các lĩnh vực rủi ro như các sự kiện chính của Công ty, văn hoá và đạo đức, danh tiếng, sản phẩm mới và kết quả của các quy trình.

Nỗ lực cải tiến liên tục

Bên cạnh việc hoàn thành chức năng cốt lõi trong công tác QTRR của Công ty, KTNB tại HSC còn đóng vai trò quan trọng thông qua việc đóng góp vào các nỗ lực cải tiến cho doanh nghiệp. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kiểm toán, bộ phận KTNB sẽ đưa ra các khuyến nghị một cách độc lập và khách quan nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giá trị của HSC. Năm 2019, dựa trên nền tảng phân tích có hệ thống và có phương pháp luận, bộ phận KTNB đã tập trung vào xác định những rủi ro mới nổi có tác động đáng kể đến kết quả hoạt động của Công ty, bao gồm rủi ro an ninh mạng, rủi ro hoạt động và công nghệ thông tin. Nhờ vào kết quả đánh giá rủi ro của KTNB, các cuộc rà soát sau đây đã được tiến hành trong năm 2019:

1	<i>Báo cáo rà soát hoạt động phòng chống rửa tiền (kiểm toán hàng năm)</i>	✓
2	<i>CNTT và An ninh mạng (rà soát lần 2)</i>	✓
3	<i>Theo dõi tiến độ thực hiện các phát hiện kiểm toán CNTT và An ninh mạng</i>	✓

Bộ phận KTNB tiếp tục việc chuyển đổi của phương pháp KTNB nhằm tích hợp phương pháp kiểm toán hiệu quả hoạt động song song với phương pháp kiểm toán theo định hướng rủi ro. Thay đổi này phù hợp với sự phát triển chiến lược của HSC và củng cố vai trò của bộ phận KTNB như một dịch vụ tạo giá trị gia tăng, lấy dịch vụ khách hàng và trải nghiệm khách hàng làm trung tâm.

Cụ thể, năm 2019, KTNB đã tái rà soát Khối Khách hàng cá nhân (PCD), đơn vị giao diện chính với khách hàng trong mảng kinh doanh chủ chốt của Công ty để khởi động Dự án kiểm toán lần 2 đối với Quy trình Quản lý nhân sự. Mục tiêu của cuộc rà soát gồm:

- Tìm hiểu cơ cấu tổ chức hiện tại, hiện trạng quản trị và vận hành của PCD;
- Nhận diện và đánh giá các rủi ro có thể cản trở Khối đạt mục tiêu kinh doanh đề ra;
- Xác định hiện trạng thực hiện các biện pháp kiểm soát;
- Đánh giá tính đầy đủ và hiệu quả của các biện pháp kiểm soát;
- So sánh cơ cấu tổ chức, cơ cấu lương thưởng, hệ thống đánh giá hiệu quả công việc với các thông lệ tiên tiến.

Nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của mình trong việc hỗ trợ và tạo giá trị gia tăng cho tổ chức, bộ phận KTNB coi các đơn vị kinh doanh của HSC là khách hàng mà mình cần phục vụ. Chúng tôi áp dụng cách tiếp cận tổng thể để định vị mình như một bộ phận liên quan và không thể tách rời của các đơn vị được rà soát. Mục tiêu bao trùm của KTNB là nắm bắt tiềm năng từ sự cải tiến trong các quy trình quản lý rủi ro, hoạt động kiểm soát và quản trị doanh nghiệp. Tư duy làm việc "chung sức, đồng lòng" giúp HSC kết nối chiến lược của Ban Điều hành với khâu triển khai trong vận hành, hỗ trợ thông qua các sáng kiến mới, bao gồm các dự án thiết lập hệ thống CNTT hay việc rà soát và tái cơ cấu PCD.

Các hoạt động KTNB trong năm 2020

Chú trọng cách tiếp cận kiểm toán hiệu quả, bộ phận KTNB, cùng với sự hỗ trợ của KPMG Việt Nam, sẽ tập trung nhận diện các vấn đề gồm cải tiến hiệu quả hoạt động và tối ưu hoá chi phí nhằm đóng góp vào kết quả kinh doanh của Công ty. Do đó, các hoạt động KTNB trong năm 2020 sẽ tập trung vào những dự án sau:

01

Báo cáo rà soát hoạt động phòng chống rửa tiền (kiểm toán hàng năm)

02

Quy trình mua hàng (rà soát lần 1)

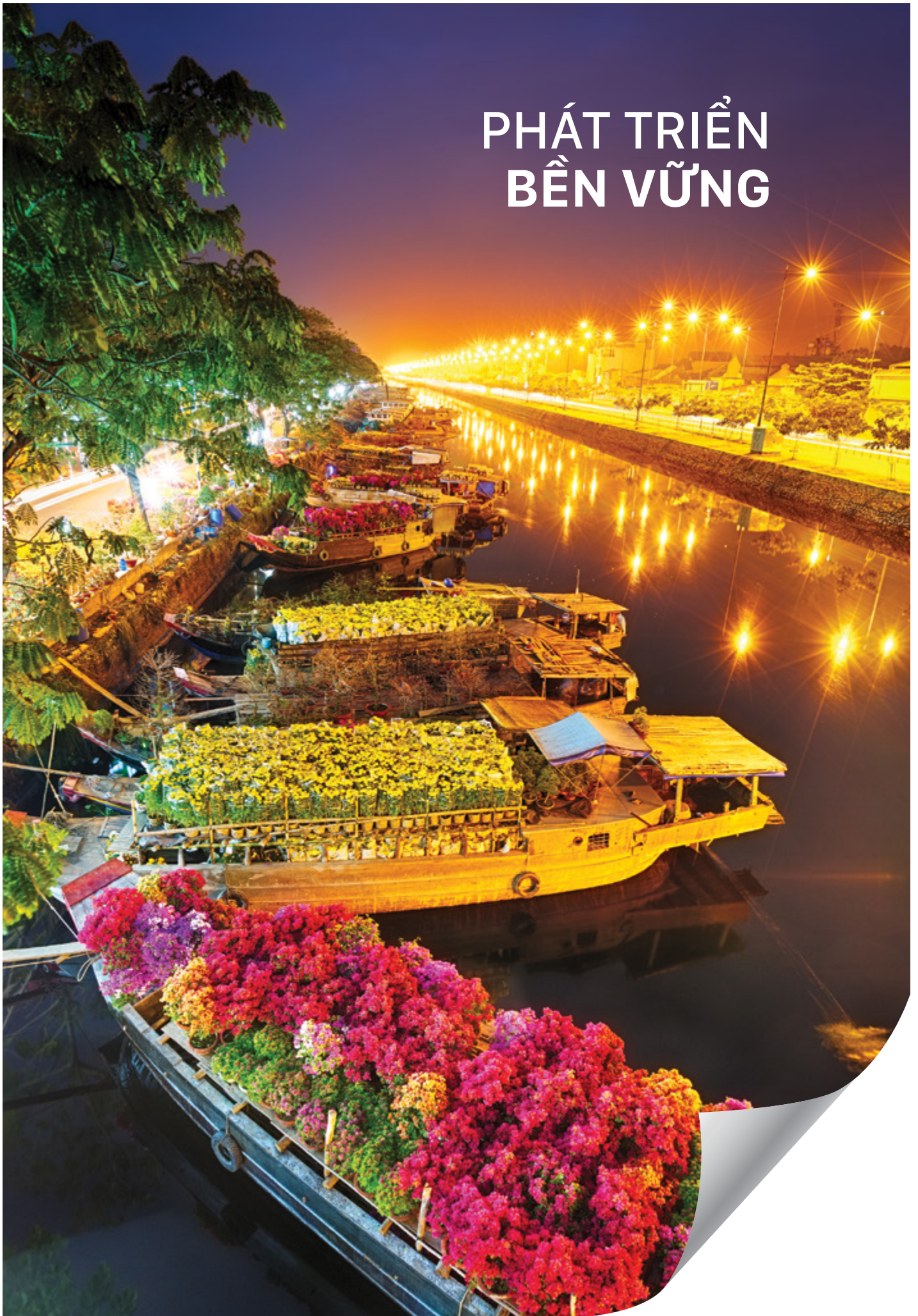
03

Quy trình quản lý thu chi tiền mặt của Công ty (rà soát lần 1)

04

Quy trình quản lý nhân sự cho Khối Khách hàng cá nhân (rà soát lần 2) – đang tiến hành

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TỔNG QUAN BÁO CÁO

Là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam với nhiều giải thưởng, danh hiệu trao bởi các cơ quan trong nước và tổ chức quốc tế uy tín, HSC luôn đồng hành cùng các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và đối tác trải qua các giai đoạn phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam. Một trong những cam kết dài hạn của Công ty với thị trường đó là luôn xem xét đặt các tiêu chí Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) tích hợp vào các hoạt động thường xuyên cũng như việc xây dựng các chiến lược, kế hoạch kinh doanh dài hạn.

Trên tất cả các cơ sở xem xét, Công ty luôn kỳ vọng sẽ đưa ra các quyết định tốt nhất hướng đến tối thiểu xung đột lợi ích giữa các bên có quyền lợi liên quan một cách nhân văn.

 <p>KHÁCH HÀNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Uy tín và trách nhiệm doanh nghiệp ▪ "Lấy khách hàng làm trung tâm" trong việc thiết kế, cải tiến các sản phẩm, dịch vụ cung cấp
 <p>NGƯỜI LAO ĐỘNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Môi trường làm việc năng động, thân thiện ▪ Quyền lợi, phúc lợi và thu nhập ▪ Cơ hội thăng tiến
 <p>CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông ▪ Hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững ▪ Công bố thông tin
 <p>CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ phát triển kinh tế ▪ Hỗ trợ đào tạo và sử dụng nhân lực địa phương
 <p>CƠ QUAN QUẢN LÝ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phát triển và kinh doanh theo định hướng của Nhà nước ▪ Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật ▪ Phối hợp tháo gỡ, triển khai các nhiệm vụ chung
 <p>TRUYỀN THÔNG, BÁO CHÍ</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Quan hệ bền vững và minh bạch ▪ Sẵn sàng và cởi mở trong chia sẻ thông tin

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRUNG TÂM

Với chuyển đổi chiến lược từ “sản phẩm làm trung tâm” sang “khách hàng làm trung tâm”, HSC bắt đầu thực hiện nâng cấp mô hình dịch vụ theo chức năng từ Front End, Middle End đến Back End nhằm mang đến các trải nghiệm dịch vụ xuyên suốt và tốt nhất cho khách hàng. Các chức năng kết nối với nhau thông qua quy trình hoạt động tổng thể (end-to-end operation process) được thiết kế trên triết lý “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

Thấu hiểu hành vi khách hàng

Hiểu rõ đối tượng, phân khúc các khách hàng sử dụng sản phẩm, dịch vụ là công việc thiết yếu HSC đã và đang tiếp tục triển khai. Các thông tin về khách hàng bao gồm thông tin tài chính, phi tài chính được thu thập qua các kênh khác nhau như nhân viên môi giới, nhân viên giao dịch và dịch vụ khách hàng, hệ thống trực tuyến tương tác với khách hàng. Các thông tin này được xử lý, phân tích đa chiều và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu xây dựng trên nền tảng công nghệ tiên tiến nhất và bảo mật nhất, từ đó phát triển thành các báo cáo quản trị khách hàng giúp cho các phòng ban chức năng hỗ trợ khách hàng một cách hiệu quả nhất.

Mọi quyết định về cải tiến, phát triển sản phẩm, dịch vụ hay xử lý các vấn đề khách hàng yêu cầu đều được dựa trên các thông tin phân tích, hiểu rõ hành vi của khách hàng nhằm đưa ra những giải pháp phù hợp nhất với từng đối tượng khách hàng trong từng thời điểm.

Tiên phong trong thiết kế Sản phẩm – dịch vụ toàn diện

Tại HSC, phương châm cải tiến liên tục và toàn diện dựa trên phản hồi của khách hàng được áp dụng trong việc thiết kế các sản phẩm, dịch vụ cung cấp. HSC hiểu rằng khách hàng sẽ luôn có nhu cầu về chất lượng cao hơn, trải nghiệm tốt hơn, dịch vụ đa dạng hơn. Quy trình thiết kế sản phẩm, dịch vụ toàn diện được áp dụng đi từ bước nghiên cứu nhu cầu khách hàng, thị trường đến khâu phát triển, vận hành, kinh doanh sản phẩm và các dịch vụ sau bán, đặc biệt đưa hàm lượng chất xám công nghệ vào ngay từ những bước đầu để nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Năm 2019, HSC đã đưa vào vận hành kênh E-broking (www.online.hsc.com) bên cạnh kênh môi giới truyền thống, cho phép nhà đầu tư trải nghiệm các dịch vụ trực tuyến như mở tài khoản, tư vấn đầu tư

và đào tạo kiến thức đầu tư, báo cáo phân tích. Sau thời gian liên tục cải tiến và nâng cấp chức năng, E-broking đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ các khách hàng và trở thành kênh thu hút khách hàng mới hiệu quả, bên cạnh kênh chi nhánh, môi giới truyền thống.

Cũng trong quá trình phát triển sản phẩm đầu tư, HSC hiểu rằng nhu cầu của khách hàng về một giải pháp tư vấn đầu tư tổng thể đang và sẽ phát triển mạnh trong tương lai, thay thế cho sản phẩm đầu tư riêng lẻ. Dựa trên nhu cầu thực tế đó, trong năm 2019, HSC triển khai xây dựng nền tảng Dịch vụ quản lý tài sản cho khách hàng cá nhân và bắt đầu với việc cung cấp sản phẩm Trái phiếu doanh nghiệp do HSC cấu trúc. Giao diện thân thiện, hướng đến trải nghiệm người dùng, sản phẩm thiết kế linh hoạt, an toàn, phù hợp khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư chứng khoán, quy trình vận hành xuyên suốt, đảm bảo xử lý giao dịch của khách hàng nhanh chóng – đó là những ưu điểm cạnh tranh vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ hỗ trợ trực tuyến của HSC ngày càng được hoàn thiện phù hợp với xu thế số hóa hiện nay. Bên cạnh việc tiên phong phát triển các sản phẩm đầu tư mới, HSC cũng tập trung nguồn lực để số hóa toàn bộ các dịch vụ chứng khoán bao gồm mở tài khoản, chuyển tiền, ký quỹ, lưu ký chứng khoán, quản lý tài sản và thông tin khách hàng... Khi đó, khách hàng sẽ không phải đến chi nhánh hay thông qua nhân viên môi giới mà có thể sử dụng các dịch vụ trên Hệ thống Dịch vụ khách hàng trực tuyến (CSP) mọi lúc, mọi nơi. Các yêu cầu của khách hàng được xử lý nhanh chóng qua việc tự động hóa các quy trình vận hành từ front đến back, đáp ứng nhu cầu khách hàng nhanh nhất nhưng cũng đảm bảo tính an toàn nhất.

Lắng nghe và tương tác với khách hàng 24/7

HSC phát triển đa kênh để khách hàng có thể tiếp cận thông tin và phản hồi về các sản phẩm, dịch vụ do HSC cung cấp. Ý kiến khách hàng được thu thập từ các kênh truyền thống như mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch HSC cùng đội ngũ chuyên viên tư vấn, nhân viên môi giới đến các kênh số, như website công ty (www.hsc.com.vn), tổng đài số DVKH 1900 636766, mạng xã hội Facebook (FB: Công ty chứng khoán HSC; FB – Dong tien thong minh). Các cổng thông tin cũng thường xuyên cập nhật các thông tin hữu ích về sản phẩm, dịch vụ do HSC cung cấp, các thông tin tư vấn đầu tư hỗ trợ khách hàng nhanh nhất.

Xử lý khiếu nại và góp ý

HSC luôn coi những khiếu nại, góp ý của khách hàng là những thông tin đầu vào hữu ích làm cơ sở cho việc cải tiến liên tục chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Các khiếu nại của khách hàng được tổng hợp từ các nguồn đa dạng, thực hiện xử lý qua quy trình xử lý khiếu nại với sự tham gia của đầy đủ các bộ phận chức năng. Mỗi câu trả lời cho khách hàng được cân nhắc hài hòa trên lợi ích khách hàng, hướng tới sự hài lòng của khách hàng nhất tuy nhiên phải đảm bảo các quy định và tuân thủ của HSC.

Bảo mật thông tin khách hàng

Trong môi trường ngày càng có nhiều nguy cơ rò rỉ và “bị đánh cắp” thông tin khách hàng, tại HSC thông tin của khách hàng được ưu tiên bảo mật tối đa. Công ty xây dựng đầy đủ quy trình ghi nhận và truy cập thông tin khách hàng cũng được phân quyền cẩn thận, rõ ràng theo đúng chức năng, nhiệm vụ của cá nhân, bộ phận. Các chuyên viên CNTT được đào tạo bài bản vận hành và kiểm tra thường xuyên Hệ thống An ninh Thông tin (ISMS) theo tiêu chuẩn ISO 27001:2013. Đây là hệ thống công nghệ tiên tiến nhất trong bảo mật khách hàng, đạt các chứng chỉ an toàn về bảo mật thông tin.

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TOÀN DIỆN

Quyền lợi, phúc lợi và thu nhập của người lao động

Thành phố Hồ Chí Minh là thị trường năng động với tính cạnh tranh cao, nhất là giữa các doanh nghiệp kinh doanh trong cùng ngành nghề. Do đó, HSC luôn chú trọng duy trì môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho nhân viên như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn bên cạnh các khoản referral fee cho những thương vụ thành công, bán cổ phiếu giá ưu đãi theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong suốt các năm qua.

Các khoản chi cho Người lao động	2019	2018
Tiền lương	168.938.720.045	142.277.324.771
BHXH, BHYT và phí Công đoàn	21.792.060.352	18.223.521.000
Bảo hiểm trợ cấp thất nghiệp	1.263.752.600	1.065.905.999
Thù lao, tiền thưởng khác	106.258.169.671	215.924.944.225
Tổng cộng	298.252.702.668	377.491.695.995

Gần nhất, Công ty đã phát hành gần 6,5 triệu đơn vị cổ phiếu phân bổ cho các nhân sự có đóng góp cho công ty dựa trên các tiêu chí định lượng cụ thể. Đây là một trong những chính sách đãi ngộ mà Công ty đã duy trì triển khai kể từ năm 2007 nhằm tăng sự gắn kết của người lao động với công ty, khích lệ tinh thần trong môi trường làm việc cạnh tranh đồng thời cũng tạo ra nguồn thu nhập đáng kể cho người lao động.

Mới đây, nhằm khích lệ tinh thần cũng như bổ sung thời gian tái tạo sức lao động, HSC đã ban hành chính sách được nghỉ ngày sinh nhật và hỗ trợ thẻ phòng tập GYM cho toàn bộ nhân viên, thúc đẩy lối sống lành mạnh, đảm bảo sức khỏe tốt.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TOÀN DIỆN (tiếp theo)

Đào tạo, nâng cao kiến thức nghiệp vụ cho người lao động

Đào tạo và phát triển nhân sự là yếu tố quan trọng giúp HSC xây dựng nền tảng vững chắc về năng lực và bản lĩnh cho đội ngũ kế thừa, giúp họ trở thành một Thế hệ tiếp nối, đưa HSC phát triển vượt bậc trong tương lai.

Trong điều kiện thị trường ngày càng cạnh tranh, việc HSC thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo để giúp nhân viên cập nhật kiến thức mới nhất về ngành, về thị trường và kỹ năng chuyên môn theo các thông lệ tốt nhất trên thế giới sẽ hỗ trợ nhiều trong công việc chuyên môn cũng như cung cấp thông tin cho khách

hàng. Đặc biệt là tạo điều kiện về tài chính lẫn thời gian cho nhân viên, kể cả thực tập sinh và nhân viên chưa chính thức tham gia các khóa đào tạo nội bộ và các khóa đào tạo các chứng chỉ hành nghề chứng khoán như: CPA, ACCA, CFA, Luật, và các chứng chỉ đào tạo của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước nhằm nâng cao năng lực cá nhân.

Các khóa tập huấn, phổ biến thông tin chính sách, quy định, sản phẩm mới do UBCKNN, HOSE, HNX cũng được HSC cử nhân sự phù hợp tham gia.

Số liệu đào tạo	2019	Số người tham gia
Tổng số khóa (Tất cả các khóa học, bao gồm 1 khóa tổ chức nhiều lần, như: các lớp đào tạo chuyên môn chứng khoán)	50	1.507
1 Đào tạo nội bộ	7	721
2 Đào tạo chứng chỉ hành nghề chứng khoán	25	661
3 Đào tạo bên ngoài - Phát triển chuyên môn và kỹ năng	19	125
Số người tham dự		1.507

Trong năm 2020, HSC sẽ đẩy mạnh văn hóa học tập và phát triển cho toàn thể cán bộ nhân viên HSC và nâng cao khả năng cung cấp các chương trình đào tạo đến toàn thể CBNV đang công tác tại HSC thông qua việc triển khai dự án xây dựng Trung tâm đào tạo trực tuyến HSC.

Trung tâm đào tạo trực tuyến sẽ ứng dụng nền tảng kỹ thuật số kèm với việc xây dựng các chương trình đào tạo trực tuyến nội bộ để giúp CBNV nâng cao kiến thức chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng mới trong thời đại công nghệ số, đáp ứng cho sự thay đổi & phát triển chiến lược của HSC.



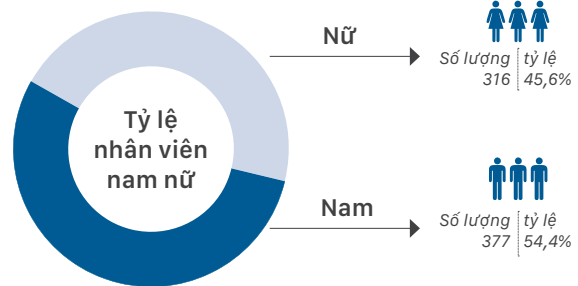
Cơ hội việc làm và thăng tiến công bằng

Năm 2019, Công ty có Tỷ lệ tuyển dụng mới 15% là mức khá thấp so với mức trung bình ngành Tài chính, đặc biệt trong bối cảnh có sự hấp dẫn về thu nhập từ các tổ chức môi giới nước ngoài xuất hiện tại Việt Nam. Đáng chú ý hơn là năm 2019, Công ty cũng ghi nhận 42% tổng số người làm việc tại HSC

là từ 5 năm trở lên, các chính sách đãi ngộ cùng môi trường làm việc thân thiện đã phát huy tốt vai trò của mình. Đây chính là lực lượng nòng cốt, gắn bó và có kinh nghiệm để đảm đương các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty trong giai đoạn kế tiếp.

Số lượng nhân lực	Số năm làm việc				
	≤ 2 năm	Từ 3 - ≤ 4 năm	Từ 5 - ≤ 6 năm	Từ 7 - ≤ 9 năm	≥ 10 năm
693 NLD	284	118	70	124	97
%	41,0%	17,0%	10,1%	17,9%	14,0%

Ngoài ra, HSC cũng là Công ty thực hiện tốt các vấn đề về bình đẳng giới, đáp ứng được các yêu cầu theo thông lệ tốt nhất về sử dụng lao động và quản trị công ty với tỷ lệ Nam/Nữ tương đối cân bằng.



Môi trường làm việc hiện đại, an toàn, thúc đẩy lối sống lành mạnh

Luôn luôn quan tâm đến việc tạo ra một môi trường làm việc thân thiện, hiện đại và hiệu quả, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân viên, trong năm, công ty cũng đã hoàn thành triển khai các dự án sau:

Hệ thống thông tin nhân sự - Human Resources Information System (HRIS)	Khảo sát mức độ gắn kết Nhân viên - Employee Engagement Survey	Quản lý Hiệu quả Công việc - Employee Performance Management (EPM)
Nhằm ứng dụng công nghệ vào cải tiến các công việc Quản lý Nhân sự, Công ty đã triển khai Hệ thống phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương (Human Resources Information System). Phần mềm HRIS còn giúp nhân viên thực hiện các thủ tục bằng phương pháp trực tuyến như đăng ký nghỉ phép, đăng ký ngoài giờ, xem phiếu lương, chủ động cập nhật các thông tin cá nhân khi có thay đổi. Tính năng nâng cấp này đã giúp nhân viên giảm thiểu thủ tục giấy tờ hướng đến một môi trường làm việc stress-free.	Tại HSC, cấp quản lý rất chú trọng đến tính gắn kết và những thay đổi trong nội bộ nhân viên khi HSC ngày càng phát triển mạnh trên thị tài chính Việt Nam. Vừa qua, HSC đã thực hiện Khảo sát "Nguồn Nhân Lực Hạnh Phúc" với 83% nhân viên tham gia; nhằm nhận định toàn diện mức độ hạnh phúc trong công việc của nguồn nhân sự, đánh giá bức tranh môi trường làm việc hiện tại của HSC, từ đó đưa ra các giải pháp và hành động cụ thể trong thời gian sắp tới.	Chương trình Quản lý hiệu quả công việc (Employee Performance Management) hay được hiểu là đánh giá KPI nhằm ghi nhận những đóng góp cá nhân vào mục tiêu chung của HSC cũng như giúp nhân viên và cấp quản lý đánh giá lại công việc đã làm được trong năm, từ đó đề ra những giải pháp và mục tiêu cụ thể cho những năm tiếp theo.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

TỐI ƯU HÓA GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, HSC có tổng cộng 5.703 cổ đông, trong đó 139 cổ đông là nhà đầu tư tổ chức và 5.564 cổ đông là nhà đầu tư cá nhân. Với chính sách cổ tức thanh toán bằng tiền mặt ổn định qua các năm từ 12% trở lên, HSC đảm bảo các khoản cổ tức định kỳ và thu nhập ổn định cho cổ đông. Bên cạnh đó, HSC chú trọng phát triển sức mạnh nội tại để gia tăng giá trị Công ty, đồng thời có chiến lược tăng vốn điều lệ phù hợp, minh bạch thông tin để thị trường đánh giá đúng giá trị thực của cổ phiếu HCM. HSC dành một nguồn lực đáng kể cho hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin có liên quan một cách chính xác và kịp thời.

Hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư của HSC được thực hiện bởi phòng Truyền thông. Thông qua các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Báo cáo Thường niên, cổ đông của HSC được nhận đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của HSC và tất cả các hoạt động về phát triển chiến lược của Công ty, bao gồm cả các sáng kiến và hoạt động phát triển bền vững. Ngoài kênh hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư truyền thống, HSC cũng đã triển khai một số kênh truyền thông khác như: định kỳ hàng quý, HSC tổ chức buổi gặp mặt trực tiếp với các nhà đầu tư và báo chí để thông báo kết quả hoạt động kinh doanh quý và cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời đến các bên hữu quan.

HSC cũng đã xây dựng và thường xuyên cập nhật danh sách thông tin liên lạc của các cổ đông và nhà đầu tư để đảm bảo việc công bố thông tin được tiến hành hiệu quả. Bên cạnh đó, HSC cũng luôn lắng nghe và phúc đáp các nhận xét, góp ý, câu hỏi, và yêu cầu của nhà đầu tư về các buổi họp và các vấn đề cổ đông và nhà đầu tư cần thảo luận.

Áp dụng Quản trị công ty tốt theo thông lệ quốc tế

Công ty đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện năng lực Quản trị Công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế. Cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.
- Xác định rõ ràng vai trò của thành viên không điều hành và thành viên điều hành nhằm chống xung đột lợi ích, đảm bảo các quyết định được đưa ra vì mục tiêu đặt lợi ích của Công ty lên cao nhất và tất cả các cổ đông đều được đối xử công bằng.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT được triển khai kịp thời, đầy đủ và đúng pháp luật.

Ngoài ra, cơ cấu quản trị cũng được công ty xây dựng dựa trên Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất do UBCKNN ban hành, có các tiêu ban tư vấn, giúp việc đảm bảo nguyên tắc độc lập, hiệu quả.

Hiện tại, cơ cấu HĐQT công ty chưa đáp ứng được 1/3 là thành viên độc lập theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP do thị trường nhân sự lãnh đạo cấp cao tại Việt Nam chưa phát triển lâu, Viện Thành viên HĐQT cũng chỉ mới được thành lập từ năm 2018, do đó việc tìm kiếm TV HĐQT độc lập đủ năng lực thực hiện nghĩa vụ này là một thách thức lớn không chỉ với HSC mà toàn thị trường chứng khoán Việt Nam.

Trong năm 2020, Công ty cũng sẽ đưa ra lộ trình tìm kiếm thành viên HĐQT độc lập để tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành vừa phù hợp những tiêu chí độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI



Đồng hành cùng thế hệ trẻ

HSC luôn sẵn sàng đồng hành và hỗ trợ thế hệ trẻ gặp khó khăn trong cuộc sống nhưng có ý chí, nghị lực vươn lên thông qua việc hợp tác chặt chẽ với các tổ chức giáo dục, tổ chức phi lợi nhuận, phi Chính phủ trong các chương trình ươm mầm cho tài năng trẻ - thế hệ lãnh đạo tương lai. Bên cạnh tài trợ tài chính để các em yên tâm học tập, Công ty luôn tạo cơ hội cho các em thực tập sinh được đào tạo thông qua làm việc, trải nghiệm thực tế môi trường chuyên nghiệp, sẵn sàng cho việc chuẩn bị sự nghiệp hay khởi nghiệp sau khi kết thúc những năm học trên ghế trường đại học.

Lan tỏa tinh thần "Pay it forward" - đền đáp tiếp nối

Quỹ học bổng VietSeeds (VietSeeds Foundation) là một tổ chức phi lợi nhuận cam kết mang lại bình đẳng trong tiếp cận giáo dục đại học cho tất cả các sinh viên Việt Nam, bất kể trong điều kiện kinh tế, vị trí địa lý hay hoàn cảnh khó khăn nào.

Trong năm 2019, HSC đã hỗ trợ tài chính qua hoạt động trao học bổng cho 10 sinh viên thuộc Quỹ học bổng VietSeeds với giá trị 15.000 USD. Bên cạnh đó, HSC cam kết đồng hành cùng các bạn ở vai trò mentor, giúp các em sinh viên có cái nhìn rõ ràng hơn về nghề nghiệp và ngành học của mình, góp phần tạo động lực cho các em tiếp tục nỗ lực hơn nữa để phát triển các kỹ năng cần thiết, giúp các em vững vàng hơn trong bước đường sự nghiệp tương lai và trở thành những hạt giống thay đổi trong cộng đồng.

Theo đúng tinh thần 'Ảnh hưởng tích cực', HSC sẽ tiếp tục đồng hành dài hạn, hỗ trợ Quỹ học bổng VietSeeds hoặc những Quỹ học bổng tương tự khác có sức ảnh hưởng cộng đồng lớn, chung tay gieo trồng nên các thế hệ tài năng với thái độ tích cực, phẩm chất vững vàng.

Trao niềm hy vọng

Khởi xướng bởi những người trẻ nhiệt huyết của HSC, "Hành trình yêu thương" là những chuyến lên đường của các thành viên nhóm PCD Thịnh Vượng – một quỹ tự nguyện do các thành viên HSC đóng góp nhằm mang yêu thương chia sẻ đến cho những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các mái ấm, trại mồ côi, trại khuyết tật,... Những phần quà, những suất học bổng mà HSC trao gửi không chỉ mang giá trị vật chất mà còn là những sự hỗ trợ về mặt tinh thần đối với các mầm non nhỏ tại mái ấm.

Trong năm 2019, PCD Thịnh Vượng đã tham gia, tổ chức 11 buổi phát quà cho các em tại nhiều địa phương trong nước. Ngoài ra Nhóm cũng hỗ trợ cộng đồng địa phương khó khăn quyên góp xây trường học (cùng Quỹ Ước Mơ Xanh) xây cầu, hỗ trợ kết nối giao thương tại khu vực U Minh – Cà Mau.

Song song đó, Công ty cũng trao 10 suất học bổng cho các em hoàn cảnh khó khăn có thành tích học tập tốt, chi trả học phí và bảo hiểm y tế cho các em học sinh tiểu học thuộc Mái ấm Thánh Tâm.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

HOÀN THÀNH TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

“ HSC cũng là đơn vị tiên phong tham gia vào các nhóm công tác phát triển thị trường, đóng góp các ý kiến trong quá trình xây dựng các sản phẩm đầu tư mới, sửa đổi quy định pháp luật về thị trường chứng khoán. ”

Làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là cam kết của HSC trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Tổng đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm 2019 của HSC đạt hơn 296 tỷ đồng, bao gồm các đóng góp từ thuế thu nhập doanh nghiệp và tạm đóng hộ cho nhà đầu tư. Theo V1000 – Bảng xếp hạng Top 1000 doanh nghiệp đóng góp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, xếp hạng về đóng góp Ngân sách nhà nước của HSC ngày càng cao qua các năm, năm 2018 HSC là doanh nghiệp thứ 95 đóng góp nhiều nhất cho ngân sách Nhà nước.

Thực hiện tốt cả hai vai trò là Công ty chứng khoán thành viên và là doanh nghiệp niêm yết.

Không chỉ là công ty chứng khoán hàng đầu trong kinh doanh, HSC còn là công ty chứng khoán tiêu biểu do HOSE và HNX công nhận. Với nguyên tắc tuân thủ tốt các chính sách, pháp luật của nhà nước và đạo đức kinh doanh trong nghĩa vụ báo cáo và minh mạch thông tin. HSC luôn đi đầu trong công tác Quan hệ nhà đầu tư, kịp thời cung cấp, khảo sát ý kiến cổ đông, nhà đầu tư trong các kế hoạch kinh doanh.

Bộ máy quản trị cấp cao của công ty được thiết lập đáp ứng tất cả các quy định pháp luật Việt Nam đồng thời cũng phù hợp với nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD, HSC nhiều năm liền đã được vinh danh là DNNY có Báo cáo thường niên tốt nhất và năm 2019 là Quản trị công ty tốt nhất - nhóm vốn hóa lớn do hai Sở GD&ĐT và Báo đầu tư tổ chức bình chọn. Đây là ghi nhận của cơ quan quản lý thị trường đối với năng lực quản trị minh bạch hướng đến PTBV của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2019

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2019

Năm 2019, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và các vấn đề địa chính trị làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

Mặc dù tình hình chính trị, kinh tế, tài chính quốc tế diễn biến phức tạp nhưng nhờ sự ổn định kinh tế vĩ mô trong nước, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2019 vẫn duy trì sự tăng trưởng trên nhiều khía cạnh, là điểm đến hấp dẫn đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài và ghi nhận mức điểm tăng cao hơn so với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Nhưng sự tăng điểm của TTCK Việt Nam trong năm 2019 cũng biến động khá bất thường, xen kẽ các phiên tăng chậm là các phiên giảm mạnh của chỉ số chính VNIndex với thanh khoản tương đối ảm đạm, chỉ đạt trung bình khoảng 4.659 tỷ đồng/ ngày, giảm 28,8% so với năm 2018. VNIndex đóng cửa phiên cuối năm ở mức 961 điểm, tăng 7,7% và HNX-Index giảm 1,7% xuống mức 102 điểm so với thời điểm cuối năm 2018.

Kết quả kinh doanh năm 2019

Mặc dù sức khỏe nội tại nền kinh tế Việt Nam năm 2019 ổn định nhưng TTCK Việt Nam vẫn chịu nhiều tác động từ yếu tố bên ngoài do những lo ngại bất ổn thương mại quốc tế đã làm cho tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn trong việc giao dịch trên thị trường cổ phiếu. Chính lý do này đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết thúc năm 2019, HSC đạt 1.262 tỷ đồng doanh thu và 432 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, giảm lần lượt 26% và 36% so với năm 2018, hoàn thành 64% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.

Thị phần môi giới chứng khoán cơ sở năm 2019 của Công ty trên toàn thị trường đạt 10,8%, thấp hơn mức thị phần năm 2018 là 11,4% và thấp hơn mức thị phần kỳ vọng là 12,3% trong kế hoạch 2019. Thị phần môi giới phái sinh năm 2019 của Công ty trên toàn thị trường đạt 9,8%, giảm đáng kể so với mức 22,6% của năm 2018 với số lượng hợp đồng trung bình đạt 88,7 ngàn hợp đồng/ ngày, tăng 13% so với năm 2018 đạt 79 ngàn hợp đồng/ ngày.

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty

Trong năm 2019, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban Điều hành (Ban ĐH) trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, như sau:

1. Phương pháp giám sát

HĐQT kết hợp chặt chẽ với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, để từ đó có những kiến nghị thiết thực hỗ trợ TGD và Ban ĐH hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao.

Đại diện của các tiểu ban thực hiện báo cáo định kỳ tại các cuộc họp HĐQT như sau:

- Tiểu ban Quản trị rủi ro (QTRR) báo cáo các rủi ro trọng yếu đã phát hiện trong quý, sáu tháng và cả năm đồng thời đưa ra kế hoạch hành động để khắc phục và giảm thiểu rủi ro.
- Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) báo cáo các cuộc kiểm toán đã thực hiện trong quý, sáu tháng và cả năm bao gồm các phát hiện kiểm toán và giải pháp khắc phục để củng cố môi trường kiểm soát nội bộ và đảm bảo cho hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động một cách hiệu quả.
- Tiểu ban Lương – Thưởng phê duyệt chính sách lương, thưởng trong năm 2019.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

HĐQT và BKS đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động và các khuyến nghị, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty hơn.

HĐQT ban hành các nghị quyết sau các buổi họp định kỳ và theo yêu cầu để thông qua các kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, sáu tháng và cả năm và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Đồng thời theo thẩm quyền, HĐQT cung cấp các hướng dẫn chiến lược, nhận định tình hình thị trường và tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh cho quý tiếp theo. HĐQT thường xuyên trao đổi với TGD và Ban ĐH nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết giúp đạt được các mục tiêu chiến lược HSC đề ra.

2. Kết quả giám sát

Kết quả kinh doanh năm 2019 với các chỉ số tài chính cơ bản như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% thay đổi	Kế hoạch năm 2019	% hoàn thành kế hoạch 2019
Doanh thu	1.262.298	1.702.011	- 26%	1.666.107	76%
Lợi nhuận trước thuế	531.406	842.186	- 37%	851.391	62%
Lợi nhuận sau thuế	432.565	675.480	- 36%	681.113	64%

3. Kết luận

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho Ban ĐH quản lý các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty và tổ chức thực hiện các quyết định chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGD và Ban ĐH đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và

nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. TGD và Ban ĐH đã nỗ lực hết mình, nhưng do tình hình thị trường không khả quan nên không thể đạt được kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ 2018 thông qua nhưng vẫn thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2020, tình hình khu vực và thế giới được tiếp tục dự báo có những biến động khó lường. Tăng trưởng kinh tế thương mại & đầu tư quốc tế phục hồi chậm, căng thẳng thương mại giữa một số nền kinh tế lớn diễn biến phức tạp, dịch bệnh và thiên tai là mối đe dọa đến nhiều quốc gia. Nền kinh tế toàn cầu cũng như nền kinh tế Việt Nam sẽ chịu tác động từ những yếu tố này.

TTCK Việt Nam có thể tiếp tục chịu ảnh hưởng từ các yếu tố chính sau:

- Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ – Trung vẫn diễn ra gay gắt và chưa có dấu hiệu dừng lại.
- Dịch bệnh Covid-19 tác động đến nền kinh tế trong nửa đầu năm 2020 do các chuỗi cung ứng trong khu vực bị gián đoạn.
- Cuộc chạy đua giảm phí giữa các công ty chứng khoán khi cơ chế bỏ mức phí sàn chính thức được áp dụng.
- Chứng quyền có đảm bảo kỳ vọng sẽ là sản phẩm thay thế cho các cổ phiếu hết room đang dần thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư khi thị trường ổn định và tăng trưởng trở lại.
- Sự ra đời của các quỹ ETF mô phỏng theo các chỉ số mới của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) (VN Diamond, VN Fin Select, VN Fin Lead) với kỳ vọng sẽ đón dòng vốn gián tiếp vào thị trường.
- Khuôn khổ pháp lý cho thị trường vốn – Luật Chứng khoán sửa đổi có hiệu lực vào năm 2021 góp phần phát triển và minh bạch TTCK Việt Nam đồng thời nâng cao chất lượng hàng hóa. Qua đó giúp nâng cao hiệu quả quản lý và giám sát TTCK để bảo vệ lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và tạo điều kiện tốt hơn cho các doanh nghiệp huy động vốn.

Với những nhận định TTCK năm 2020 như trên, HĐQT tập trung vào các hoạt động sau trong năm 2020:

- Xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển kinh doanh.
- Tập trung vào các yếu tố nền tảng để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng, cải thiện hệ thống quản trị công ty, quản trị rủi ro và tuân thủ, nâng cao hàm lượng “chất xám công nghệ” trong các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động công ty.
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp cũng như trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán và kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp thông qua việc nâng cao năng lực và vai trò của các tiểu ban trực thuộc HĐQT và thành viên HĐQT.
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp trên nền tảng phát triển bền vững thông qua tham gia xây dựng kế hoạch chiến lược cho các hoạt động trách nhiệm xã hội.



QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019

Quản trị công ty tốt là một trong các yếu tố quan trọng để xây dựng nền tảng công ty vững mạnh, mang lại giá trị bền vững cho công ty đồng thời tạo ra các lợi thế cạnh tranh dài hạn và danh tiếng cho công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường vốn, nhờ đó hỗ trợ phát triển thị trường tài chính và thúc đẩy phát triển kinh tế.

Mục tiêu quản trị công ty của chúng tôi là xây dựng môi trường của lòng tin, tính minh bạch và tính giải trình, các yếu tố cần thiết để thúc đẩy phát triển đầu tư dài hạn, sự ổn định tài chính và đạo đức trong kinh doanh, từ đó thúc đẩy tăng trưởng dài hạn công ty. Chúng tôi luôn tối đa hóa các giá trị đem lại cho cổ đông và các bên liên quan cũng như thu hút nhà đầu tư, đảm bảo kênh huy động hiệu quả, quản trị rủi ro tốt, giảm thiểu chi phí và tối ưu hóa hoạt động.

Chúng tôi cam kết đạt được sự xuất sắc trong các tiêu chuẩn quản trị công ty, điều mà chúng tôi xem là nền tảng cho sự bền vững trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Để tối đa hóa giá trị công ty, HSC không chỉ quan tâm đến mục tiêu phát triển kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, mà từng bước tập trung nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế, đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực và tận dụng mọi cơ hội tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo việc áp dụng chuẩn mực quản trị công ty tốt nhất xuyên suốt trong toàn Công ty. HĐQT đã, đang và sẽ thực thi chuẩn mực quản trị công ty tốt nhất từ cấp quản trị cao nhất là HĐQT và Ban ĐH đến từng nhân viên HSC như là nền tảng để đạt được những mục tiêu Công ty đề ra, đảm bảo tối đa quyền lợi cho cổ đông và các bên liên quan cũng như nâng cao giá trị doanh nghiệp.

HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về toàn bộ hoạt động của Công ty. HĐQT không những làm tròn trách nhiệm của mình khi thực hiện chiến lược phát triển Công ty và quản trị rủi ro hiệu quả mà còn là những người đi đầu lan tỏa những nhân tố văn hóa đặc sắc của doanh nghiệp, sự lan tỏa ấy không chỉ dừng lại trong nội bộ Công ty mà còn lan tỏa đến cổ đông và các bên liên quan.

“Chúng tôi cam kết đạt được sự xuất sắc trong các tiêu chuẩn quản trị công ty, điều mà chúng tôi xem là nền tảng cho sự bền vững trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi.”

Thành viên Hội đồng Quản trị

HĐQT có bảy (07) thành viên gồm Chủ tịch, năm (05) thành viên không điều hành và một (01) thành viên điều hành.

Cơ cấu thành viên HĐQT đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như sự cân đối giữa các thành viên không điều hành và các thành viên kiêm điều hành.

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Đánh giá sự độc lập và nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT không thể chỉ dựa vào yếu tố về thời gian thành viên đó đã làm thành viên HĐQT tại công ty trong năm (05) hay chín (09) năm liên trước đó như theo quy định của Việt Nam và quốc tế mà phải dựa vào nhiều yếu tố, trong đó bao gồm yếu tố năng lực, phẩm chất, kinh nghiệm, đạo đức và đặc biệt là tính liêm chính và khách quan. Và thế mạnh của những thành viên độc lập làm việc lâu năm tại công ty đó là họ đã thấu hiểu các hoạt động kinh doanh cốt lõi và là nền tảng cho việc đưa ra các quyết định đúng đắn nhất.

Sau khi tham khảo những quy định pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế áp dụng cho các công ty niêm yết về tính độc lập của thành viên HĐQT, HĐQT nhận thấy mặc dù hai (02) thành viên HĐQT là Ông Đỗ Hùng Việt và Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc đã tham gia làm thành viên HĐQT trên mười (10) năm nhưng xét về tính độc lập khi đưa ra các quyết định cho HSC thì họ vẫn đảm bảo không bị ảnh hưởng mối quan hệ làm thành viên lâu năm tại HSC mà họ vẫn có thể xem xét các vấn đề của Công ty từ các khía cạnh đa dạng và làm tăng giá trị hiệu quả hoạt động chung thay vì chỉ xem xét các vấn đề từ khía cạnh thân thủ. Họ đã có những đóng góp có giá trị cho sự phát triển của Công ty nên Công ty nhận xét hai (02) thành viên này mặc dù chưa tuân thủ đúng quy định hiện hành về thành viên độc lập HĐQT nhưng xét về bản chất, họ thật sự đóng vai trò của những thành viên độc lập HĐQT.

Mặc dù hiện tại HSC đánh giá sự độc lập của thành viên độc lập HĐQT dựa vào bản chất của các quyết định mà thành viên HĐQT đóng góp cho sự phát triển của HSC. Nhưng song song đó, HĐQT cũng đang đưa ra một lộ trình tìm kiếm thành viên HĐQT độc lập vừa tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành vừa phù hợp những tiêu chí độc lập của Công ty.

Đánh giá sự độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Thành viên HĐQT không điều hành tại HSC là những đại diện vốn của hai (02) cổ đông lớn là cổ đông Nhà nước – Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HIFIC) và cổ đông Chiến lược – Dragon Capital (DC).

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT không điều hành tại HSC dựa vào kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như những kỹ năng mềm và tính cách của từng thành viên. Họ luôn là người đưa ra những ý kiến độc lập mang tính đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty. Mặc dù mang trên vai hai trọng trách đó là người đại diện vốn và thành viên HĐQT nhưng họ đã tách biệt hoàn toàn hai vai trò này và luôn hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

“Đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực và tận dụng mọi cơ hội tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn.”

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc

Sự tách biệt về vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGD thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và Ban ĐH nhằm đảm bảo sự phân chia quyền hạn trong việc ra quyết định, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của HĐQT. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT cũng như của TGD được nêu rõ trong Điều lệ Công ty.

Chủ tịch từng là Giám đốc Công ty từ những ngày thành lập. Ông được bổ nhiệm vào năm 2007 và hiện đang trong nhiệm kỳ thứ tư của HĐQT.

Vai trò của Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty, HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Theo đó, vai trò lớn nhất của HĐQT:

- Lập kế hoạch
- Xây dựng năng lực cạnh tranh
- Phản ứng với các thách thức chính
- Phát triển năng lực cốt lõi
- Cách thức tối đa hóa giá trị cho các bên liên quan

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019 (tiếp theo)

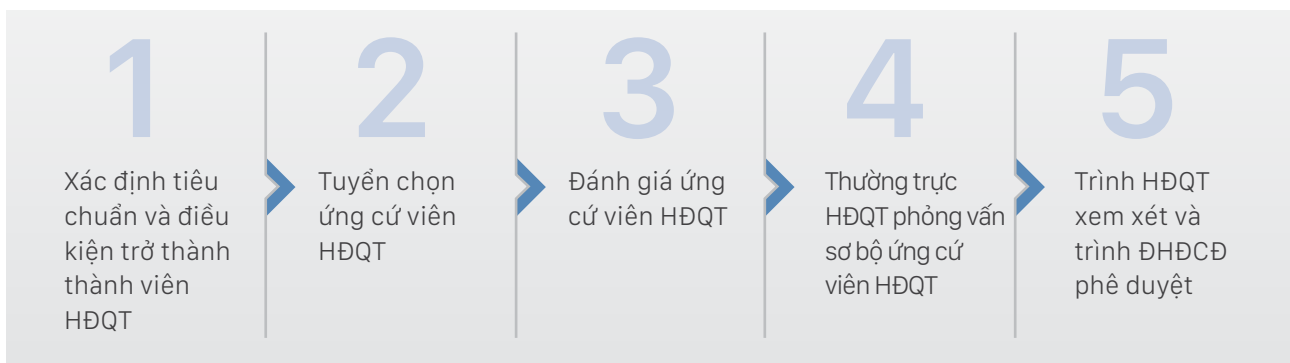
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty.

Quy trình và thủ tục đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị

Quy trình đề cử ứng cử viên HĐQT là một trong những quy trình quan trọng của Công ty bởi khi áp dụng một quy trình chuẩn mực và phù hợp sẽ quyết định đến cơ cấu, chất lượng và năng lực của thành viên HĐQT.

Các bước trong quy trình đề cử ứng cử viên HĐQT của Công ty:



Thông tin cung cấp đến Hội đồng Quản trị

Thông tin Ban ĐH trình bày trong cuộc họp hay trong tài liệu họp HĐQT là những thông tin được cập nhật chính xác, đầy đủ và rõ ràng để thành viên HĐQT có đủ cơ sở dữ liệu nghiên cứu những vấn đề cần được xem xét thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Trong trường hợp HĐQT yêu cầu cung cấp hay giải trình thông tin, Ban ĐH phải có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu chậm nhất là một (01) ngày trước ngày họp HĐQT.

Thông báo và chương trình họp tập trung được gửi email ít nhất mười lăm (15) ngày cho các thành viên HĐQT và tài liệu họp được gửi trước ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Đối với các cuộc họp xin ý kiến bằng văn bản thông qua email, nội dung xin ý kiến được trình bày cụ thể tại các tờ trình và thời gian để nghị các thành viên HĐQT gửi ý kiến phản hồi chậm nhất là bảy (07) ngày sau ngày gửi tờ trình.

Cam kết của thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên HĐQT cam kết tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành là không đồng thời làm thành viên HĐQT tại quá năm (05) công ty khác. Chuẩn mực này giúp thành viên HĐQT dành nhiều thời gian và tập trung sức lực cho sự phát triển của HSC.

Lịch họp HĐQT cho năm tài chính tiếp theo được HĐQT thống nhất tại phiên họp cuối của năm tài chính. Ngoài những nội dung họp được đề cập trong lịch họp năm, bất cứ khi có phát sinh các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập cuộc họp bất thường hay thực hiện lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Thành viên HĐQT cam kết phải xem xét các vấn đề một cách thận trọng trước khi đưa ra quyết định cuối cùng.

Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế. Cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.
- Xác định rõ ràng vai trò của thành viên không điều hành và thành viên điều hành nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi của tất cả các cổ đông, đảm bảo sự công bằng cho cổ đông nhỏ và quyền lợi của các cổ đông.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- Định hướng và giám sát việc triển khai các dự án quan trọng của HSC, bao gồm các dự án liên quan đến quản lý rủi ro, kiểm toán nội bộ, nhân sự, phát triển các sản phẩm mới, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP 2018).
- Giám sát hoạt động của các Tiểu ban Hội đồng Quản trị để đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc hoạt động và Điều lệ Công ty.
- Xây dựng đội ngũ kế thừa là kế hoạch quan trọng đã được thực hiện để chuẩn bị nguồn nhân lực dồi dào hội đủ các tiêu chuẩn cần thiết nhận chuyển giao quyền điều hành cho người kế nhiệm.

Các cuộc họp Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Số buổi họp HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ
Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch	21/04/2016	29	29	100%
Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch	21/04/2016	29	29	100%
Ông Lâm Hoài Anh	TV không điều hành	26/04/2018	29	27	93%
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	TV không điều hành	21/04/2016	29	29	100%
Ông Lê Hoàng Anh	TV không điều hành	21/04/2016	29	29	100%
Ông Lê Thắng Cần	TV không điều hành	21/04/2016	29	29	100%
Ông Johan Nyvene	TV điều hành	21/04/2016	29	29	100%

01 thành viên HĐQT không thể tham gia các cuộc họp HĐQT do bận công tác.

HĐQT tổ chức hai mươi chín (29) cuộc họp trong năm 2019 trong đó có mười ba (13) cuộc họp tập trung và mười sáu (16) cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Tại các cuộc họp trong năm, HĐQT thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, sáu tháng và cả năm, nhận định thị trường, rà soát các kế hoạch chiến lược cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền để hoạt động của công ty luôn được kiểm soát và quản trị tốt nhất. Định kỳ tại phiên họp đầu

tiên của năm tài chính, HĐQT nhận định tình hình thị trường trong nước và quốc tế để từ đó xem xét sự phù hợp của tầm nhìn và sứ mệnh Công ty đối với tình hình thực tiễn. Và tại phiên họp cuối cùng của năm tài chính, HĐQT lên lịch họp để xác định thời gian họp HĐQT trong năm tài chính tiếp theo phù hợp với tất cả thành viên HĐQT.

HĐQT đã thực hiện đúng cam kết hoàn thành trách nhiệm và vai trò của mình trong việc tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT cũng như đưa ra các quyết định trọng yếu trong năm 2019. Các nghị quyết chỉ được thông qua khi hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên tham dự đồng ý chấp thuận.

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019 (tiếp theo)

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2019

Vai trò của HĐQT	Hoạt động của HĐQT năm 2019
TÀI CHÍNH	
Giám sát tình hình hoạt động tài chính	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 (NQ 01/2019).
	Thông qua dự đoán kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2019 (NQ 09/2019).
	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng năm 2019 (NQ 19/2019).
	Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng năm 2019 (NQ 24/2019).
Thực hiện việc phát hành cổ phiếu	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền phát hành cổ phiếu để tăng cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo đúng Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/10/2018 của ĐHĐCĐ và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 08/GCN-UBCK ngày 24/01/2019 (NQ 02/2019).
	Thông qua thời gian dự kiến thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2018) theo đúng Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/10/2018 của ĐHĐCĐ và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 08/GCN-UBCK ngày 24/01/2019 (NQ 02/2019).
	Thông qua việc gia hạn thời gian phân phối cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 08/GCN-UBCK ngày 24/01/2019 (NQ 02/2019).
	Thông qua việc điều chỉnh thời gian chuyển nhượng quyền và thời gian đặt mua chứng khoán của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thời gian phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 08/GCN-UBCK ngày 24/01/2019 và Quyết định số 158/QĐ – UBCK ngày 05/03/2019 chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng cho Công ty (NQ 03/2019).
	Thông qua phương án xử lý cổ phần chào bán không hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/10/2018 của ĐHĐCĐ (NQ 14/2019).
Quyết định các đợt phát hành chứng quyền	Thông qua việc phát hành các chứng quyền MWG-HSC-MET01 và MBB-HSC-MET01 (NQ 13/2019).
	Thông qua việc phát hành chứng quyền mã MBB-HSC-MET01 (NQ 18/2019).
	Thông qua việc phát hành chứng quyền FPT-HSC-MET01, VNM-HSC-MET01, VRE-HSC-MET01, MBB-HSC-MET02, MWG HSC-MET02 (NQ 21/2019).
	Thông qua phát hành các chứng quyền mã FPT-HSC-MET02, GMD-HSC-MET01, HPG-HSC-MET01, MBB-HSC-MET03, MWG-HSC-MET03, REE-HSC-MET01, TCB-HSC-MET01, VNM-HSC-MET02, VPB-HSC-MET01, VRE-HSC-MET02 (NQ 27/2019).
Quyết định liên quan đến hoạt động trái phiếu	Thông qua việc xây dựng hệ thống bán lẻ và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp (NQ 24/2019).

Vai trò của HĐQT	Hoạt động của HĐQT năm 2019
Giám sát các mảng hoạt động kinh doanh	<p>Điều chỉnh tổng giá trị các khoản vay của Công ty trong năm 2018 (NQ 06/2019).</p> <p>Thông qua việc bán cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) (NQ 22/2019).</p> <p>Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 (NQ 28/2019).</p>
Giám sát việc vay vốn tại các ngân hàng	<p>Thông qua đề xuất vay vốn tại các ngân hàng trong tổng hạn mức đã được thông qua</p> <p>(NQ 03A, 05, 07, 08, 10,11,15,16, 17, 28/2019).</p> <p>Thông qua việc công ty tham gia các hoạt động phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua giao dịch hoán đổi ngoại tệ và giao dịch phái sinh lãi suất với các ngân hàng (NQ 26/2019).</p>
QUẢN TRỊ RỦI RO	
Quan hệ với công ty kiểm toán	Thông qua việc chọn Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam là công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019 (NQ 12/2019).
Xây dựng nội quy	Thông qua "Nội quy lao động" của Công ty (NQ 20/2019).
Quyết định nhân sự	<p>Miễn nhiệm chức danh Cố vấn Quản trị rủi ro của Ông Arnold Villanueva Pangilinan từ ngày 20/02/2019 (NQ 04/2019).</p> <p>Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Quản trị rủi ro của Bà Nguyễn Anh Xuân Trang từ ngày 12/03/2019 (NQ 04/2019).</p>
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	
Giám sát việc vay vốn tại các ngân hàng	<p>Thống nhất thời gian, địa điểm, nội dung chương trình và các nội dung chính trong các tờ trình sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 (NQ 01/2019).</p> <p>Thông qua việc thay đổi địa điểm và tên Chi nhánh Thái Văn Lung (NQ 09/2019).</p> <p>Quyết định đóng cửa Phòng Giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai (NQ 09/2019).</p> <p>Quyết định đóng cửa Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Trỗi tại (NQ 23/2019).</p> <p>Thay đổi địa điểm Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm từ tầng 4 & 5, số 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội thành tầng 4, số 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (NQ 23/2019).</p> <p>Thay đổi địa điểm Phòng Giao dịch Kim Liên từ tầng 18 & 21, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội thành tầng 18, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội (NQ 23/2019).</p> <p>Thông qua chủ trương sửa chữa văn phòng Hội sở tầng 5 & 6 Tòa nhà AB (NQ 19/2019).</p>

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019 (tiếp theo)

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Quý hoạt động của HĐQT và BKS năm 2019 được ĐHCĐ thông qua với tỷ lệ một phẩy năm phần trăm (1,5%) lợi nhuận sau thuế.

Dựa vào định mức thù lao tại Biên bản số 01/2018/BB-RC ngày 22/01/2018 của Tiểu ban Lương – Thưởng và dựa vào số thành viên HĐQT và BKS thực tế tại từng thời điểm cụ thể, tình hình chi trả thù lao và chi phí hoạt động của thành viên HĐQT và BKS cụ thể như sau:

Nội dung	Số tiền (đồng)
Quý hoạt động của HĐQT & BKS tồn đầu năm 2019	901.542.042
Quý hoạt động của HĐQT & BKS năm 2019 (trích 1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2018)	10.132.202.316
Chi phí hoạt động của HĐQT & BKS	7.759.727.033
Trong đó:	
1. Thù lao HĐQT & BKS năm 2019 (*)	3.626.666.667
2. Chi phí hoạt động khác	4.133.060.366
Quý hoạt động của HĐQT & BKS năm 2019 chưa sử dụng	3.274.017.325

Ghi chú: (*) Thù lao của HĐQT là 2.680.000.000 đồng và BKS là 946.666.667 đồng (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân).

Chế độ tiền thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Ngoài chế độ thù lao nêu trên, các thành viên HĐQT và BKS không nhận bất cứ khoản tiền thưởng từ Quý khen thưởng & phúc lợi của Công ty.

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Hiện tại các chế độ quyền lợi về chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty; chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác; chế độ khám sức khỏe định kỳ và các khoản mục khác theo các chính sách của Công ty...) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT. Các thành viên HĐQT và BKS còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).

Sự tham gia của các thành viên Hội đồng Quản trị trong chương trình quản trị Công ty

Toàn bộ thành viên HĐQT và thành viên BKS đã tham gia khóa học "Quản trị công ty", ngoại trừ Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc chưa có điều kiện thuận lợi để tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty. Công ty sẽ sắp xếp thời gian hợp lý để Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc có thể tham gia khóa học đào tạo về quản trị Công ty trong thời gian sắp tới.

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã thành lập ba (03) tiểu ban trực thuộc HĐQT là Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và Tiểu ban Lương – Thưởng.

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và hỗ trợ cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty. Thành viên của cả ba tiểu ban gồm các thành viên không điều hành và điều hành. HĐQT đã được lựa chọn dựa trên trình độ chuyên môn, nền tảng kinh nghiệm và có những đóng góp tích cực cho tiểu ban:

Họ và tên	Chức vụ	Tiểu ban Quản trị rủi ro	Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	Tiểu ban Lương - Thưởng
Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓	Chủ nhiệm ✓	✓
Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓		Chủ nhiệm ✓
Ông Lê Thăng Cần	Thành viên TV HĐQT không điều hành		✓	
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên TV HĐQT không điều hành	✓		
Ông Johan Nyvene	Thành viên TV HĐQT điều hành			✓
Ông Võ Văn Châu	Trưởng Ban Kiểm soát			✓
Ông Đặng Nguyệt Minh	Thành viên Ban Kiểm soát		✓	

Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Tiểu ban Quản trị rủi ro

Tiểu ban Quản trị rủi ro (QTRR) được thành lập vào năm 2013. Tiểu ban QTRR có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty. Tiểu ban QTRR cũng có nhiệm vụ phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Công ty trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa; phân tích quyết định mức độ rủi ro chung của Công ty, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro của cho các

mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Công ty, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Công ty và xem xét nguồn vốn, khả năng thanh khoản và việc huy động vốn của Công ty. Tiểu ban QTRR chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Công ty để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, Tiểu ban QTRR phải đánh giá hiệu quả hoạt động của Giám đốc Quản trị rủi ro.

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2019 (tiếp theo)

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hoạt động của Tiểu ban QTRR

- Trong năm 2019, Khối QTRR tiếp tục hoàn thiện mô hình QTRR theo COSO.
- Định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng và cả năm Khối QTRR gửi báo cáo hoạt động giao dịch và danh sách các rủi ro quan trọng được nhận diện cùng với kế hoạch hành động và kết quả giám sát đến Tiểu ban QTRR.
- Tiểu ban QTRR tổ chức họp để rà soát và phê duyệt các giao dịch trong giới hạn thẩm quyền của mình.

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) được thành lập vào năm 2014 và hoạt động theo đúng các quy định trong Nguyên tắc hoạt động và Điều lệ của Tiểu ban mà đã được HĐQT thông qua.

Bộ phận KTNB tiếp tục đồng kiểm toán nội bộ với đơn vị tư vấn Công ty TNHH KPMG Việt Nam trong năm 2019.



Hoạt động kiểm toán và theo dõi tình hình thực hiện các phát hiện của kiểm toán nội bộ:

- Trong năm 2019, Bộ phận KTNB đã phát hành các báo cáo kiểm toán sau:
 - Báo cáo hoạt động phòng chống rửa tiền
 - Quy trình Công nghệ thông tin và Quản lý an ninh mạng (kiểm toán lần 2).
 - Theo dõi tiến độ thực hiện các phát hiện kiểm toán cho Quy trình Công nghệ thông tin và Quản lý an ninh mạng
- Hiện tại Bộ phận KTNB đang tiến hành kiểm toán Quy trình Hoạt động Nhân sự của Khối Khách hàng Cá nhân (kiểm toán lần 2).
- Báo cáo tình hình thực hiện phát hiện của kiểm toán nội bộ đã được báo cáo trong cuộc họp định kỳ của Tiểu ban KTNB.

Tiểu ban Lương - Thưởng

Tiểu ban Lương - Thưởng chính thức thành lập vào năm 2016. Tiểu ban Lương - Thưởng thành lập với mục đích để tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT, BKS và Ban TGĐ; xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm chi cho nhân viên và quyết định các vấn đề liên quan đến các kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty.

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY, CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Cổ đông được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin bao gồm các Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên cũng như những thông tin đã được công bố và tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp ĐHĐCĐ là cơ hội quan trọng để Công ty được gặp gỡ và đối thoại trực tiếp với cổ đông và nhà đầu tư. Tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT trình kết quả hoạt động kinh doanh trong năm qua, kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo và những nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Ngày 25/04/2019, HSC đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 (ĐHĐCĐ 2018). Các trình tự thủ tục đã được HSC thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng 09/03/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh cung cấp nhận được đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến ĐHĐCĐ 2018 trong Thông báo mời họp. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ 2018 ghi rõ thời gian, địa điểm, chương trình họp và những thông tin cơ bản về việc đăng ký tham dự Đại hội. Toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ 2018 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của HSC bằng cả hai (02) thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) trong mười tám ngày (18) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2018.

Bên cạnh đó, Thông báo mời họp ĐHĐCĐ 2018 cũng được đăng trên Báo Đầu tư Chứng khoán số 47 ngày 19/04/2019.

- Nhằm tạo thuận lợi cho toàn thể cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự, ĐHĐCĐ 2018 được tổ chức vào ngày làm việc trong tuần và các bàn kiểm tra tư cách cổ đông được mở sớm hơn một (01) tiếng trước giờ khai mạc Đại hội. HSC đã sử dụng hệ thống mã vạch để kiểm tra tư cách cổ đông cũng như thống kê tỷ lệ của từng nội dung biểu quyết và tỷ lệ bầu cử.
- Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Chủ nhiệm các Tiểu ban và Ban Điều hành làm chủ tọa đoàn cuộc họp ĐHĐCĐ 2018. Ngoài ra, đại diện kiểm toán độc lập cũng có mặt tại Đại hội và đại diện cổ đông thiểu số được ứng cử vào Ban Kiểm phiếu tại Đại hội.
- Chủ tọa đoàn sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của cổ đông xoay quanh các hoạt động của Công ty trong khung giờ cho phép và tiếp tục trả lời thông qua email những câu hỏi chưa được giải đáp. Chủ tọa đoàn khuyến khích cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đóng góp ý kiến để cùng nhau xây dựng HSC ngày càng vững mạnh.
- Tất cả các nội dung HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua đều được tách riêng từng nội dung để cổ đông thông qua. Kết quả kiểm phiếu của từng nội dung được công bố ngay và ghi vào Biên bản họp.
- Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 được đăng trên trang thông tin điện tử của HSC bằng hai (02) thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại hội.

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY, CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Chính sách cổ tức

Quyền lợi cơ bản của cổ đông là được chia sẻ lợi nhuận của Công ty. Một trong những động lực thúc đẩy cổ đông nắm giữ cổ phiếu HCM là nhờ vào chính sách cổ tức minh bạch với thời gian chi trả cổ tức được rút ngắn theo thông lệ tốt của khu vực.

Chính sách cổ tức được HĐQT xem xét hàng năm nhưng luôn đảm bảo tỷ lệ cổ tức trích cho cổ đông trên năm mươi phần trăm (50%) lợi nhuận sau thuế. Tùy theo tình hình kinh doanh mỗi năm mà tỷ lệ cổ tức dao động từ mười hai phần trăm (12%) đến trên hai mươi phần trăm (20%). HSC luôn đưa ra quyết định chi trả cổ tức với thông tin chi tiết, minh bạch và đặc biệt là nêu rõ ngày thanh toán cổ tức được trả trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi được ĐHĐCĐ thông qua. HSC luôn đảm bảo thời gian thanh toán đúng, tỷ lệ cổ tức bằng hoặc cao hơn tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên hàng năm thông qua.

Tại ĐHĐCĐ 2018, ĐHĐCĐ đã thông qua tỷ lệ cổ tức năm 2019 khoảng 15%. Kế hoạch và việc thực hiện thanh toán cổ tức năm 2019 được tóm tắt như sau:

- Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ là năm phần trăm (5%) và đã thanh toán cho cổ đông vào ngày 10/01/2020

đúng theo tiến độ đã thông báo cho cổ đông tại Nghị quyết số 28/2019/NQ-HĐQT ngày 11/11/2019.

- Trên cơ sở đảm bảo nguồn thu nhập từ đầu tư vốn của cổ đông, HĐQT sẽ kiến nghị tỷ lệ chia cổ tức đợt 2 tại ĐHĐCĐ 2019 bằng tiền mặt với tỷ lệ phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2019 và chính sách cổ tức của HSC.

Quan hệ nhà đầu tư

Công ty luôn chủ động kết nối với nhà đầu tư để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác thông qua một số kênh thông tin có sẵn như trang thông tin điện tử của Công ty, các buổi công bố Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các buổi diễn đàn đầu tư hay các hội nghị chuyên đề, Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm và gửi email đến từng nhà đầu tư.

Công ty luôn khuyến khích cổ đông, nhà đầu tư cũng như đối tác đặt những câu hỏi hay đóng góp ý kiến xây dựng Công ty thông qua địa chỉ email của Phòng Truyền thông.

ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI TẤT CẢ CỔ ĐÔNG

Chỉ định người đại diện được ủy quyền trong cuộc họp ĐHĐCĐ

HSC tạo mọi điều kiện thuận lợi để cổ đông tham gia họp ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, nhưng trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không thể ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông đó có quyền ủy quyền một trong số các thành viên thuộc HĐQT hoặc BKS thay mặt cổ đông đó quyết định tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội.

Biểu quyết tại ĐHĐCĐ hay biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi tham dự Đại hội được phát Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo mẫu của Công ty. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết đều sử dụng mã vạch để việc kiểm phiếu được thực hiện chính xác và nhanh gọn. Cổ đông dùng Thẻ biểu quyết để thông qua các vấn đề chung tại

“ Công nghệ là một trong những yếu tố then chốt góp phần thay đổi cục diện cạnh tranh trên TTCK Việt Nam trong thời đại công nghệ hiện nay.”

Đại Cổ đông phải xác nhận ý kiến của mình đối với các nội dung chính bằng việc đánh dấu chéo vào một trong ba ô vuông: "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến" trong Phiếu biểu quyết và ký tên xác nhận việc biểu quyết này.

Biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Mỗi cổ đông được gửi Phiếu lấy ý kiến bằng thư bảo đảm và email (nếu có) đến địa chỉ đã đăng ký với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Để đảm bảo quyền lợi cho tất cả cổ đông được tham gia biểu quyết, HĐQT đã gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu cho cổ đông xem xét và biểu quyết ba mươi (30) ngày trước ngày gửi lại Phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết cho HSC.

Bầu thành viên HĐQT

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT phải được ĐHĐCĐ thông qua. Việc lựa chọn ứng cử viên và bầu thành viên mới vào HĐQT được thực hiện theo đúng quy trình chính thức được nêu rõ ràng và minh bạch trong Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế bầu cử của Công ty.

Việc bầu thành viên HĐQT đã được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông hoặc người được

ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Danh sách ứng cử viên đính kèm sơ yếu lý lịch được đăng trên website của Công ty bảy (07) ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ để cổ đông có thời gian xem xét lựa chọn những ứng cử viên hội đủ các tiêu chuẩn trở thành thành viên HĐQT thay thế.

Quản trị xung đột về lợi ích

Nhận thức việc xây dựng những chính sách, quy trình nội bộ và cơ chế giám sát về các tình huống "xung đột lợi ích" đối với người quản lý & điều hành Công ty không những góp phần ngăn ngừa, giảm thiểu các biểu hiện vụ lợi cá nhân mà còn mang lại sự bình đẳng đối với cổ đông.

Hiện tại, Công ty đang tuân thủ theo chuẩn mực "tránh xung đột lợi ích" của pháp luật Việt Nam. Nhưng trong tương lai, Công ty sẽ dần nâng các chuẩn mực theo thông lệ quốc tế.

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan được xem là nhân tố quan trọng đảm bảo cho cộng đồng doanh nghiệp phát triển bền vững và thúc đẩy kinh tế Việt Nam.

Giao dịch với các bên liên quan có trục lợi thường xuyên là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của nhiều doanh nghiệp lớn, phá hủy giá trị cổ đông và làm mất niềm tin của nhà đầu tư vào tính liêm chính của thị trường và đã trở thành một trong những thách thức lớn nhất đối với môi trường kinh doanh tại Việt Nam trong những năm gần đây.

Chính vì lý do trên, Công ty sẽ xây dựng chính sách giao dịch với các bên liên quan và là một phần trong khung chính sách quản trị doanh nghiệp của Công ty để đảm bảo mọi xung đột lợi ích tiềm ẩn trong giao dịch với các bên liên quan được kiểm soát nghiêm ngặt.

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY, CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ (tiếp theo)

ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI TẤT CẢ CỔ ĐÔNG (TIẾP THEO)

Giao dịch của người quản lý & điều hành Công ty và người có liên quan của các đối tượng này

Người quản lý & điều hành Công ty phải công bố thông tin trước ngày thực hiện giao dịch cổ phiếu HCM tối thiểu là ba (03) ngày làm việc và báo cáo trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Người quản lý & điều hành Công ty phải thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và họ không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh này vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho người quản lý & điều hành Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Công ty không được thực hiện các giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với người quản lý & điều hành Công ty và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc cổ đông, người ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông

HSC luôn luôn sẵn sàng cung cấp thông tin minh bạch, đầy đủ và kịp thời đảm bảo quyền lợi bình đẳng giữa các cổ đông, không có sự phân biệt giữa cổ đông lớn, cổ đông chiến lược hay

Tất cả cổ đông đều được cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty như kết quả hoạt động kinh doanh của từng quý, sáu tháng và cả năm cũng như kế hoạch kinh doanh... Thông qua các buổi công bố thông tin này, HSC mong muốn gặp gỡ và giao lưu trực tiếp với cổ đông và nhà đầu tư để họ có thể hiểu sâu hơn về hoạt động kinh doanh, từ đó có thể đưa ra quyết định đầu tư thích hợp. Đây cũng là cơ hội HSC nhận được những phản hồi tích cực nhất từ cổ đông và nhà đầu tư, những phản hồi này là một trong những vấn đề được nêu trong các cuộc họp của HSC để phân tích và xem xét.

Nhà đầu tư

HSC đo lường sự thành công của chính mình thông qua sự hài lòng của nhà đầu tư khi họ sử dụng những sản phẩm và dịch vụ tại HSC.

Bằng sự lắng nghe và thấu hiểu nhu cầu của nhà đầu tư, chúng tôi luôn cung cấp những sản phẩm hấp dẫn và dịch vụ tối ưu phù hợp nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, năng động, nhiệt huyết và trên hết là uy tín với mong muốn mang đến cho nhà đầu tư cá nhân cũng như nhà đầu tư tổ chức nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn tạo ra giá trị cao nhất.

Để giữ vững thương hiệu dịch vụ tài chính của niềm tin, chúng tôi không ngừng gia tăng các dịch vụ, tiện ích định hướng công nghệ nhằm mang đến cho nhà đầu tư những trải nghiệm vượt trội khi thực hiện giao dịch tại HSC. Công nghệ là một trong những yếu tố then chốt góp phần thay đổi cục diện cạnh tranh trên TTCK Việt Nam trong thời đại công nghệ hiện nay.

Nhân viên

Hạnh phúc của người lao động – Hạnh phúc của toàn thể nhân viên HSC được đưa vào lõi quản trị công ty với khái niệm “Nguồn vốn con người”. “Nguồn vốn con người” đã, đang và sẽ là yếu tố then chốt tạo nên sự tăng trưởng bền vững và phát triển thịnh vượng cho HSC.

Nhân viên càng hạnh phúc và có động lực khi làm việc thì họ càng có nhiều khả năng phát triển những sản phẩm và dịch vụ đột phá đi đúng hay thậm chí dẫn trước xu hướng của ngành hoặc xã hội. Khi nhân viên cảm thấy hài lòng với chính công việc của mình, nhân viên sẽ phục vụ khách hàng tốt hơn. Qua đó, HSC tin tưởng rằng hạnh phúc của nhân viên sẽ là nguồn động lực để các nhà lãnh đạo phát triển chiến lược kinh doanh của mình.

Việc tổ chức một HSC hạnh phúc thật sự không đơn giản và gặp nhiều thách thức. Trước mắt, những điều kiện cơ bản nhất được thực hiện tại HSC: người lao động phải có việc làm ổn định, có điều kiện thăng tiến, có điều kiện mở rộng phát triển bản thân và cân bằng được đời sống tinh thần. Khi mỗi nhân viên HSC cùng nắm tay nhau cùng kiến tạo các giá trị tích cực, đó là cách lan tỏa hạnh phúc từ bản thân đến chính HSC và cộng đồng.

Cộng đồng

Ý thức chia sẻ với cộng đồng đã và đang được chúng tôi xây dựng và phát huy suốt từ những ngày đầu thành lập Công ty. Ở Công ty, chúng tôi tạo công ăn việc làm hợp pháp và nộp thuế đầy đủ giúp xây dựng đất nước. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong chính Công ty và xã hội cũng đã trở thành truyền thống tốt đẹp tại HSC.

Xu hướng sống xanh ngày càng được lan tỏa trong cộng đồng mang lại giá trị tốt đẹp hướng tới xây dựng cộng đồng văn minh, hiện đại. 2019 là năm lan tỏa giá trị xanh ngay chính HSC qua hành động không dùng chai và ly nhựa sử dụng một lần. Hành động tuy nhỏ nhưng rất thiết thực này góp

phần thay đổi nhận thức từ chính nhân viên HSC lan tỏa đến người thân, bạn bè của họ và từ đó được nhân rộng đến cộng đồng để cùng chung tay bảo vệ môi trường.

HSC cam kết luôn sẵn sàng đóng góp xây dựng và phát triển cộng đồng để HSC mãi được vinh danh là chiếc nôi mang nguồn cảm hứng “chia sẻ cộng đồng”. Chúng tôi tập trung nỗ lực vào các kế hoạch có tác động tích cực lâu dài cho cộng đồng chúng tôi sinh sống và làm việc. Mục tiêu cốt lõi là nâng cao cuộc sống cho cộng đồng mà chúng tôi tin rằng sẽ là một thành tố quan trọng đóng góp cho sự thành công của HSC trong tương lai.

Môi trường

Đóng góp cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam là một trong những trách nhiệm quan trọng và tất yếu mà HSC đã, đang và sẽ hướng tới.

HSC luôn là thành viên tiên phong và trở thành cầu nối giữa các công ty hàng đầu Việt Nam với cộng đồng đầu tư quốc tế tại các diễn đàn tìm hiểu thị trường Việt Nam nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng.

Với một tinh thần đầy nhiệt huyết, luôn sẵn sàng truyền đạt kinh nghiệm và cố gắng học hỏi kiến thức tiên tiến, HSC không những góp phần vào quá trình định hình, phát triển thị trường và nuôi dưỡng sự tín nhiệm của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế mà còn tạo cho chính mình cơ hội tiếp cận và tìm kiếm nhà đầu tư tiềm năng.

Ngoài ra, chúng tôi còn là những thành viên tích cực của các hiệp hội và tổ chức trong ngành chứng khoán nói riêng và trong ngành tài chính nói chung. Nhờ sự tham gia vào Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), Câu lạc bộ CEO Việt Nam..., chúng tôi có cơ hội hiểu sâu hơn, được cung cấp thêm thông tin để từ đó đóng góp ý kiến cho sự phát triển thị trường.

ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI TẤT CẢ CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

Công ty kiểm toán

HSC cam kết luôn chọn một trong bốn công ty kiểm toán hàng đầu tại Việt Nam đã được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý.

Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam

Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam là công ty kiểm toán năm thứ ba liên tiếp cho HSC.

Các công việc kiểm toán được chỉ định thực hiện:

- Soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ
- Soát xét Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng giữa niên độ
- Kiểm toán Báo cáo tài chính cuối năm
- Kiểm toán Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng cuối năm
- Kiểm toán đặc biệt thông tin tài chính của Công ty cuối năm theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS)

Phí dịch vụ kiểm toán: **957.000.000** Việt Nam đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty TNHH KPMG Việt Nam là công ty đồng kiểm toán nội bộ với HSC trong năm 2019.

Phí dịch vụ kiểm toán: **1.089.000.000** Việt Nam đồng (Một tỷ tám mươi chín triệu đồng).

Kênh thông tin liên hệ

Hiện tại kênh thông tin liên hệ duy nhất tại HSC là Phòng Truyền thông. Mọi thắc mắc của các bên liên quan sẽ được chuyển đến các bộ phận chịu trách nhiệm xử lý và sau đó Phòng Truyền thông đại diện HSC trả lời các thắc mắc qua điện thoại hoặc email.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chính sách và việc thực hiện công bố thông tin

Chính sách công bố thông tin tại HSC được thực hiện tuân theo các quy định hiện hành và gắn liền với Chính sách Quản trị Công ty. Thông tin công bố được HSC thực hiện theo đúng các nguyên tắc sau:

- Thông tin công bố phải chính xác, đầy đủ, rõ ràng và phải được công bố đúng thời hạn quy định.
- Việc công bố thông tin phải thực hiện đúng theo quy định hiện hành.
- Tất cả các bên liên quan đều có quyền được truy cập những thông tin HSC đã công bố.
- Những thông tin có ảnh hưởng lớn đến giá cổ phiếu HCM, hay có khả năng ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư, hay ảnh hưởng đến quyền của cổ đông, hay có thể làm xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư phải được công bố đúng thời hạn quy định và phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của HSC, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (SSC).



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan

Trong năm 2019, HSC đã thực hiện thông báo giao dịch cổ phiếu HCM của thành viên HĐQT và/ hay tổ chức có liên quan với thành viên HĐQT cho các cơ quan chức năng trước ba (03) ngày làm việc khi thành viên HĐQT và/ hay tổ chức có liên quan với thành viên HĐQT giao dịch cổ phiếu HCM đúng theo quy định hiện hành, cụ thể như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán...)
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC)	Tổ chức có liên quan đến Ông Lâm Hoài Anh và Ông Lê Thắng Cần - Thành viên HĐQT	87.500.000	28,61%	87.500.000	28,61%	Đăng ký bán 5.000.000 cổ phiếu từ ngày 12/12/2019 đến hết ngày 18/12/2019 và từ ngày 24/12/2019 đến hết ngày 31/12/2019 nhưng chưa bán được do giá cổ phiếu chưa phù hợp.

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT

HSC chuyển nhượng 2.180.364 cổ phần VFM của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) chiếm tỷ lệ 10,15% vốn điều lệ, cho Công ty Dragon Capital Management (HongKong) Limited.

Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết của HĐQT thông qua	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu VFM sau khi giao dịch	
					Số lượng	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)	Tổ chức có liên quan đến Ông Lê Hoàng Anh - Thành viên HĐQT	P.1701-04, tầng 17, Mê Linh, số 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, TP. HCM	31/12/2019	Số 22/2019/NQ-HĐQT ngày 19/09/2019	0	0%

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2019, Ban Kiểm Soát ("BKS") đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ HSC, Quy chế quản trị về tổ chức và hoạt động của BKS, góp phần cùng Ban Điều hành ("BDH") HSC triển khai kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua. BKS bao gồm 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên độc lập, với tư cách là đại diện cổ đông tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại HSC. Trong năm 2019, hoạt động của BKS bao gồm:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2019
- Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2019

1. Giám sát hoạt động của HĐQT và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018

Trong năm 2019, HĐQT tổ chức hai mươi chín ("29") cuộc họp trong đó có mười ba ("13") cuộc họp tập trung và mười sáu ("16") cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các cuộc họp, BKS đã nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của HSC và đóng góp ý kiến cùng với HĐQT, BDH trong việc thúc đẩy các mục tiêu đã được phê duyệt vào ĐHĐCĐ năm 2018.

Các vấn đề trọng tâm được bàn bạc trong các cuộc họp HĐQT bao gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cả năm 2018 và hàng quý trong năm 2019;
- Phương án sử dụng vốn trong từng mảng hoạt động và nhu cầu vốn trong các năm tới, đề xuất vay vốn tại ngân hàng;
- Thông qua chủ trương sửa chữa văn phòng Hội sở tầng 5 & 6 Tòa nhà AB, việc thay đổi địa điểm và tên Chi nhánh Thái Văn Lung, đóng cửa các phòng giao dịch và thay đổi địa điểm các phòng giao dịch;
- Thông qua phương án xử lý cổ phần chào bán không hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;

- Thông qua việc xây dựng hệ thống bán lẻ và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp;
- Thông qua việc đầu tư vào hệ thống giao dịch mới;
- Thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2019.

Các ý kiến đóng góp của BKS với tư cách giám sát viên và đại diện của cổ đông đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT.

2. Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2019

Năm 2019, cùng các thành viên trong Ủy ban Kiểm toán, BKS đã tham dự hai buổi họp giữa niên độ và kết thúc niên độ với Kiểm toán độc lập của HSC (Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam) để trao đổi về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán, và các vấn đề được nêu trong Thư quản lý. Theo đó, các hoạt động của HSC rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, cũng như quy trình hoạt động. Trong năm, Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam ("PwC") chỉ cung cấp dịch vụ kiểm toán cho HSC và không bao gồm bất kỳ dịch vụ tư vấn nào khác, với tổng chi phí kiểm toán là 957.000.000 Việt Nam đồng (Chín trăm năm mươi bảy triệu đồng) (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

Ngoài ra, BKS đã tiến hành phân tích Báo cáo tài chính hàng quý, cuối năm tài chính; Báo cáo soát xét tỷ lệ vốn khả dụng. Về mặt an toàn tài chính, HSC đạt tiêu chuẩn cao về tính thanh khoản và các tỷ lệ liên quan đến cơ cấu vốn, tỷ lệ an toàn tài chính của HSC theo quy định của Bộ Tài Chính vào cuối tháng 12/2019 đạt 556% (tại ngày 31/12/2018 là 502%), cao hơn 3,1 lần so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ở mức 180%.

Về chỉ tiêu tài chính, theo đánh giá của BKS, năm 2019 thị trường chứng khoán Việt Nam không có nhiều thương vụ chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng lớn như trong năm 2018, đồng thời thanh khoản thị trường trung bình đạt 4.650 tỷ đồng/ngày, giảm 28% so với năm 2018 và chỉ bằng 72% mức kỳ vọng theo kế hoạch 2019 của HSC. Chính vì lẽ đó, doanh thu của HSC năm 2019 đạt 1.262 tỷ đồng, giảm 26% so với năm 2018 và đạt 76% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 432 tỷ đồng, giảm 36% so với năm 2018 và bằng 64% kế hoạch.

Trong đó:

- Doanh thu phí môi giới đạt 478 tỷ đồng, giảm 280 tỷ đồng tương đương giảm 37% so với năm 2018 chủ yếu do giá trị giao dịch toàn thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019 giảm hơn 28% so với thị trường năm 2018.
 - Trong đó: phí môi giới chứng khoán cơ sở đạt 452 tỷ đồng, giảm 40% và phí môi giới phái sinh đạt 26 tỷ đồng, giảm 66%.
 - Đây là nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh trong bối cảnh thanh khoản và diễn biến thị trường chứng khoán không được như kỳ vọng và cuộc chạy đua giảm phí giữa các công ty chứng khoán từ tháng 2/2019 sau khi có quy định về bỏ mức phí sàn (0,15%) của Bộ Tài Chính.
- Doanh thu cho vay ký quỹ đạt 495 tỷ đồng, giảm 28 tỷ đồng tương đương giảm 5% so với cùng kỳ năm ngoái ảnh hưởng bởi 2 yếu tố sau:
 - Lãi suất cho vay margin trung bình giảm xuống mức 11,6%/năm so với mức 13,3%/năm trong năm 2018, tương đương mức giảm 12,8% do áp lực cạnh tranh;
 - Dư nợ margin trung bình ở mức 4.227 tỷ đồng, tăng 294 tỷ đồng tương đương tăng 7% so với mức 3.933 tỷ đồng trong năm 2018.
- Doanh thu tự doanh đạt 223 tỷ đồng với tỷ suất sinh lời bình quân đạt 12%/năm, vượt trội hơn so với mức tăng 7,6% của VNIndex năm 2019.
- Doanh thu tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 53 tỷ đồng, giảm 66 tỷ đồng tương đương giảm 55% so với năm 2018 do Công ty không có nhiều thương vụ hoàn tất trong năm.
 - Năm 2019, HSC ghi nhận nguồn doanh thu từ khoản phí tư vấn thành công các thương vụ ngành tiêu dùng, hàng không, ngân hàng và bất động sản;
 - Trong khi đó, hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp không ghi nhận các khoản phí môi giới thương vụ thành công như năm 2018.
- Do kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 không đạt được kế hoạch ĐHĐCĐ đã thông qua dựa trên kỳ vọng thanh khoản thị trường ở mức 6.500 tỷ đồng/ngày giao dịch, BĐH đã nỗ lực tối ưu hoá chi phí. Do đó, tổng chi phí hoạt động năm 2019 chỉ bằng 90% kế hoạch.

“ Năm 2019 là năm HSC tập trung vào việc đầu tư vào hệ thống bán lẻ và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư vào hệ thống giao dịch mới. ”

- HSC tiến hành sắp xếp lại các phòng giao dịch (PGD): đóng cửa PGD Thái Văn Lung và PGD Nguyễn Văn Trỗi tại Hồ Chí Minh; thu hẹp diện tích PGD Hoàn Kiếm và PGD Kim Liên tại Hà Nội trong Q4/2019 để tận dụng tối đa các không gian của các PGD hiện có, từ đó sẽ tiết kiệm được chi phí thuê cho các năm tiếp theo.
- Năm 2019 là năm HSC tập trung vào việc đầu tư vào hệ thống bán lẻ và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư vào hệ thống giao dịch mới, sửa chữa văn phòng Hội sở tầng 5 & 6 Tòa nhà AB. Đây là những chi phí đầu tư cần thiết cho chiến lược hoạt động kinh doanh dài hạn và cam kết phát triển bền vững của HSC

BKS ghi nhận nỗ lực điều hành của Ban Giám đốc trong tình hình cạnh tranh về thị phần môi giới ngày càng khốc liệt giữa các công ty chứng khoán, cũng như sự suy giảm và biến động lớn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Để đạt được kết quả như trên là không dễ. Đặc biệt là hoạt động cho vay ký quỹ của HSC được đánh giá là khá hiệu quả khi thanh khoản thị trường giảm mạnh nhưng dư nợ cho vay ký quỹ HSC giảm ít hơn so với cùng kỳ năm 2018. BKS ghi nhận BĐH HSC đã có chiến lược đúng đắn, không chạy theo thị phần, không nới lỏng điều kiện cho vay mà chỉ tập trung ở nhóm cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí bền vững như tình hình tài chính lành mạnh, vốn hóa lớn, thanh khoản cao. Với chiến lược này, HSC sẽ tránh được các rủi ro nợ xấu khi thị trường có biến động lớn. Về mảng môi giới, tuy mức độ cạnh tranh là lớn nhất từ trước tới nay, thị phần Môi giới của HSC duy trì mức 10,8%, giữ vững vị trí thứ 2 trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX) trong suốt nhiều năm qua (2014-2019).

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1	Tỷ lệ an toàn tài chính	556%	502%
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,3	2,3
b	Hệ số Nợ so với Tổng tài sản (lần)	0,4	0,4
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
a	Hệ số vốn chủ sở hữu so với Tổng nguồn vốn (lần)	0,6	0,6
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
a	ROAE (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	11,7%	23,1%
b	ROAA (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	6,8%	11,3%

Giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2019

Trong năm 2019, bộ phận Kiểm toán Nội bộ (KTNB) đã phát hành các báo cáo kiểm toán sau:

STT	Quy trình kiểm toán
1	Báo cáo hoạt động Phòng chống rửa tiền (hàng năm)
2	Quy trình Công nghệ thông tin và Quản lý an ninh mạng (kiểm toán lần 1)
3	Theo dõi tiến độ thực hiện các phát hiện kiểm toán cho Quy trình Công nghệ thông tin và Quản lý an ninh mạng

KTNB đã thực hiện Rà soát Kỹ thuật An toàn Thông tin (Đánh giá bảo mật và Xuyên nhập kiểm thử) cho 10 ứng dụng giao dịch chứng khoán quan trọng nhất đưa ra ngoài Internet phục vụ khách hàng và các đối tượng hạ tầng liên quan để xác định các điểm kém an toàn, đồng thời đưa ra các khuyến nghị khắc phục. Báo cáo kết luận của KTNB đã được phát hành đến Ban Điều hành, Trưởng Bộ phận Công nghệ Thông tin (CNTT) của Công ty; đồng thời được báo cáo đến BKS và Ủy Ban Kiểm toán trong các cuộc họp định kỳ.

BKS ghi nhận không có phát hiện ở mức nghiêm trọng đối với Quy trình Công nghệ thông tin và Quản lý an ninh mạng của HSC. Các phát hiện và lỗ hổng được tìm thấy trong lần đánh giá này không gây gián đoạn hoạt động và đã được nhanh chóng khắc phục thành công theo các đề xuất của Kiểm toán nội bộ.

BKS khuyến nghị HSC nên tiếp tục đánh giá cho toàn bộ các cấu phần CNTT trọng yếu (các hệ thống/ ứng dụng/ máy chủ) một cách đầy đủ và toàn diện, nhằm tránh bất kỳ rủi ro nào có thể gây ra các tổn thất về tài chính cũng như danh tiếng của HSC. BKS đánh giá cao việc HSC đã thành lập đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin từ tháng 2/2019 chịu trách nhiệm về quản trị an toàn thông tin, kiến trúc an toàn thông tin và vận hành an toàn thông tin.

BKS mong rằng Ban Điều hành tiếp tục phát triển hệ thống kiểm soát hạn chế rủi ro liên quan đến CNTT, thông qua việc đánh giá an toàn thông tin đầy đủ. Từ đó, Công ty sẽ ngăn ngừa được rủi ro kinh doanh liên quan đến rủi ro an ninh CNTT.

Thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2019

Tổng thù lao của BKS năm 2019 là 946.666.667 Việt Nam đồng (Chín trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân). Cụ thể cho từng thành viên như sau:

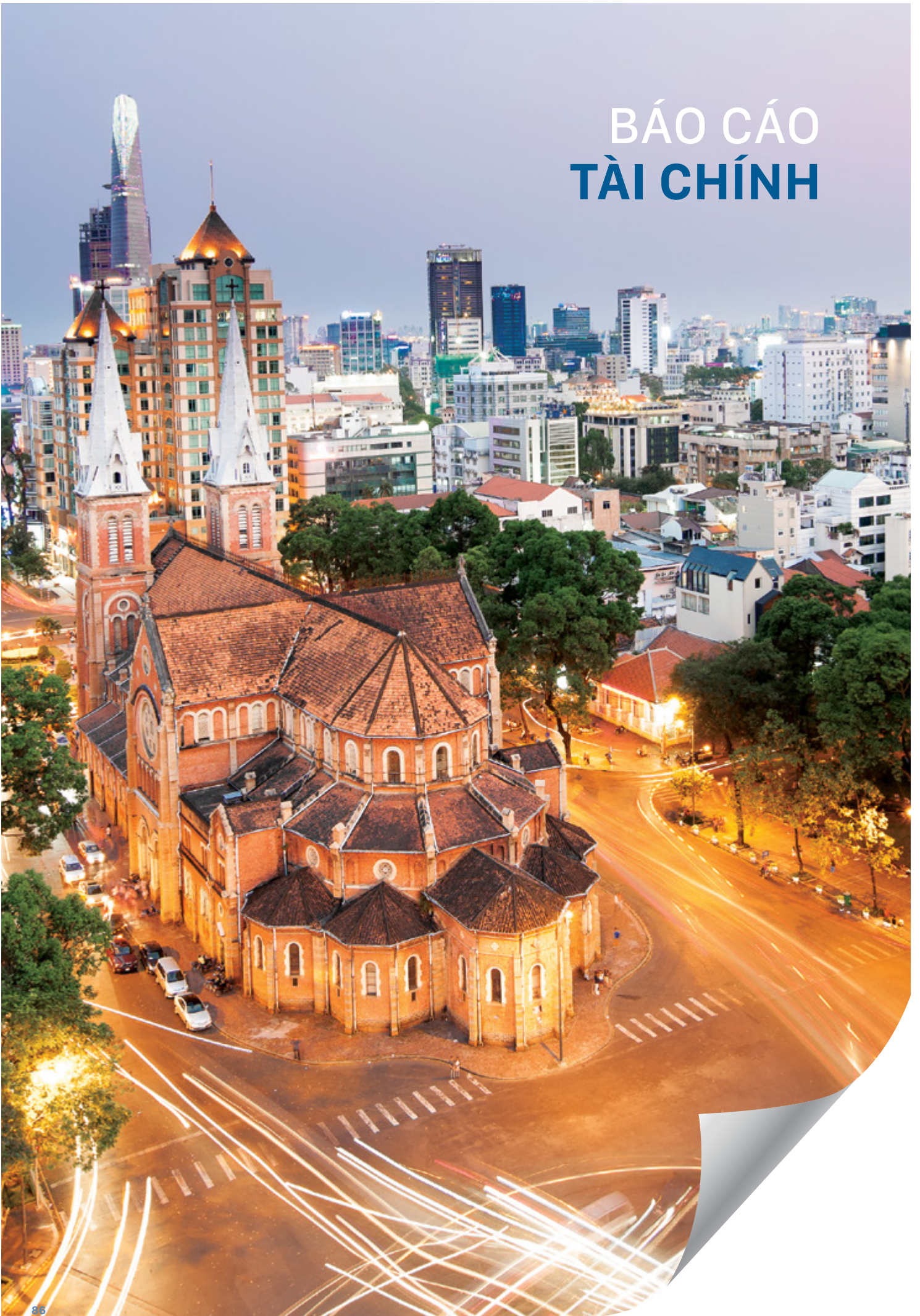
STT	Họ tên	Chức vụ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế) (VNĐ)
1	Ông Võ Văn Châu	Trưởng ban	10.000.000
2	Ông Đoàn Văn Hinh	Thành viên	6.000.000
3	Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	6.000.000

Kế hoạch của Ban Kiểm soát năm 2020

Trong năm 2020, BKS tiếp tục đồng hành và giám sát phòng KTNB trong việc hoàn thành kiểm toán các quy trình đã được bắt đầu trong năm 2019 và các quy trình mới theo Kế hoạch Kiểm toán năm 2020 như sau:

STT	Quy trình kiểm toán
2019	
1	Quy trình Hoạt động Nhân sự của Khối Khách hàng Cá nhân (kiểm toán lần 2)
2020	
2	Báo cáo hoạt động Phòng chống rửa tiền (hàng năm)
3	Quy trình Mua hàng (kiểm toán lần đầu)
4	Quy trình Quản lý thu và chi tiền nội bộ (kiểm toán lần đầu)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	
Số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 4 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 13/GPĐC-UBCK được cấp ngày 16 tháng 3 năm 2020.	
Hội đồng Quản trị	
Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch
Ông Lê Anh Minh	Phó chủ tịch
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên
Ông Lê Thắng Côn	Thành viên
Ông Johan Nyvene	Thành viên
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên
Ông Lâm Hoài Anh	Thành viên
Ban kiểm soát	
Ông Võ Văn Châu	Trưởng ban
Ông Đoàn Văn Hình	Thành viên
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/03/2020) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15/03/2020)
Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc (đến ngày 15/03/2020)
Ông Lê Anh Quân	Giám đốc điều hành
Ông Bạch Quốc Vinh	Giám đốc điều hành
Ông Phạm Ngọc Bích	Giám đốc điều hành
Ông Christopher Lawrence Hunt	Giám đốc điều hành (từ ngày 01/08/2019)
Ông Stephen James McKeever	Giám đốc điều hành
Ông Trần Tấn Đạt	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Cảnh Thịnh	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Linh Lan	Giám đốc điều hành (từ ngày 02/12/2019)
Ông Lê Công Thiện	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26/02/2020)
Ông Nguyễn Quốc Nam	Giám đốc điều hành (đến ngày 27/09/2019)
Người đại diện theo pháp luật	
Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc (từ ngày 16/03/2020)
Ông Johan Nyvene	Tổng Giám đốc (đến ngày 15/03/2020)
Trụ sở chính	
Tầng 5-6, Tòa nhà AB Tower, Số 76 Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	
Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 86 đến trang 167. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2019 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 26 tháng 3 năm 2020. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 86 đến trang 167.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

A blue ink signature of Trần Thị Cẩm Tú.

Trần Thị Cẩm Tú
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2713-2018-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM9206
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
	TÀI SẢN			
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.295.764.151.145	5.065.174.554.410
110	Tài sản tài chính		7.275.687.206.277	4.949.941.619.088
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	906.543.226.372	117.332.185.998
111.1	<i>Tiền</i>		906.543.226.372	117.332.185.998
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2	1.286.632.864.648	834.839.940.206
114	Các khoản cho vay	3.2	4.696.713.331.994	3.262.014.843.244
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.3	-	(23.573.148.070)
118	Trả trước cho người bán		6.445.066.994	2.081.707.500
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4	318.126.523.551	742.571.555.348
122	Các khoản phải thu khác	3.4	100.809.984.866	54.258.327.010
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.5	(39.583.792.148)	(39.583.792.148)
130	Tài sản ngắn hạn khác		20.076.944.868	115.232.935.322
131	Tạm ứng		251.315.707	594.697.297
133	Chi phí trả trước ngắn hạn		8.464.775.711	8.976.240.525
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		3.797.282.500	3.405.632.500
137	Tài sản ngắn hạn khác		7.563.570.950	102.256.365.000
137.1	<i>Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh</i>	3.6	7.563.570.950	102.256.365.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		192.914.478.203	191.130.772.771
220	Tài sản cố định		41.889.429.828	47.422.412.537
221	Tài sản cố định hữu hình	3.7(a)	24.220.165.536	24.065.517.122
222	Nguyên giá		86.288.797.369	73.789.663.436
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(62.068.631.833)	(49.724.146.314)
227	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	3.7(b)	17.669.264.292	23.356.895.415
228	<i>Nguyên giá</i>		69.590.128.018	64.392.294.363
229a	<i>Giá trị khấu hao lũy kế</i>		(51.920.863.726)	(41.035.398.948)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.7(c)	13.597.128.282	4.447.220.550
250	Tài sản dài hạn khác		137.427.920.093	139.261.139.684
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		6.192.051.327	7.528.788.877
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.8	100.955.484.782	100.173.558.928
253	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.16	280.383.984	1.558.791.879
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.9	20.000.000.000	20.000.000.000
255	Tài sản dài hạn khác		10.000.000.000	10.000.000.000
255.1	<i>Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh</i>	3.10	10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		7.488.678.629.348	5.256.305.327.181

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		3.184.535.590.209	2.195.769.164.684
310	Nợ phải trả ngắn hạn		3.184.535.590.209	2.195.769.164.684
311	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		2.393.727.235.255	1.554.132.323.195
312	<i>Vay ngắn hạn</i>	3.11	2.393.727.235.255	1.554.132.323.195
316	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	3.11	-	150.000.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.12	487.804.747.433	315.637.153.051
320	Phải trả người bán ngắn hạn		1.046.316.763	3.466.914.332
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.13	37.937.342.045	34.014.747.386
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		3.851.740.871	3.591.087.935
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.14	56.698.330.262	58.349.981.835
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.15	184.843.206.969	31.471.069.058
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.626.670.611	45.105.887.892
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.304.143.039.139	3.060.536.162.497
410	Vốn chủ sở hữu		4.304.143.039.139	3.060.536.162.497
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3.411.931.836.992	1.625.017.521.491
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.17	3.058.822.630.000	1.297.567.580.000
411.1a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		3.058.822.630.000	1.297.567.580.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		358.946.064.000	330.343.798.499
411.5	Cổ phiếu quỹ		(5.836.857.008)	(2.893.857.008)
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		151.385.003.919	129.756.758.000
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		151.385.003.919	129.756.758.000
416	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.961.374.994	3.961.374.994
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.18	585.479.819.315	1.172.043.750.012
417.1	<i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>		633.772.960.412	1.223.955.850.562
417.2	<i>Lỗ chưa thực hiện</i>		(48.293.141.097)	(51.912.100.550)
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.488.678.629.348	5.256.305.327.181

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2019	31.12.2018
A TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Theo giá trị (VND)				
004	Nợ khó đòi đã xử lý	4.1	345.059.000	345.059.000
Theo nguyên tệ				
005	Ngoại tệ các loại	4.2		
	Đô la Mỹ		1.899,62	5.176,74
	Yên Nhật		241.915	241.915
	Đô la Singapore		844	590
	Bảng Anh		1.594,70	100,00
	Đô la Đài Loan		3.200	3.200
	Đô la Canada		100	100
	Ringgit Malaysia		750	750
Theo số lượng				
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.3	305.516.173	129.554.168
007	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	3.17	366.090	202.590
Theo mệnh giá (VND)				
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của công ty chứng khoán		146.128.706.000	243.492.050.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>146.128.706.000</i>	<i>243.492.050.000</i>
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		506.139.500.000	3.150.000.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>506.139.500.000</i>	<i>3.150.000.000</i>
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		4.570.802.000	18.501.900.000
	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		<i>4.570.802.000</i>	<i>18.501.900.000</i>
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		391.374.560.000	26.401.400.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>391.374.560.000</i>	<i>26.401.400.000</i>
Theo số lượng				
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4.4	60.105.000	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	31.12.2019	31.12.2018
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG		
		Theo mệnh giá (VND)	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư	21.705.821.330.200	20.208.119.040.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	18.732.929.161.200	16.144.256.020.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	129.406.140.000	269.550.390.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.371.412.250.000	3.391.438.550.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	268.676.880.000	132.776.880.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán	203.396.899.000	270.097.200.000
021.7	Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư	124.320.416.100	263.028.634.043
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư	18.424.050.000	7.536.110.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	11.232.460.000	5.612.110.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.191.590.000	1.924.000.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	212.253.750.000	352.223.480.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của nhà đầu tư	5.500.000.000	13.922.660.000
026	Tiền gửi của khách hàng	865.759.134.335	1.285.995.489.258
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	741.438.718.235	1.022.966.855.215
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	124.320.416.100	263.028.634.043
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	741.438.718.235	1.022.966.855.215
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	733.323.220.892	1.016.049.164.264
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	8.115.497.343	6.917.690.951



Lê Thị Thùy Dương
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài Chính



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK

Năm tài chính kết thúc ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		522.443.256.133	928.460.243.499
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	390.930.734.954	858.463.794.818
01.2	Giảm chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	(3.308.332.184)	(35.012.239.201)
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	128.409.865.776	105.008.687.882
01.4	Giảm chênh lệch đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	6.410.987.587	-
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		495.988.943.636	523.064.352.711
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		478.282.787.116	758.849.301.292
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.616.808.263	8.554.349.465
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		53.627.870.462	119.216.643.588
11	Thu nhập hoạt động khác		2.171.378.005	11.671.488.830
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		1.560.131.043.615	2.349.816.379.385
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(299.990.119.345)	(650.116.339.657)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(300.506.423.395)	(662.889.080.398)
21.2	Giảm chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	516.964.050	12.772.740.741
21.4	Tăng chênh lệch do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	(660.000)	-
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	5.4	(113.682.911.467)	(155.881.063.174)
26	Chi phí hoạt động tự doanh	5.5	(78.706.309.030)	(87.578.216.751)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.5	(326.959.927.736)	(431.738.308.494)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.5	(8.102.665.080)	(10.276.510.005)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	5.5	(16.242.652.044)	(21.555.635.774)
32	Chi phí các dịch vụ khác	5.5	(455.955.784)	(1.395.644.586)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(844.140.540.486)	(1.358.541.718.441)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.119.729.545	2.310.619.199
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		2.119.729.545	2.310.619.199
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.6	(186.799.467.128)	(151.501.925.159)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		531.310.765.546	842.083.354.984
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		95.013.636	102.300.000
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		95.013.636	102.300.000
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		531.405.779.182	842.185.654.984
91	Lợi nhuận đã thực hiện		527.786.819.729	864.425.153.444
92	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		3.618.959.453	(22.239.498.460)
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(98.840.860.805)	(166.705.500.612)
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(97.562.452.910)	(165.790.921.130)
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1.278.407.895)	(914.579.482)
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		432.564.918.377	675.480.154.372
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		-	-
500 THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	1.596	3.128
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	1.596	3.128



Lê Thị Thùy Dương
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài Chính



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03b – CTCK

Năm tài chính kết thúc ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận trước thuế TNDN		531.405.779.182	842.185.654.984
02	Điều chỉnh cho các khoản:		77.880.837.340	160.835.620.303
03	Khấu hao tài sản cố định		24.717.774.214	20.281.165.370
04	Hoàn nhập dự phòng		(23.573.148.070)	(10.057.879.220)
06	Chi phí lãi vay		137.256.059.537	165.938.942.394
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		(95.013.636)	(2.412.919.199)
08	Dự thu tiền lãi		(60.424.834.705)	(12.913.689.042)
10	Biến động các chi phí phi tiền tệ		(516.304.050)	(12.772.740.741)
11	Giảm chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(516.964.050)	(12.772.740.741)
11.1	Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền		660.000	-
18	Biến động các doanh thu phi tiền tệ		(3.102.655.403)	35.012.239.201
19	Giảm chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		3.308.332.184	35.012.239.201
20	Giảm chênh lệch đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành		(6.410.987.587)	-
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		(1.449.551.028.333)	848.066.516.593
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(454.584.292.576)	3.550.752.130
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(1.434.698.488.750)	1.239.577.460.362
34	Giảm các tài sản tài chính AFS		-	311.675.286.366
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		424.445.031.797	(271.550.203.970)
39	Giảm các khoản phải thu khác		14.216.558.439	7.981.004.530
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(37.810.538.371)	(9.435.390.531)
42	Tăng chi phí trả trước		(270.461.040)	(8.011.454.519)
43	Thuế TNDN đã nộp		(90.420.756.280)	(197.402.447.080)
44	Lãi vay đã trả		(128.261.747.739)	(171.732.474.670)
45	Giảm phải trả cho người bán		(6.783.957.063)	(1.420.187.464)
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		260.652.936	620.045.550
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(1.669.811.456)	(14.898.222.504)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		149.712.074.280	(28.635.985.680)
50.1	Tăng phải trả chứng quyền		20.676.825.890	-
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		95.637.881.600	-
52	Tiền thu/(chi) khác cho hoạt động kinh doanh		-	(12.251.665.927)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(843.883.371.264)	1.873.327.290.340
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(28.334.699.237)	(27.292.896.315)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		104.515.000	112.530.000
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.230.184.237)	(27.180.366.315)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03b – CTCK

Năm tài chính kết thúc ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	6.2	1.222.514.474.000	-
72	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(2.027.400.000)	(200.880.000)
73.2	Tiền vay khác	6.3	31.004.520.032.398	24.405.151.937.751
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác	6.4	(30.314.925.120.338)	(25.980.775.013.930)
76	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(248.757.390.185)	(349.211.819.379)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.661.324.595.875	(1.925.035.775.558)
90	Tăng tiền thuần trong năm		789.211.040.374	(78.888.851.533)
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		117.332.185.998	196.221.037.531
101.1	Tiền	3.1	117.332.185.998	196.221.037.531
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		906.543.226.372	117.332.185.998
103.1	Tiền	3.1	906.543.226.372	117.332.185.998

Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền được trình bày tại Thuyết minh 6.1.

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm tài chính kết thúc ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	67.940.759.977.710	111.418.661.903.490
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(72.248.211.899.110)	(105.630.067.603.400)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	4.033.540.592.683	-
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	-	(5.657.618.342.790)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(7.616.808.263)	(8.554.349.465)
20	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm	(281.528.136.980)	122.421.607.835
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	1.022.966.855.215	900.545.247.380
31	Tiền gửi ngân hàng	1.022.966.855.215	900.545.247.380
32	<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	1.022.966.855.215	900.545.247.380
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	741.438.718.235	1.022.966.855.215
41	Tiền gửi ngân hàng	741.438.718.235	1.022.966.855.215
42	<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	741.438.718.235	1.022.966.855.215

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài Chính



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B04 – CTCK

Chỉ tiêu	Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	1.1.2018	1.1.2019	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.625.309.121.491	1.625.017.521.491	(291.600.000)	-
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.297.567.580.000	1.297.567.580.000	-	-
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	330.343.798.499	330.343.798.499	-	-
1.3 Cổ phiếu quỹ	(2.602.257.008)	(2.893.857.008)	(291.600.000)	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	129.756.758.000	129.756.758.000	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	129.756.758.000	129.756.758.000	-	-
4. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	70.064.262.508	-	-	(70.064.262.508)
5. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.961.374.994	3.961.374.994	-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	832.312.877.270	1.172.043.750.012	675.480.154.372	(335.749.281.630)
6.1 Lợi nhuận đã thực hiện	861.985.479.360	1.223.955.850.562	697.719.652.832	(335.749.281.630)
6.2 (Lỗ)/lãi chưa thực hiện	(29.672.602.090)	(51.912.100.550)	(22.239.498.460)	-
Tổng cộng	2.791.161.152.263	3.060.536.162.497	675.188.554.372	(405.813.544.138)

	Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019		Tại ngày	
	Tăng	Giảm	31.12.2018	31.12.2019
	2.117.258.114.000	(330.343.798.499)	1.625.017.521.491	3.411.931.836.992
	1.761.255.050.000	-	1.297.567.580.000	3.058.822.630.000
	358.946.064.000	(330.343.798.499)	330.343.798.499	358.946.064.000
	(2.943.000.000)	-	(2.893.857.008)	(5.836.857.008)
	21.628.245.919	-	129.756.758.000	151.385.003.919
	21.628.245.919	-	129.756.758.000	151.385.003.919
	-	-	-	-
	-	-	3.961.374.994	3.961.374.994
	432.564.918.377	(1.019.128.849.074)	1.172.043.750.012	585.479.819.315
	428.945.958.924	(1.019.128.849.074)	1.223.955.850.562	633.772.960.412
	3.618.959.453	-	(51.912.100.550)	(48.293.141.097)
	2.593.079.524.215	(1.349.472.647.573)	3.060.536.162.497	4.304.143.039.139

Lê Thị Thùy Dương
Người lập

Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài Chính



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thành lập và niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2003 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 4 năm 2003. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 13/GPĐC-UBCK được cấp ngày 16 tháng 3 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 27/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 4 năm 2009.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 5 và 6, Tòa nhà AB Tower, số 76 Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:
Email: info@hsc.com.vn
Điện thoại: (+84 28) 3823 3299

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được cập nhật lần gần nhất ngày 25 tháng 6 năm 2019.

Quy mô vốn

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 ("ngày báo cáo")
	VND
Vốn điều lệ của Công ty	3.058.822.630.000
Tổng vốn chủ sở hữu	4.304.143.039.139
Tổng tài sản	7.488.678.629.348

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Là một công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty hoạt động với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

Cấu trúc của Công ty và lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 7 chi nhánh và phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2019, thị trường không có nhiều thương vụ chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng lớn như trong năm 2018, đồng thời thanh khoản thị trường giảm dẫn đến kết quả hoạt động sau thuế của Công ty đạt 64% so với năm 2018. Trong đó:

- Doanh thu môi giới chứng khoán giảm 37% so với năm 2018 chủ yếu do giá trị giao dịch toàn thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2019 giảm hơn 28% so với thị trường năm 2018;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính giảm 55% so với năm 2018 do Công ty không có nhiều thương vụ hoàn tất trong năm;
- Thu nhập tự doanh (bao gồm lãi bán chứng khoán, tiền lãi và cổ tức nhận được, và kết quả thuần từ đánh giá lại tài sản tài chính cuối năm) giảm 20% do Công ty không có nhiều giao dịch bán chứng khoán có lãi lớn như trong năm 2018;
- Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ giảm theo xu hướng giảm của doanh thu, trong đó chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán giảm 24%, chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán giảm 21% và chi phí nghiệp vụ tư vấn giảm 25%.
- Chi phí lãi vay giảm 17% so với năm 2018 do Công ty huy động được vốn mới hơn 1.200 tỷ đồng trong quý II năm 2019, qua đó giảm bớt dư nợ vay bình quân và chi phí lãi vay, đồng thời trong tháng 10 năm 2019 Công ty cũng đã có được nguồn vốn vay mới với lãi suất thấp hơn trong năm 2018 (Thuyết minh 3.11).
- Chi phí quản lý năm 2019 tăng 23% so với năm 2018 do gia tăng số lượng nhân sự tại các bộ phận hỗ trợ, gia tăng các chi phí công nghệ thông tin, chi phí tư vấn bên ngoài và chi phí hành chính phù hợp với sự phát triển Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210/2014/TT-BTC"), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334/2016/TT-BTC"), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 ("Công văn 6190/BTC-CĐKT") và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 ("Thông tư 23/2018/TT-BTC") do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") và tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.2);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM và các khoản cho vay (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.3);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 3.5);
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định (Thuyết minh 2.11 và Thuyết minh 3.7);
- Thời gian hữu dụng ước tính của chi phí trả trước (Thuyết minh 2.13 và Thuyết minh 3.8).

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá giao dịch, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân viên và các chi phí kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và/hoặc thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200/2014/TT-BTC") ngày 22 tháng 12 năm 2014. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc được xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, một tài sản tài chính được xác định là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ ("FVTPL");
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán ("AFS"); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") (tiếp theo)

- Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
- Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm báo cáo, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; và
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Tài sản tài chính** (tiếp theo)**(a) Phân loại và đo lường** (tiếp theo)

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về ghi nhận doanh thu.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập;
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Tài sản tài chính** (tiếp theo)**(d) Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2017 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 87/2017/TT-BTC") và Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về quy chế tài chính của công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146/2014/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

- (i) *Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM")*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

- (ii) *Cổ phiếu khác*

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

- (iii) *Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán*

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

- (iv) *Trái phiếu chưa niêm yết*

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

- (v) *Chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF*

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày định giá.

- (vi) *Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi*

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá lại.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL".

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định".

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu "Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán".

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu "Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư" và "Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD".

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 4 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn mươi (40) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

2.14 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.15 Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Nợ phải trả (tiếp theo)

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Trái phiếu phát hành;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.17 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

2.18 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu phát hành được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành. Phụ trội/(chiết khấu) trái phiếu được xác định tại thời điểm phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hoặc vốn hóa trong suốt thời hạn của trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.

Số dư trái phiếu phát hành được trình bày trên cơ sở thuần (mệnh giá cộng phụ trội hoặc trừ chiết khấu chưa phân bổ hết tại ngày báo cáo).

Số dư trái phiếu phát hành được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo thời hạn của trái phiếu.

2.19 Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23 /2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm phát sinh. Tiền bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối năm, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối năm. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

2.20 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong năm.

2.22 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

2.23 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho mỗi quỹ vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(d) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

(e) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của kỳ báo cáo là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ báo cáo là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

2.24 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

2.25 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

2.26 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác** (tiếp theo)**(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư** (tiếp theo)

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán

Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán.

(e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.27 Chi phí**(a) Ghi nhận**

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

2.28 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

2.29 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.30 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khấu hao, chi phí thuê văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ văn phòng và chi phí quản lý khác.

2.31 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động kinh doanh tại các nước mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm báo cáo. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.32 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.33 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.34 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày	
	31.12.2019	31.12.2018
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	282.536.566	214.969.560
Tiền gửi ngân hàng	837.260.689.806	117.117.216.438
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (*)	69.000.000.000	-
Tổng cộng	906.543.226.372	117.332.185.998

(*) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: không có). Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

3.2 Danh mục tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

	Mã chứng khoán	Tại ngày 31.12.2019		Tại ngày 31.12.2018	
		Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM		360.948.994.027	321.227.493.648	709.217.997.093	672.534.932.248
Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB	170.048.570.935	154.448.944.000	31.795.383.922	29.621.027.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	67.247.958.612	63.776.388.000	106.614.140.257	105.527.259.000
Công ty Cổ phần FPT	FPT	24.773.347.209	25.032.154.400	19.890.578.135	19.947.771.200
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	21.988.881.980	20.336.680.000	75.480.916.835	69.438.907.650
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	17.845.690.449	17.462.136.600	2.870.235.050	2.585.258.500
Cổ phiếu khác		59.044.544.842	40.171.190.648	472.566.742.894	445.414.708.498
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch		19.009.000.000	4.833.498.000	36.552.640.000	22.377.138.000
CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam		-	-	21.803.640.000	21.803.640.000
Cổ phiếu khác		19.009.000.000	4.833.498.000	14.749.000.000	573.498.000
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền		74.115.366.734	73.306.695.400	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	22.618.399.146	22.761.240.000	-	-
Công ty Cổ phần FPT	FPT	19.752.343.224	20.188.124.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	MBB	19.320.258.909	18.246.966.400	-	-
Cổ phiếu khác		12.424.365.455	12.110.365.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.2** Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)**(a)** Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

	Mã chứng khoán	Tại ngày 31.12.2019		Tại ngày 31.12.2018	
		Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Trái phiếu niêm yết		500.989.500.000	500.989.500.000	81.450.161.318	81.450.161.318
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID11908	499.989.500.000	499.989.500.000	-	-
Ngân hàng Chính sách Xã hội	BVBS18164	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	CI11709	-	-	81.450.161.318	81.450.161.318
Trái phiếu chưa niêm yết		386.124.240.000	386.124.240.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng không VIETJET		386.124.240.000	386.124.240.000	-	-
Ngân hàng Chính sách Xã hội	BVBS18164	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Chứng chỉ quỹ ETF		149.232.571	151.437.600	58.531.242.345	57.477.708.640
Quỹ ETF VFMVN30	E1VFN30	149.232.571	151.437.600	58.531.242.345	57.477.708.640
Tổng cộng		1.341.336.333.332	1.286.632.864.648	886.752.040.756	834.839.940.206

Thông tin chi tiết trái phiếu như sau:

	Tài sản đảm bảo	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/ năm	Mệnh giá/ trái phiếu VND
Trái phiếu niêm yết					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BID11908	Không	21/11/2019	21/11/2026	(*)	100.000
Ngân hàng Chính sách Xã hội - BVBS18164	Không	14/08/2018	14/08/2023	5%	100.000
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh - CII11709	Không	26/07/2017	26/07/2019	(**)	100.000
Trái phiếu chưa niêm yết					
Công ty Cổ phần Hàng không VIETJET	Không	26/07/2019	26/07/2022	(***)	100.000

(*) Lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 1,3%/năm. Lãi suất được xác định lại định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng sau đây: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") – Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Việt Nam ("BIDV") – Khu vực Hà Nội.

Nếu tổ chức phát hành không thực hiện mua lại trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại, lãi suất trái phiếu áp dụng cho các kỳ tính lãi trong năm thứ 6 và thứ 7 kể từ ngày phát hành sẽ bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,55%/năm.

(**) Lãi suất năm đầu tiên là 8%/năm. Lãi suất năm thứ hai được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 1%/năm. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố bởi bốn (04) ngân hàng sau đây: BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Argibank.

(***) Lãi suất đối với hai (02) kỳ tính lãi đầu tiên là 9,0%/năm. Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi tiếp theo là tổng của 3,0%/năm và lãi suất tham chiếu. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam được công bố vào ngày xác định lãi suất bởi bốn (04) ngân hàng sau đây: BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Argibank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.2** Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)**(a)** Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	360.948.994.027	727.671.953	(40.449.172.332)	321.227.493.648
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	19.009.000.000	-	(14.175.502.000)	4.833.498.000
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	74.115.366.734	579.246.630	(1.387.917.964)	73.306.695.400
Trái phiếu niêm yết	500.989.500.000	-	-	500.989.500.000
Trái phiếu chưa niêm yết	386.124.240.000	-	-	386.124.240.000
Chứng chỉ quỹ ETF	149.232.571	2.205.029	-	151.437.600
Tổng cộng	1.341.336.333.332	1.309.123.612	(56.012.592.296)	1.286.632.864.648
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND		
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	709.217.997.093	4.617.455.796	(41.300.520.641)	672.534.932.248
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	36.552.640.000	-	(14.175.502.000)	22.377.138.000
Trái phiếu niêm yết	81.450.161.318	-	-	81.450.161.318
Trái phiếu chưa niêm yết	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Chứng chỉ quỹ ETF	58.531.242.345	-	(1.053.533.705)	57.477.708.640
Tổng cộng	886.752.040.756	4.617.455.796	(56.529.556.346)	834.839.940.206

(b) Các khoản cho vay

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (*)	4.680.997.147.954	3.143.086.409.319
Ứng trước tiền bán chứng khoán	15.716.184.040	118.928.433.925
Tổng cộng	4.696.713.331.994	3.262.014.843.244

(*) Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 11.945.957.954.288 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 12.620.681.071.110 Đồng).

3.3 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	-	23.573.148.070

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Số dư đầu năm	23.573.148.070	33.631.027.290
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(23.573.148.070)	(10.057.879.220)
Số dư cuối năm	-	23.573.148.070

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2019		Tại ngày 31.12.2018	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu tiền mua chứng khoán (i)	313.839.645.938	-	555.238.957.303	-
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	1.292.650.000	1.145.650.000	2.455.150.000	1.145.650.000
Phải thu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	-	-	151.994.956.491	-
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	2.994.227.613	-	32.882.491.554	-
	318.126.523.551	1.145.650.000	742.571.555.348	1.145.650.000
Các khoản phải thu khác				
Phải thu cho vay ký quỹ quá hạn (ii)	37.783.317.946	37.783.317.946	37.783.317.946	37.783.317.946
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	40.903.315.045	-	12.913.689.042	-
Phải thu lãi trái phiếu	19.521.519.660	-	-	-
Phải thu khác	2.601.832.215	654.824.202	3.561.320.022	654.824.202
	100.809.984.866	38.438.142.148	54.258.327.010	38.438.142.148
Tổng cộng	418.936.508.417	39.583.792.148	796.829.882.358	39.583.792.148

(i) Đây là các khoản phải thu tiền mua chứng khoán từ các khách hàng tổ chức. Giá trị hợp lý của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 322.040.000.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 560.919.280.200 Đồng).

(ii) Đây là số dư còn lại của các hợp đồng giao dịch ký quỹ đã quá hạn và xử lý hết tài sản đảm bảo. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Thuyết minh 3.5).

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.5 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi		Dự phòng			
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu cho vay ký quỹ quá hạn	37.783.317.946	37.783.317.946	37.783.317.946	-	-	37.783.317.946
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	1.145.650.000	1.145.650.000	1.145.650.000	-	-	1.145.650.000
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	654.824.202	654.824.202	654.824.202	-	-	654.824.202
Tổng cộng	39.583.792.148	39.583.792.148	39.583.792.148	-	-	39.583.792.148

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.6 Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh**

Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3.7 Tài sản cố định**(a) Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1.1.2019	4.009.883.640	69.779.779.796	73.789.663.436
Mua trong năm	-	9.151.804.340	9.151.804.340
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.7(c))	-	4.835.153.510	4.835.153.510
Thanh lý	-	(1.487.823.917)	(1.487.823.917)
Tại ngày 31.12.2019	4.009.883.640	82.278.913.729	86.288.797.369
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1.1.2019	2.469.951.269	47.254.195.045	49.724.146.314
Khấu hao trong năm	507.655.796	13.324.653.640	13.832.309.436
Thanh lý	-	(1.487.823.917)	(1.487.823.917)
Tại ngày 31.12.2019	2.977.607.065	59.091.024.768	62.068.631.833
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1.1.2019	1.539.932.371	22.525.584.751	24.065.517.122
Tại ngày 31.12.2019	1.032.276.575	23.187.888.961	24.220.165.536

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 38.231.696.706 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 36.110.470.869 Đồng).

Công ty không có tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2019	64.392.294.363
Mua trong năm	2.264.358.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.7(c))	2.933.475.655
Tại ngày 31.12.2019	69.590.128.018
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2019	41.035.398.948
Khấu hao trong năm	10.885.464.778
Tại ngày 31.12.2019	51.920.863.726
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2019	23.356.895.415
Tại ngày 31.12.2019	17.669.264.292

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 29.835.153.028 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 28.861.336.978 Đồng).

Công ty không có tài sản cố định vô hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	Tại ngày	
	31.12.2019	31.12.2018
	VND	VND
Mua phần mềm giao dịch	13.597.128.282	4.447.220.550

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019	31.12.2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.447.220.550	6.851.041.776
Tăng trong năm	16.918.536.897	4.687.301.337
Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 3.7(a))	(4.835.153.510)	(894.311.990)
Kết chuyển vào tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 3.7(b))	(2.933.475.655)	(6.196.810.573)
Số dư cuối năm	13.597.128.282	4.447.220.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.8 Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Chi phí trả trước về thuê trụ sở văn phòng	86.870.726.211	89.703.467.288
Chi phí cải tạo văn phòng	6.674.971.837	5.803.432.315
Chi phí tư vấn	5.090.746.989	-
Chi phí công nghệ thông tin	2.319.039.745	4.666.659.325
Tổng cộng	100.955.484.782	100.173.558.928

3.9 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

3.10 Tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.11 Các khoản vay và trái phiếu phát hành

Biến động các khoản vay và trái phiếu phát hành trong năm như sau:

	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn					
(i)					
Vay ngắn hạn trong nước	4,0 – 8,0	1.350.000.000.000	13.742.400.000.000	(13.873.400.000.000)	1.219.000.000.000
Vay ngắn hạn nước ngoài (*),(**)	LIBOR+2	-	1.159.975.000.000	-	1.159.975.000.000
Vay thấu chi ngắn hạn	6,8 – 8,0	204.132.323.195	16.102.145.032.398	(16.291.525.120.338)	14.752.235.255
		1.554.132.323.195	31.004.520.032.398	(30.164.925.120.338)	2.393.727.235.255
Trái phiếu phát hành					
Phát hành riêng lẻ theo					
Nghị quyết 10/2018 (ii)					
	7,0	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
		150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
Tổng cộng		1.704.132.323.195	31.004.520.032.398	(30.314.925.120.338)	2.393.727.235.255

(i) Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 tháng đến 364 ngày nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Giá trị tài sản ngắn hạn được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.076.066.048.263 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.019.260.933.454 Đồng).

(*) Lãi suất vay được thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biến 2%/năm. Lãi suất tham chiếu là lãi suất vay liên ngân hàng London ("LIBOR"), áp dụng cho đồng Đô la Mỹ ("USD") cùng kỳ hạn được niêm yết vào 10:00 sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất LIBOR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất LIBOR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên ("lãi suất quy đổi"). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

(**) Các khoản vay nước ngoài có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá trên 50% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền với các ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn hoán đổi tương đương kỳ hạn của khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.11 Các khoản vay và trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

- (i) Đây là trái phiếu phát hành riêng lẻ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 10/2018/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 4 năm 2018, chi tiết như sau:
- Loại trái phiếu: trái phiếu không niêm yết, không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo
 - Giá phát hành: bằng mệnh giá là 1 tỷ Đồng/trái phiếu
 - Lãi suất trái phiếu: 7% - 8,15%/năm. Lãi suất được cố định trong thời gian đầu nhưng không quá 6 tháng. Sau đó, lãi suất sẽ được điều chỉnh theo thỏa thuận giữa Công ty và trái chủ nhưng không quá 10%/năm
 - Kỳ hạn: 2 năm
 - Tất toán trước hạn: sau thời gian cố định lãi suất, cả Công ty lẫn trái chủ đều có quyền yêu cầu tất toán trước hạn một phần hoặc toàn bộ trái phiếu đã phát hành. Lãi suất áp dụng trong trường hợp này được xác định phù hợp với các điều kiện và điều khoản của trái phiếu và các văn bản có liên quan.
 - Thanh toán: gốc và lãi được thanh toán một lần khi đáo hạn
 - Đối tượng phát hành: các quỹ đầu tư

Công ty không có khoản vay nào từ các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có khoản vay nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản vay này.

3.12 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Phải trả nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu	455.507.692.520	226.450.317.590
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2)	14.266.498.303	-
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với các sở giao dịch chứng khoán	7.714.529.000	83.159.390.391
Phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán và VSD	6.478.153.144	6.026.789.270
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	3.837.874.466	655.800
Tổng cộng	487.804.747.433	315.637.153.051

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 1.1.2019 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2019 VND
Thuế TNDN – hiện hành	16.684.859.800	97.562.452.910	(90.420.756.280)	23.826.556.430
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	11.199.027.876	90.898.880.986	(94.422.920.240)	7.674.988.622
Thuế TNDN nộp hộ doanh nghiệp nước ngoài	3.250.876.181	46.652.073.886	(46.536.929.031)	3.366.021.036
Thuế nhà thầu	338.263.079	6.830.870.890	(6.525.788.665)	643.345.304
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên	2.341.828.338	52.655.444.227	(52.743.206.523)	2.254.066.042
Thuế giá trị gia tăng	199.892.112	5.573.004.194	(5.600.531.695)	172.364.611
Thuế môn bài	-	12.000.000	(12.000.000)	-
Tổng cộng	34.014.747.386	300.184.727.093	(296.262.132.434)	37.937.342.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Phụ cấp hoàn thành công việc	35.000.000.000	45.000.000.000
Chi phí lãi vay	12.947.945.342	3.953.633.544
Chi phí phải trả khác	8.750.384.920	9.396.348.291
Tổng cộng	56.698.330.262	58.349.981.835

3.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông của Công ty	155.070.718.509	5.097.667.994
<i>Cổ tức các năm trước (*)</i>	2.316.782.009	5.097.667.994
<i>Cổ tức đợt 1 năm 2019</i>	152.753.936.500	-
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	9.460.360.000	-
Các khoản phát triển kinh doanh phải trả	6.062.313.897	19.288.313.897
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	3.274.017.325	901.542.042
Cổ tức trả hộ	2.864.711.582	2.507.431.082
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.111.085.656	3.676.114.043
Tổng cộng	184.843.206.969	31.471.069.058

(*) Các khoản này đã đến hạn nhưng chưa thanh toán do cổ đông chưa đến nhận. Ngoài các khoản này ra, Công ty không có khoản phải trả nào khác đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.16 Thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	280.383.984	1.558.791.879
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Tổng cộng	280.383.984	1.558.791.879

Biến động gộp của thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Số dư đầu năm	1.558.791.879	(15.042.694.266)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động	(1.278.407.895)	(914.579.482)
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-	17.516.065.627
Số dư cuối năm	280.383.984	1.558.791.879

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
<i>Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ quá hạn</i>	1.401.919.920	7.793.959.395
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại:	280.383.984	1.558.791.879

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)**3.17 Vốn góp của chủ sở hữu****(a) Số lượng cổ phiếu**

	Tại ngày	
	31.12.2019	31.12.2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký	305.882.263	129.756.758
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	305.882.263	129.756.758
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(366.090)	(202.590)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	305.516.173	129.554.168

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu phổ thông
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	129.570.368
Cổ phiếu phát hành thêm trong năm	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(16.200)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	129.554.168
Cổ phiếu phát hành thêm trong năm	176.125.505
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(163.500)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	305.516.173

3.18 Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	633.772.960.412	1.223.955.850.562
Lỗ chưa thực hiện	(48.293.141.097)	(51.912.100.550)
Tổng cộng	585.479.819.315	1.172.043.750.012

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.18 Lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31.12.2018 VND	Thu nhập trong năm VND	Cổ tức đã công bố trong năm VND	Trích lập các quỹ VND	Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu VND	Số dư tại ngày 31.12.2019 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.223.955.850.562	428.945.958.924	(398.627.555.700)	(87.162.701.873)	(533.338.591.501)	633.772.960.412
(Lỗ)/lãi chưa thực hiện	(51.912.100.550)	3.618.959.453	-	-	-	(48.293.141.097)
Lợi nhuận chưa phân phối	1.172.043.750.012	432.564.918.377	(398.627.555.700)	(87.162.701.873)	(533.338.591.501)	585.479.819.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**4.1 Nợ khó đòi đã xử lý**

	Tại ngày	
	31.12.2019	31.12.2018
	VND	VND
Phải thu khác	345.059.000	345.059.000

4.2 Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ (theo nguyên tệ) như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2019	31.12.2018
Đô la Mỹ	1.899,62	5.176,74
Yên Nhật	241.915	241.915
Đô la Singapore	844	590
Bảng Anh	1.594,70	100,00
Đô la Đài Loan	3.200	3.200
Đô la Canada	100	100
Ringgit Malaysia	750	750

4.3 Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày	
	31.12.2019	31.12.2018
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm (cổ phiếu)	176.125.505	-
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	129.390.668	129.554.168
Tổng cộng	305.516.173	129.554.168

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.4 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa phát hành

Tại ngày 31.12.2019

Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền đã phát hành	Số lượng chứng quyền chưa phát hành
FPT-HSC-MET01	CTCP FPT (FPT)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	2.580.050	2.419.950
MBB-HSC-MET02	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	4.781.620	218.380
MWG-HSC-MET02	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	5.000.000	-
VNM-HSC-MET01	CTCP Sữa Việt Nam (VNM)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	1.473.760	3.526.240
VRE-HSC-MET01	CTCP Vincom Retail (VRE)	08.10.2019	08.04.2020	5.000.000	1.029.570	3.970.430
VNM-HSC-MET02	CTCP Sữa Việt Nam (VNM)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	10.000	4.990.000
REE-HSC-MET01	CTCP Cơ điện lạnh (REE)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	20.000	4.980.000
VPB-HSC-MET01	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-	5.000.000
TCB-HSC-MET01	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-	5.000.000
MWG-HSC-MET03	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-	5.000.000
MBB-HSC-MET03	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-	5.000.000
GMD-HSC-MET01	CTCP Gemadept (GMD)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-	5.000.000
FPT-HSC-MET02	CTCP FPT (FPT)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-	5.000.000
VRE-HSC-MET02	CTCP Vincom Retail (VRE)	20.12.2019	22.06.2020	5.000.000	-	5.000.000
HPG-HSC-MET01	CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	30.12.2019	30.06.2020	5.000.000	-	5.000.000
				75.000.000	14.895.000	60.105.000

4.5 Hợp đồng tương lai

Vị thế bán đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên		Ngày giao dịch cuối cùng		Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán	Khối lượng bán		Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán
	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày				Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày		
VN30F2001	22/11/2019	16/01/2020	434	876.300	38.031.420.000	-	-	-	-	-	-
VN30F1901	16/11/2018	17/01/2019	-	-	-	6.642	855.000	567.891.000.000	567.891.000.000	567.891.000.000	-
							38.031.420.000			567.891.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và mua lại/đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	390.930.734.954	858.463.794.818
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi bán chứng khoán cơ sở</i>	<i>121.453.197.314</i>	<i>400.473.436.818</i>
<i>Lãi bán chứng khoán phái sinh</i>	<i>257.769.953.000</i>	<i>457.990.358.000</i>
<i>Lãi khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành</i>	<i>7.075.212.520</i>	<i>-</i>
<i>Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành</i>	<i>4.632.372.120</i>	
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(300.506.423.395)	(662.889.080.398)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lỗ bán chứng khoán cơ sở</i>	<i>(149.995.875.538)</i>	<i>(376.885.661.398)</i>
<i>Lỗ bán chứng khoán phái sinh</i>	<i>(146.448.756.000)</i>	<i>(286.003.419.000)</i>
<i>Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành</i>	<i>(4.061.791.857)</i>	<i>-</i>
Lãi ròng	90.424.311.559	195.574.714.420

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và mua lại/đào hạn chứng quyền do Công ty phát hành (tiếp theo)

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	(Lỗ)/lãi bán năm nay VND	Lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu	227.194.347	9.678.331.292.598	(9.692.777.915.283)	(14.446.622.685)	(3.897.537.952)
Trái phiếu	8.285.674	844.450.384.439	(843.464.430.628)	985.953.811	226.357.847
Chứng chỉ quỹ ETF	203.618.380	3.007.535.659.922	(3.021.826.478.824)	(14.290.818.902)	27.258.955.525
Chứng quyền có bảo đảm do tổ chức khác phát hành	2.075.390	12.415.342.460	(13.206.532.908)	(791.190.448)	-
(Lỗ)/lãi bán chứng khoán cơ sở	441.173.791	13.542.732.679.419	(13.571.275.357.643)	(28.542.678.224)	23.587.775.420
Lãi ròng vì thế từ nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				111.321.197.000	171.986.939.000
Lãi ròng khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				3.013.420.663	-
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				4.632.372.120	-
Tổng cộng				90.424.311.559	195.574.714.420

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**5.2** Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Giảm chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(3.308.332.184)	(35.012.239.201)
Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	516.964.050	12.772.740.741
Tổng cộng	(2.791.368.134)	(22.239.498.460)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc		Giá trị thị trường. giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2019		Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2018		Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	360.948.994.027	321.227.493.648	(39.721.500.379)	(36.683.064.845)	(3.038.435.534)					
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	19.009.000.000	4.833.498.000	(14.175.502.000)	(14.175.502.000)	-					
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	74.115.366.734	73.306.695.400	(808.671.334)	(808.671.334)	(808.671.334)					
Trái phiếu niêm yết	500.989.500.000	500.989.500.000	-	-	-					
Trái phiếu chưa niêm yết	386.124.240.000	386.124.240.000	-	-	-					
Chứng chỉ quỹ ETF	149.232.571	151.437.600	2.205.029	(1.053.533.705)	1.055.738.734					
Tổng cộng	1.341.336.333.332	1.286.632.864.648	(54.703.468.684)	(51.912.100.550)	(2.791.368.134)					

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Giảm chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm (doanh thu)	6.410.987.587	-
Tăng chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm (chi phí)	(660.000)	-
Tổng cộng	6.410.327.587	-

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm như sau:

	Giá gốc	Giá trị thị trường. giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2019 (lũy kế lãi)	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2018	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm (lãi thuần)
	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng quyền có bảo đảm	20.676.825.890	14.266.498.303	(6.410.327.587)	-	(6.410.327.587)

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Cổ tức	10.302.309.634	4.462.800.106
Tiền lãi	118.107.556.142	100.545.887.776
Tổng cộng	128.409.865.776	105.008.687.882

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**5.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay**

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Hoàn nhập dự phòng tài sản tài chính (Thuyết minh 3.3)	(23.573.148.070)	(10.057.879.220)
Chi phí đi vay	137.256.059.537	165.938.942.394
	113.682.911.467	155.881.063.174

5.5 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

Chi phí hoạt động trong năm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ, cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	78.706.309.030	87.578.216.751
Chi phí nhân viên	26.243.482.272	43.740.768.981
Chi phí thuê văn phòng	18.155.093.721	17.255.944.881
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	14.359.755.810	12.539.969.572
Chi phí khấu hao	4.993.112.230	4.003.700.653
Khác	14.954.864.997	10.037.832.664
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	326.959.927.736	431.738.308.494
Chi phí nhân viên	151.614.817.242	216.628.440.378
Chi phí giao dịch	103.580.531.255	158.121.138.021
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	24.544.758.019	21.008.010.567
Chi phí thuê văn phòng	20.783.113.209	17.141.395.804
Chi phí khấu hao	7.187.371.280	5.356.862.376
Khác	19.249.336.731	13.482.461.348
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8.102.665.080	10.276.510.005
Chi phí lưu ký	8.102.665.080	10.276.510.005
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	16.242.652.044	21.555.635.774
Chi phí nhân viên	16.242.652.044	21.398.146.776
Khác	-	157.488.998
Chi phí các dịch vụ khác	455.955.784	1.395.644.586
Chi phí khấu hao	35.852.183	79.432.283
Khác	420.103.601	1.316.212.303
	430.467.509.674	552.544.315.610

5.6 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Chi phí nhân viên	110.653.787.607	100.543.567.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.497.259.578	21.123.606.179
Khấu hao tài sản cố định	12.501.438.521	10.841.170.058
Chi phí thuê văn phòng	10.709.912.296	8.716.252.467
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.775.449.633	1.578.940.324
Thuế, phí, lệ phí	538.352.181	759.745.067
Chi phí quản lý khác	18.123.267.312	7.938.643.174
Tổng cộng	186.799.467.128	151.501.925.159

5.7 Chi phí thuế TNDN

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	531.405.779.182	842.185.654.984
Thuế tính ở thuế suất 20%:	106.281.155.836	168.437.130.997
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(7.689.671.031)	(2.904.135.865)
Chi phí không được khấu trừ	249.376.000	1.172.505.480
Chi phí thuế TNDN (*)	98.840.860.805	166.705.500.612
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong năm:		
Thuế TNDN - hiện hành	97.562.452.910	165.790.921.130
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 3.16)	1.278.407.895	914.579.482
Tổng cộng	98.840.860.805	166.705.500.612

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ báo cáo được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)**5.8 Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm nay, lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay chưa được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm. Cho mục đích so sánh, số liệu tương ứng của của kỳ báo cáo trước cũng không được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019	31.12.2018 Tính lại (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	432.564.918.377	675.480.154.372
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	270.966.767	215.934.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.596	3.128

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tính lại do điều chỉnh số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ đợt phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu trong tháng 5 năm 2019 dựa trên cơ sở bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (Thuyết minh 7.1(iii)), cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu tính lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	675.480.154.372	-	675.480.154.372
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	129.561.679	86.373.246	215.934.925
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.214		3.128

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.8 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Nếu chỉ tiêu lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tính lại sau khi điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, số liệu thay đổi như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Số liệu tính lại sau khi điều chỉnh số lượng cổ phiếu	Điều chỉnh tác động của khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số liệu tính lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đồng (VND)	675.480.154.372	(43.906.210.035)	631.573.944.337
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	215.934.925		215.934.925
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.128		2.925

(b) Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu còn gọi là lãi suy giảm trên cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019	31.12.2018
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả (Thuyết minh 3.15)	155.070.718.509	5.097.667.994
Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu		
<i>Trích thặng dư vốn cổ phần</i>	330.426.798.499	-
<i>Trích lợi nhuận chưa phân phối</i>	533.338.591.501	-
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	34.004.250.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số B09 – CTCK

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**6.2. Phát hành cổ phiếu trong năm**

Chi tiết tiền thu từ phát hành cổ phiếu trong năm 2019 như sau:

	Giao dịch không bằng tiền				
	Giá trị phát hành VND	Trích thẳng dự vốn cổ phần VND	Trích lợi nhuận chưa phân phối VND	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Tổng tiền huy động thuần VND
Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 7.1(iii))	863.682.390.000	(330.343.798.499)	(533.338.591.501)	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (Thuyết minh 7.1(iv))	90.678.000.000	-	-	(34.004.250.000)	56.673.750.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đồng hiện hữu (Thuyết minh 7.1(v))	1.165.923.724.000	-	-	-	1.165.923.724.000
Chi phí phát hành	-	(83.000.000)	-	-	(83.000.000)
Tổng cộng	2.120.284.114.000	(330.426.798.499)	(533.338.591.501)	(34.004.250.000)	1.222.514.474.000

6.3 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Số tiền đi vay thực thu trong năm là tiền vay thấu chi, tiền vay ngân hàng theo kế ước thông thường và tiền thu từ phát hành trái phiếu (Thuyết minh 3.11).

6.4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm là tiền trả cho các khoản vay thấu chi, chi trả nợ vay ngân hàng theo kế ước thông thường và tiền trả cho trái chủ (Thuyết minh 3.11).

7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu ("VCSH")

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2019	1.297.567.580.000	330.343.798.499	(2.893.857.008)	129.756.758.000	129.756.758.000	3.961.374.994	1.172.043.750.012	3.060.536.162.497
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	432.564.918.377	432.564.918.377
Cổ tức đợt 2 năm 2018 (i)	-	-	-	-	-	-	(245.873.619.200)	(245.873.619.200)
Cổ tức đợt 1 năm 2019 (ii)	-	-	-	-	-	-	(152.753.936.500)	(152.753.936.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(33.774.007.719)	(33.774.007.719)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	-	-	-	(10.132.202.316)	(10.132.202.316)
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.628.245.919	21.628.245.919	-	(43.256.491.838)	-
Tăng vốn từ VCSH (iii)	863.682.390.000	(330.343.798.499)	-	-	-	-	(533.338.591.501)	-
Phát hành ESOP 2018 (iv)	64.770.000.000	25.908.000.000	-	-	-	-	-	90.678.000.000
Phát hành cổ phiếu (v)	832.802.660.000	333.121.064.000	-	-	-	-	-	1.165.923.724.000
Chi phí phát hành	-	(83.000.000)	-	-	-	-	-	(83.000.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.943.000.000)	-	-	-	-	(2.943.000.000)
Tại ngày 31.12.2019	3.058.822.630.000	358.946.064.000	(5.836.857.008)	151.385.003.919	151.385.003.919	3.961.374.994	585.479.819.315	4.304.143.039.139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu (“VCSH”) (tiếp theo)**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng			
Tại ngày 1.1.2018	1.297.567.580.000	330.343.798.499	(2.602.257.008)	70.064.262.508	129.756.758.000	129.756.758.000	3.961.374.994	832.312.877.270	2.791.161.152.263			
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	-	675.480.154.372	675.480.154.372			
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (vi)	-	-	-	-	-	-	-	(55.405.916.374)	(55.405.916.374)			
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (vi)	-	-	-	-	-	-	-	(8.310.887.456)	(8.310.887.456)			
Cổ tức đợt 2 năm 2017 (vi)	-	-	-	-	-	-	-	(194.299.977.000)	(194.299.977.000)			
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(291.600.000)	-	-	-	-	-	(291.600.000)			
Phân loại lại vào báo cáo kết quả hoạt động khi thanh lý	-	-	-	(70.064.262.508)	-	-	-	-	(70.064.262.508)			
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (vii)	-	-	-	-	-	-	-	(77.732.500.800)	(77.732.500.800)			
Tại ngày 31.12.2018	1.297.567.580.000	330.343.798.499	(2.893.857.008)	-	129.756.758.000	129.756.758.000	3.961.374.994	1.172.043.750.012	3.060.536.162.497			

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2019:

- Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2018;
- Mức trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị là 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2018;
- Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2018 là 19% trên vốn điều lệ 1.297.567.580.000 Đồng, tương đương 1.900 Đồng/cổ phiếu;
- Mức chia cổ tức của năm 2019 theo kế hoạch là khoảng 15% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 1.500 Đồng/cổ phiếu.

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2019, mức chia cổ tức đợt 1 của năm 2019 là 5% vốn điều lệ 3.058.822.630.000 Đồng, tương đương 500 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 năm 2019 được chi trả bằng tiền dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 20 tháng 12 năm 2019 vào ngày thanh toán dự kiến là ngày 10 tháng 1 năm 2020 (Thuyết minh 6.1).

- (iii) Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 3 : 2 (cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu được nhận 2 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu được nhận được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, cổ phiếu lẻ thập phân được hủy bỏ. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 86.368.239 cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt ngày 21 tháng 2 năm 2019.
- (iv) Theo Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho người lao động trong Công ty, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 23.2018.NQ-HĐQT ngày 22 tháng 10 năm 2018 nhằm thông qua tiêu chuẩn người lao động được tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, thời gian thực hiện và ban hành quy chế của chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP 2018). Theo đó, Công ty đã phát hành 6.477.000 cổ phần phổ thông vào ngày 6 tháng 5 năm 2019 với giá phát hành 14.000 Đồng/cổ phần. Giá trị phát hành thực tế là 90.678.000.000 Đồng, trong đó tài trợ bởi Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 34.004.250.000 Đồng và đóng góp của người lao động là 56.673.750.000 Đồng. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 14.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng theo Chính sách của chương trình ESOP 2018 được Hội đồng Quản trị ban hành.
- (v) Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với giá thực hiện là 14.000 Đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền mua là 3 : 2 (cổ đông sở hữu 3 cổ phiếu được quyền mua thêm 2 cổ phiếu mới). Số lượng quyền mua được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số thập phân được hủy bỏ. Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm chỉ được phép chuyển nhượng một lần. Hội đồng Quản trị được ủy quyền phân phối cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 83.280.266 cổ phiếu. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 14.000 Đồng/cổ phần. Ngoại trừ 25.000.000 cổ phiếu phân phối lại cho Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm (từ ngày 22 tháng 5 năm 2019 đến hết ngày 21 tháng 5 năm 2020), các cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
- (vi) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2018:
- Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2017;
 - Mức trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị là 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2017;
 - Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2017 là 15% trên vốn điều lệ 1.297.567.580.000 Đồng, tương đương 1.500 Đồng/cổ phiếu.
- (vii) Theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2018, ngày 15 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị ứng trước cổ tức đợt 1 năm 2018 bằng tiền là 6% của mệnh giá cổ phiếu, tương đương 600 Đồng/ cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

7.2 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	1.223.955.850.562	861.985.479.360
Lỗ chưa thực hiện cuối năm	(48.293.141.097)	(51.912.100.550)
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	428.945.958.924	697.719.652.832
Số trích lập trong năm:	(620.501.293.374)	(63.716.803.830)
<i>Vốn góp chủ sở hữu</i>	(533.338.591.501)	-
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	(33.774.007.719)	(55.405.916.374)
<i>Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị</i>	(10.132.202.316)	(8.310.887.456)
<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	(21.628.245.919)	-
<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</i>	(21.628.245.919)	-
Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông	984.107.375.015	1.444.076.227.812
Lợi nhuận đã phân phối cho cổ đông trong năm	398.627.555.700	272.032.477.800
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối	(2.756.753.675)	(1.412.458.875)
Thu nhập thuần phân phối cho cổ đông	395.870.802.025	270.620.018.925

8 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ đồng chiến lược, nắm giữ 29,96% vốn điều lệ. Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là Tổng Giám đốc và thành viên HĐQT của Tập đoàn DC. Thành viên HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc của Tập đoàn DC. Thành viên HĐQT của Công ty là đại diện phần vốn của DC.
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Cổ đồng chiến lược, nắm giữ 28,61% vốn điều lệ. Hai thành viên HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc và Trưởng phòng Đầu tư của HFIC.
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)		
Môi giới bán chứng khoán	153.552.000.000	321.120.255.600
Doanh thu phí môi giới	-	240.840.192
Cổ tức đã trả	120.455.017.000	106.052.787.000
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)		
Cổ tức đã trả	115.000.000.000	101.250.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	32.097.803.791	32.037.000.957

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)		
Cổ tức phải trả	45.825.278.000	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)		
Cổ tức phải trả	43.750.000.000	-
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	25.083.088	25.007.904

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Môi giới và dịch vụ		Tự doanh		Kinh doanh vốn		Tư vấn		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu và thu nhập (*)	488.070.973.384	522.443.256.133	495.988.943.636	53.627.870.462	1.560.131.043.615					
Chi phí	(335.518.548.600)	(378.696.428.375)	(113.682.911.467)	(16.242.652.044)	(844.140.540.486)					
Trong đó:										
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(289.476.046.959)	(363.411.776.852)	(137.256.059.537)	(16.242.652.044)	(806.386.535.392)					
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	516.304.050	23.573.148.070	-	24.089.452.120					
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(7.223.223.463)	(4.993.112.230)	-	-	(12.216.335.693)					
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(38.819.278.178)	(10.807.843.343)	-	-	(49.627.121.521)					
Kết quả bộ phận	152.552.424.784	143.746.827.758	382.306.032.169	37.385.218.418	715.990.503.129					
Thu nhập tài chính thuần					2.119.729.545					
Thu nhập khác					95.013.636					
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(186.799.467.128)					
Kết quả hoạt động					531.405.779.182					

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

9 BÀO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018					
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND	
Doanh thu và thu nhập (*)	779.075.139.587	928.460.243.499	523.064.352.711	119.216.643.588	2.349.816.379.385	
Chi phí	(443.410.463.085)	(737.694.556.408)	(155.881.063.174)	(21.555.635.774)	(1.358.541.718.441)	
Trong đó:						
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(409.892.286.680)	(731.643.726.891)	(155.881.063.174)	(21.555.635.774)	(1.318.972.712.519)	
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	12.772.740.741	-	-	12.772.740.741	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(5.436.294.659)	(4.003.700.653)	-	-	(9.439.995.312)	
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(28.081.881.746)	(14.819.869.605)	-	-	(42.901.751.351)	
Kết quả bộ phận	335.664.676.502	190.765.687.091	367.183.289.537	97.661.007.814	991.274.660.944	
Thu nhập tài chính thuần					2.310.619.199	
Thu nhập khác					102.300.000	
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(151.501.925.159)	
Kết quả hoạt động					842.185.654.984	

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	458.588.685.137	1.296.946.396.115	5.666.824.853.957	2.426.071.426	-	7.424.786.006.635
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	63.892.622.713	63.892.622.713
Tổng tài sản	458.588.685.137	1.296.946.396.115	5.666.824.853.957	2.426.071.426	63.892.622.713	7.488.678.629.348
Nợ phải trả bộ phận	(491.960.004.500)	-	(2.406.675.180.597)	-	-	(2.898.635.185.097)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(285.900.405.112)	(285.900.405.112)
Tổng nợ phải trả	(491.960.004.500)	-	(2.406.675.180.597)	-	(285.900.405.112)	(3.184.535.590.209)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm 2019	8.700.714.965	-	-	62.480.000	10.421.596.540	19.184.791.505
Cho tài sản bộ phận	8.700.714.965	-	-	62.480.000	-	8.763.194.965
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	10.421.596.540-	10.421.596.540

9 BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	871.838.164.168	965.722.873.111	3.375.423.227.786	3.531.711.189	-	5.216.515.976.254
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	39.789.350.927	39.789.350.927
Tổng tài sản	871.838.164.168	965.722.873.111	3.375.423.227.786	3.531.711.189	39.789.350.927	5.256.305.327.181
Nợ phải trả bộ phận	(328.500.415.674)	-	(1.708.085.956.739)	-	-	(2.036.586.372.413)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(159.182.792.271)	(159.182.792.271)
Tổng nợ phải trả	(328.500.415.674)	-	(1.708.085.956.739)	-	(159.182.792.271)	(2.195.769.164.684)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm 2018	16.605.178.370	4.191.641.551	-	153.780.000	8.746.117.620	29.696.717.541
Cho tài sản bộ phận	16.605.178.370	4.191.641.551	-	153.780.000	-	20.950.599.921
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	8.746.117.620	8.746.117.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3.1)	837.260.689.806	117.117.216.438
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (Thuyết minh 3.1)	69.000.000.000	-
Trái phiếu niêm yết (Thuyết minh 3.2)	500.989.500.000	81.450.161.318
Trái phiếu chưa niêm yết (Thuyết minh 3.2)	386.124.240.000	1.000.000.000
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.2)	4.696.713.331.994	3.262.014.843.244
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)	418.936.508.417	796.829.882.358
Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh (Thuyết minh 3.6)	7.563.570.950	102.256.365.000
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	6.916.587.841.167	4.360.668.468.358

(i) *Số dư với ngân hàng*

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi, lãi dự thu và các khoản ký quỹ.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Tổng Giám đốc tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có số dư với ngân hàng nào chiếm trên 15% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có số dư nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) *Tài sản tài chính FVTPL*

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu không có tài sản đảm bảo được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp và phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 15% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) *Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh*

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(a) Rủi ro tín dụng** (tiếp theo)**(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ**

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 11.945.957.954.288 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 12.620.681.071.110 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có khoản phải thu nào chiếm trên 15% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Mẫu số B09 – CTCK

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không suy giảm VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng VND
Tại ngày 31.12.2019				
Trong hạn	-	-	379.352.716.269	379.352.716.269
Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	4.673.066.397	-	-	4.673.066.397
Quá hạn trên 3 năm	34.910.725.751	-	-	34.910.725.751
Dự phòng đã lập	(39.583.792.148)	-	-	(39.583.792.148)
Giá trị thuần	-	-	379.352.716.269	379.352.716.269
Tại ngày 31.12.2018				
Trong hạn	-	-	757.246.090.210	757.246.090.210
Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	4.673.066.397	-	-	4.673.066.397
Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	18.191.420.657	-	-	18.191.420.657
Quá hạn trên 3 năm	16.719.305.094	-	-	16.719.305.094
Dự phòng đã lập	(39.583.792.148)	-	-	(39.583.792.148)
Giá trị thuần	-	-	757.246.090.210	757.246.090.210

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

■ Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Chi tiết lãi suất của các trái phiếu doanh nghiệp và các khoản đi vay của Công ty được trình bày ở Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.11.

■ Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục tài sản tài chính, vị thế mở hợp đồng tương lai và chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản mục này. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán và phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nếu giá các chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 98.746.795.708 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: cao hơn/thấp hơn 21.355.915.216 Đồng tương ứng).

■ Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ và tham gia hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền (Thuyết minh 3.11) nhằm phòng ngừa rủi ro tiền tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	2019	2018	2019	2018
Tài sản tài chính				
Tiền	1.899,62	5.176,74	43.249.211	118.995.845
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	(25.000.000,00)	-	(579.987.500.000)	-
Nợ tài chính thuần	(24.998.100,38)	5.176,74	(579.944.250.789)	118.995.845
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	(24.998.100,38)	5.176,74	(579.944.250.789)	118.995.845

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 46.395.540.063 Đồng tương ứng chủ yếu là do (lỗ)/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: thấp hơn/cao hơn 9.519.668 Đồng tương ứng).

(c) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.11)	2.393.727.235.255	1.554.132.323.195
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (Thuyết minh 3.11)	-	150.000.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.12)	487.804.747.433	315.637.153.051
Phải trả người bán ngắn hạn	1.046.316.763	3.466.914.332
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.14)	56.698.330.262	58.349.981.835
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.15)	184.843.206.969	31.471.069.058
Tổng nợ tài chính	3.124.119.836.682	2.113.057.441.471

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính**

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC, theo đó Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 566% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 505%).

11 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Dưới 1 năm	22.406.759.219	25.771.977.761
Từ 1 đến 5 năm	46.051.389.766	62.705.263.783
Tổng cộng	68.458.148.985	88.477.241.544

12 CAM KẾT VỐN

Cam kết mua tài sản cố định vô hình đã ký hợp đồng tại ngày báo cáo nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2019 VND	31.12.2018 VND
Mua phần mềm	5.991.400.000	431.164.420

13 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	851.907.140	24.947.833.842.300
Trái phiếu	189.913.707	20.539.367.842.484
Chứng quyền có bảo đảm	59.525.520	167.818.203.200
Hợp đồng tương lai	315.036	27.870.525.959.000
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	6.155.787.787	136.450.748.423.320
Trái phiếu	704.448.999	73.015.863.564.187
Chứng quyền có bảo đảm	55.876.060	163.283.022.000
Hợp đồng tương lai	3.871.561	341.880.668.688.000
	8.021.645.810	625.036.109.544.491

14 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay, cụ thể như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Số liệu theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại (*) VND	Số liệu phân loại lại VND
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	851.839.940.206	(17.000.000.000)	834.839.940.206
122	Các khoản phải thu khác	725.571.555.348	17.000.000.000	742.571.555.348

(*) Phân loại lại số dư phải thu tiền mua chứng khoán từ các khách hàng tổ chức về đúng dòng trên báo cáo.

(b) Báo cáo kết quả hoạt động

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Số liệu theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại (*) VND	Số liệu phân loại lại VND
26	Chi phí hoạt động tự doanh	75.036.982.785	12.541.233.966	87.578.216.751
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	414.598.167.005	17.140.141.489	431.738.308.494
32	Chi phí các dịch vụ khác	1.139.112.140	256.532.446	1.395.644.586
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	1.328.603.810.540	29.937.907.901	1.358.541.718.441
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	181.439.833.060	(29.937.907.901)	151.501.925.159

(*) Phân loại lại một số chi phí theo cách phân bổ của năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B09 – CTCK

14 THÔNG TIN SO SÁNH (tiếp theo)**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Số liệu	Phân loại	Số liệu
		theo báo cáo trước đây VND	lại (*) VND	phân loại lại VND
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL	(13.449.247.870)	17.000.000.000	3.550.752.130
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(254.550.203.970)	(17.000.000.000)	(271.550.203.970)

(*) Do việc phân loại lại số dư phải thu tiền mua chứng khoán từ các khách hàng tổ chức về đúng dòng trên báo cáo.

15 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO

Sau ngày báo cáo, các thị trường chứng khoán thế giới nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng đã có sự suy giảm mạnh chủ yếu do các tác động liên quan đến đại dịch COVID-19. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thực hiện đánh giá sơ bộ ảnh hưởng của vấn đề này đối với hoạt động của Công ty, cũng như khả năng thu hồi tài sản, giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Công ty. Tại thời điểm này, Ban Tổng Giám đốc không thể ước tính một cách đáng tin cậy những ảnh hưởng đến kết quả hoạt động trong các kỳ tiếp theo của Công ty. Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục kiểm soát tình hình, hành động kịp thời và phù hợp để giảm thiểu sự ảnh hưởng từ dịch bệnh.

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn để phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2020.



Lê Thị Thùy Dương
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài Chính



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 3 năm 2020

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1 TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5&6, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai,
Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84-28 3823 3299
Fax: +84-28 3823 3301

2 CHI NHÁNH NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Tầng 6A, Tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng,
436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại: +84-28 3929 2068
Fax: +84-28 3929 2069

3 PHÒNG GIAO DỊCH LÊ LAI

Tầng 2, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84-28 3829 3826
Fax: +84-28 3823 2621

4 PHÒNG GIAO DỊCH NAM SÀI GÒN

Tầng 9, Etown Central, 11 Đoàn Văn Bơ,
Phường 12, Quận 4, TP. HCM
Điện thoại: +84-28 3622 0679
Fax: +84-28 3622 0689

5 PHÒNG GIAO DỊCH TRẦN HƯNG ĐẠO

Tầng 1&2, 569-571-573 Trần Hưng Đạo,
Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84-28 3836 4189
Fax : +84-28 3836 4198

HÀ NỘI

1 CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa Nhà CornerStone,
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84-24 3933 4693
Fax: +84-24 3933 4822

2 PHÒNG GIAO DỊCH KIM LIÊN

Tầng 18, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84-24 3574 5599
Fax: +84-24 3574 5959

3 PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ

Tầng 6, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84-24 3776 7100
Fax: +84-24 3776 7101

4 PHÒNG GIAO DỊCH HOÀN KIẾM

Tầng 4, Tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84-24 3941 6240
Fax: +84-24 3941 6242

..hsc